| | |
|---|---|
| **CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 55/2024/TB-VPA | *Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024* |

# THÔNG BÁO
## THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 28/5/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 28/5/2024 như sau:

**1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá:** *(Có danh sách chi tiết)*

**2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước**

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.
- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 28/5/2024: Trước 16h30' ngày 25/5/2024 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 25/5/2024).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

***Lưu ý:*** Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- TK9 - Bộ Công an (Để B/c);
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

**GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM

**Lâm Thị Mai Anh**

# DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 28/5/2024

*Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 25 5 2024*
*(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).*

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 1 | 19A-666.62 | Phú Thọ | 1251 | 14A-900.01 | Quảng Ninh | 2501 | 19A-666.65 | Phú Thọ | 3751 | 14C-411.11 | Quảng Ninh |
| 2 | 19A-669.94 | Phú Thọ | 1252 | 19A-668.87 | Phú Thọ | 2502 | 19A-668.81 | Phú Thọ | 3752 | 19A-666.99 | Phú Thọ |
| 3 | 19A-669.97 | Phú Thọ | 1253 | 20A-786.68 | Thái Nguyên | 2503 | 20A-777.75 | Thái Nguyên | 3753 | 19A-668.82 | Phú Thọ |
| 4 | 20A-797.91 | Thái Nguyên | 1254 | 51D-999.92 | Hồ Chí Minh | 2504 | 30L-200.09 | Hà Nội | 3754 | 27C-066.88 | Điện Biên |
| 5 | 20A-797.92 | Thái Nguyên | 1255 | 51M-000.07 | Hồ Chí Minh | 2505 | 63A-300.07 | Tiền Giang | 3755 | 30L-468.68 | Hà Nội |
| 6 | 51L-500.09 | Hồ Chí Minh | 1256 | 73C-179.79 | Quảng Bình | 2506 | 70C-199.99 | Tây Ninh | 3756 | 43A-888.84 | Đà Nẵng |
| 7 | 77A-333.39 | Bình Định | 1257 | 89C-333.36 | Hưng Yên | 2507 | 78A-200.01 | Phú Yên | 3757 | 43C-300.09 | Đà Nẵng |
| 8 | 89C-333.38 | Hưng Yên | 1258 | 98A-777.71 | Bắc Giang | 2508 | 78A-200.07 | Phú Yên | 3758 | 49C-366.99 | Lâm Đồng |
| 9 | 92A-411.11 | Quảng Nam | 1259 | 98A-777.78 | Bắc Giang | 2509 | 99A-777.72 | Bắc Ninh | 3759 | 72A-797.92 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 10 | 98A-777.74 | Bắc Giang | 1260 | 99A-797.91 | Bắc Ninh | 2510 | 99A-797.92 | Bắc Ninh | 3760 | 89C-333.39 | Hưng Yên |
| 11 | 30K-855.69 | Hà Nội | 1261 | 30L-207.86 | Hà Nội | 2511 | 30L-183.39 | Hà Nội | 3761 | 30L-005.79 | Hà Nội |
| 12 | 30K-856.38 | Hà Nội | 1262 | 30L-216.69 | Hà Nội | 2512 | 30L-213.86 | Hà Nội | 3762 | 30L-179.69 | Hà Nội |
| 13 | 30L-059.69 | Hà Nội | 1263 | 30L-251.51 | Hà Nội | 2513 | 30L-230.66 | Hà Nội | 3763 | 30L-185.79 | Hà Nội |
| 14 | 30L-177.39 | Hà Nội | 1264 | 30L-276.79 | Hà Nội | 2514 | 30L-244.86 | Hà Nội | 3764 | 30L-209.66 | Hà Nội |
| 15 | 30L-194.99 | Hà Nội | 1265 | 30L-280.69 | Hà Nội | 2515 | 30L-254.39 | Hà Nội | 3765 | 30L-210.68 | Hà Nội |
| 16 | 30L-203.88 | Hà Nội | 1266 | 30L-287.79 | Hà Nội | 2516 | 30L-277.00 | Hà Nội | 3766 | 30L-222.00 | Hà Nội |
| 17 | 30L-206.69 | Hà Nội | 1267 | 30L-309.79 | Hà Nội | 2517 | 30L-301.79 | Hà Nội | 3767 | 30L-248.69 | Hà Nội |
| 18 | 30L-213.89 | Hà Nội | 1268 | 30L-310.39 | Hà Nội | 2518 | 30L-303.89 | Hà Nội | 3768 | 30L-252.69 | Hà Nội |
| 19 | 30L-240.04 | Hà Nội | 1269 | 30L-315.88 | Hà Nội | 2519 | 30L-319.66 | Hà Nội | 3769 | 30L-261.99 | Hà Nội |
| 20 | 30L-311.39 | Hà Nội | 1270 | 30L-324.86 | Hà Nội | 2520 | 30L-330.79 | Hà Nội | 3770 | 30L-280.66 | Hà Nội |
| 21 | 30L-322.44 | Hà Nội | 1271 | 30L-354.54 | Hà Nội | 2521 | 30L-381.39 | Hà Nội | 3771 | 30L-317.71 | Hà Nội |
| 22 | 30L-350.50 | Hà Nội | 1272 | 30L-361.86 | Hà Nội | 2522 | 30L-394.69 | Hà Nội | 3772 | 30L-324.69 | Hà Nội |
| 23 | 30L-394.94 | Hà Nội | 1273 | 30L-372.22 | Hà Nội | 2523 | 30L-401.11 | Hà Nội | 3773 | 30L-358.39 | Hà Nội |
| 24 | 30L-409.66 | Hà Nội | 1274 | 30L-372.68 | Hà Nội | 2524 | 30L-401.99 | Hà Nội | 3774 | 30L-384.44 | Hà Nội |
| 25 | 30L-417.69 | Hà Nội | 1275 | 30L-389.96 | Hà Nội | 2525 | 30L-415.86 | Hà Nội | 3775 | 30L-392.89 | Hà Nội |
| 26 | 30L-426.79 | Hà Nội | 1276 | 30L-403.30 | Hà Nội | 2526 | 30L-429.88 | Hà Nội | 3776 | 30L-405.39 | Hà Nội |
| 27 | 30L-432.79 | Hà Nội | 1277 | 30L-403.86 | Hà Nội | 2527 | 30L-444.00 | Hà Nội | 3777 | 30L-411.77 | Hà Nội |
| 28 | 30L-461.99 | Hà Nội | 1278 | 30L-406.69 | Hà Nội | 2528 | 30L-496.49 | Hà Nội | 3778 | 30L-420.69 | Hà Nội |
| 29 | 30L-464.89 | Hà Nội | 1279 | 30L-408.79 | Hà Nội | 2529 | 30L-496.96 | Hà Nội | 3779 | 30L-425.89 | Hà Nội |
| 30 | 30L-476.79 | Hà Nội | 1280 | 30L-432.34 | Hà Nội | 2530 | 30L-501.50 | Hà Nội | 3780 | 30L-452.89 | Hà Nội |
| 31 | 30L-490.09 | Hà Nội | 1281 | 30L-444.13 | Hà Nội | 2531 | 30L-508.50 | Hà Nội | 3781 | 30L-461.64 | Hà Nội |
| 32 | 30L-500.22 | Hà Nội | 1282 | 30L-444.33 | Hà Nội | 2532 | 30L-511.33 | Hà Nội | 3782 | 30L-471.17 | Hà Nội |
| 33 | 30L-504.39 | Hà Nội | 1283 | 30L-445.86 | Hà Nội | 2533 | 30L-517.99 | Hà Nội | 3783 | 30L-487.84 | Hà Nội |
| 34 | 30L-505.66 | Hà Nội | 1284 | 30L-459.96 | Hà Nội | 2534 | 30L-524.24 | Hà Nội | 3784 | 30L-490.86 | Hà Nội |
| 35 | 30L-506.39 | Hà Nội | 1285 | 30L-471.68 | Hà Nội | 2535 | 30L-531.53 | Hà Nội | 3785 | 30L-498.66 | Hà Nội |
| 36 | 30L-509.68 | Hà Nội | 1286 | 30L-499.86 | Hà Nội | 2536 | 30L-533.53 | Hà Nội | 3786 | 30L-499.49 | Hà Nội |
| 37 | 30L-510.00 | Hà Nội | 1287 | 30L-508.89 | Hà Nội | 2537 | 30L-543.86 | Hà Nội | 3787 | 30L-514.14 | Hà Nội |
| 38 | 30L-511.89 | Hà Nội | 1288 | 30L-517.17 | Hà Nội | 2538 | 30L-543.89 | Hà Nội | 3788 | 30L-514.68 | Hà Nội |
| 39 | 30L-527.27 | Hà Nội | 1289 | 30L-521.52 | Hà Nội | 2539 | 51L-138.89 | Hồ Chí Minh | 3789 | 30L-514.88 | Hà Nội |
| 40 | 30L-530.89 | Hà Nội | 1290 | 30L-523.25 | Hà Nội | 2540 | 51L-402.69 | Hồ Chí Minh | 3790 | 30L-527.39 | Hà Nội |
| 41 | 30L-531.13 | Hà Nội | 1291 | 30L-529.11 | Hà Nội | 2541 | 51L-404.68 | Hồ Chí Minh | 3791 | 30L-533.00 | Hà Nội |
| 42 | 30L-540.68 | Hà Nội | 1292 | 30L-533.89 | Hà Nội | 2542 | 51L-404.89 | Hồ Chí Minh | 3792 | 30L-542.99 | Hà Nội |
| 43 | 30L-541.54 | Hà Nội | 1293 | 30L-537.79 | Hà Nội | 2543 | 51L-407.77 | Hồ Chí Minh | 3793 | 51L-131.88 | Hồ Chí Minh |
| 44 | 51L-399.55 | Hồ Chí Minh | 1294 | 51L-319.39 | Hồ Chí Minh | 2544 | 51L-414.44 | Hồ Chí Minh | 3794 | 51L-203.39 | Hồ Chí Minh |
| 45 | 51L-421.11 | Hồ Chí Minh | 1295 | 51L-430.00 | Hồ Chí Minh | 2545 | 51L-422.11 | Hồ Chí Minh | 3795 | 51L-401.69 | Hồ Chí Minh |
| 46 | 51L-458.99 | Hồ Chí Minh | 1296 | 51L-440.88 | Hồ Chí Minh | 2546 | 51L-424.86 | Hồ Chí Minh | 3796 | 51L-435.39 | Hồ Chí Minh |
| 47 | 51L-481.68 | Hồ Chí Minh | 1297 | 51L-443.66 | Hồ Chí Minh | 2547 | 51L-445.69 | Hồ Chí Minh | 3797 | 51L-443.99 | Hồ Chí Minh |
| 48 | 51L-487.66 | Hồ Chí Minh | 1298 | 51L-443.69 | Hồ Chí Minh | 2548 | 51L-448.44 | Hồ Chí Minh | 3798 | 51L-462.79 | Hồ Chí Minh |
| 49 | 51L-491.89 | Hồ Chí Minh | 1299 | 51L-500.44 | Hồ Chí Minh | 2549 | 51L-449.88 | Hồ Chí Minh | 3799 | 51L-464.79 | Hồ Chí Minh |
| 50 | 51L-500.39 | Hồ Chí Minh | 1300 | 51L-502.50 | Hồ Chí Minh | 2550 | 51L-472.39 | Hồ Chí Minh | 3800 | 51L-464.88 | Hồ Chí Minh |
| 51 | 51L-516.88 | Hồ Chí Minh | 1301 | 51L-513.51 | Hồ Chí Minh | 2551 | 51L-479.86 | Hồ Chí Minh | 3801 | 51L-476.39 | Hồ Chí Minh |
| 52 | 51L-517.39 | Hồ Chí Minh | 1302 | 51L-537.53 | Hồ Chí Minh | 2552 | 51L-480.69 | Hồ Chí Minh | 3802 | 51L-478.66 | Hồ Chí Minh |
| 53 | 51L-522.39 | Hồ Chí Minh | 1303 | 51L-560.00 | Hồ Chí Minh | 2553 | 51L-480.99 | Hồ Chí Minh | 3803 | 51L-478.69 | Hồ Chí Minh |
| 54 | 51L-534.86 | Hồ Chí Minh | 1304 | 51L-562.68 | Hồ Chí Minh | 2554 | 51L-485.68 | Hồ Chí Minh | 3804 | 51L-490.88 | Hồ Chí Minh |
| 55 | 51L-547.69 | Hồ Chí Minh | 1305 | 51L-569.56 | Hồ Chí Minh | 2555 | 51L-497.68 | Hồ Chí Minh | 3805 | 51L-509.79 | Hồ Chí Minh |
| 56 | 51L-574.44 | Hồ Chí Minh | 1306 | 51L-580.00 | Hồ Chí Minh | 2556 | 51L-505.68 | Hồ Chí Minh | 3806 | 51L-514.86 | Hồ Chí Minh |
| 57 | 51L-577.55 | Hồ Chí Minh | 1307 | 51L-583.79 | Hồ Chí Minh | 2557 | 51L-512.99 | Hồ Chí Minh | 3807 | 51L-520.86 | Hồ Chí Minh |
| 58 | 51L-590.89 | Hồ Chí Minh | 1308 | 51L-614.61 | Hồ Chí Minh | 2558 | 51L-530.30 | Hồ Chí Minh | 3808 | 51L-527.88 | Hồ Chí Minh |
| 59 | 11A-119.89 | Cao Bằng | 1309 | 11A-124.79 | Cao Bằng | 2559 | 51L-530.66 | Hồ Chí Minh | 3809 | 51L-532.86 | Hồ Chí Minh |
| 60 | 11A-122.55 | Cao Bằng | 1310 | 12A-245.66 | Lạng Sơn | 2560 | 51L-535.69 | Hồ Chí Minh | 3810 | 51L-559.66 | Hồ Chí Minh |
| 61 | 11A-124.68 | Cao Bằng | 1311 | 12A-245.69 | Lạng Sơn | 2561 | 51L-603.30 | Hồ Chí Minh | 3811 | 51L-563.39 | Hồ Chí Minh |
| 62 | 11C-077.44 | Cao Bằng | 1312 | 12A-247.39 | Lạng Sơn | 2562 | 51L-607.68 | Hồ Chí Minh | 3812 | 51L-577.66 | Hồ Chí Minh |
| 63 | 12A-248.24 | Lạng Sơn | 1313 | 12C-133.66 | Lạng Sơn | 2563 | 51L-608.60 | Hồ Chí Minh | 3813 | 51L-583.99 | Hồ Chí Minh |
| 64 | 12A-251.25 | Lạng Sơn | 1314 | 14A-894.89 | Quảng Ninh | 2564 | 51L-612.99 | Hồ Chí Minh | 3814 | 51L-587.68 | Hồ Chí Minh |
| 65 | 12C-133.77 | Lạng Sơn | 1315 | 14A-901.11 | Quảng Ninh | 2565 | 11A-127.66 | Cao Bằng | 3815 | 51L-589.88 | Hồ Chí Minh |
| 66 | 14A-910.79 | Quảng Ninh | 1316 | 14A-908.09 | Quảng Ninh | 2566 | 11C-074.66 | Cao Bằng | 3816 | 51L-594.49 | Hồ Chí Minh |
| 67 | 14A-917.66 | Quảng Ninh | 1317 | 14A-923.92 | Quảng Ninh | 2567 | 12A-249.24 | Lạng Sơn | 3817 | 51L-607.99 | Hồ Chí Minh |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 68 | 14A-917.86 | Quảng Ninh | 1318 | 14A-926.92 | Quảng Ninh | 2568 | 12A-251.89 | Lạng Sơn | 3818 | 51L-609.89 | Hồ Chí Minh |
| 69 | 14A-921.11 | Quảng Ninh | 1319 | 14C-417.86 | Quảng Ninh | 2569 | 14A-900.86 | Quảng Ninh | 3819 | 51L-612.89 | Hồ Chí Minh |
| 70 | 14A-922.11 | Quảng Ninh | 1320 | 14C-420.20 | Quảng Ninh | 2570 | 14A-913.39 | Quảng Ninh | 3820 | 11A-127.27 | Cao Bằng |
| 71 | 14A-924.42 | Quảng Ninh | 1321 | 15D-046.68 | Hải Phòng | 2571 | 14A-922.89 | Quảng Ninh | 3821 | 12A-250.52 | Lạng Sơn |
| 72 | 14A-927.38 | Quảng Ninh | 1322 | 15D-047.86 | Hải Phòng | 2572 | 14C-416.88 | Quảng Ninh | 3822 | 12A-251.86 | Lạng Sơn |
| 73 | 14C-420.89 | Quảng Ninh | 1323 | 15K-317.86 | Hải Phòng | 2573 | 15D-049.40 | Hải Phòng | 3823 | 14A-879.86 | Quảng Ninh |
| 74 | 15B-051.68 | Hải Phòng | 1324 | 15K-320.66 | Hải Phòng | 2574 | 15K-273.86 | Hải Phòng | 3824 | 14A-901.99 | Quảng Ninh |
| 75 | 15D-047.99 | Hải Phòng | 1325 | 15K-332.33 | Hải Phòng | 2575 | 15K-279.69 | Hải Phòng | 3825 | 14A-903.69 | Quảng Ninh |
| 76 | 15K-291.39 | Hải Phòng | 1326 | 15K-333.78 | Hải Phòng | 2576 | 15K-299.11 | Hải Phòng | 3826 | 14A-904.99 | Quảng Ninh |
| 77 | 15K-311.79 | Hải Phòng | 1327 | 17A-458.66 | Thái Bình | 2577 | 15K-307.70 | Hải Phòng | 3827 | 14A-905.90 | Quảng Ninh |
| 78 | 15K-317.79 | Hải Phòng | 1328 | 17A-460.39 | Thái Bình | 2578 | 15K-311.22 | Hải Phòng | 3828 | 14A-913.89 | Quảng Ninh |
| 79 | 15K-321.12 | Hải Phòng | 1329 | 17A-464.79 | Thái Bình | 2579 | 15K-311.69 | Hải Phòng | 3829 | 14A-918.69 | Quảng Ninh |
| 80 | 15K-323.69 | Hải Phòng | 1330 | 17A-467.67 | Thái Bình | 2580 | 15K-315.86 | Hải Phòng | 3830 | 14C-413.31 | Quảng Ninh |
| 81 | 15K-325.52 | Hải Phòng | 1331 | 18A-455.22 | Nam Định | 2581 | 15K-316.61 | Hải Phòng | 3831 | 14C-423.99 | Quảng Ninh |
| 82 | 15K-327.86 | Hải Phòng | 1332 | 18A-456.99 | Nam Định | 2582 | 15K-321.69 | Hải Phòng | 3832 | 15K-280.68 | Hải Phòng |
| 83 | 15K-330.88 | Hải Phòng | 1333 | 18A-460.06 | Nam Định | 2583 | 15K-322.66 | Hải Phòng | 3833 | 15K-309.39 | Hải Phòng |
| 84 | 15K-333.47 | Hải Phòng | 1334 | 18A-465.55 | Nam Định | 2584 | 15K-334.99 | Hải Phòng | 3834 | 15K-315.99 | Hải Phòng |
| 85 | 15K-334.79 | Hải Phòng | 1335 | 19A-630.68 | Phú Thọ | 2585 | 17A-446.44 | Thái Bình | 3835 | 15K-322.79 | Hải Phòng |
| 86 | 15K-336.38 | Hải Phòng | 1336 | 19A-634.43 | Phú Thọ | 2586 | 17D-009.96 | Thái Bình | 3836 | 15K-325.69 | Hải Phòng |
| 87 | 17A-444.55 | Thái Bình | 1337 | 19A-651.66 | Phú Thọ | 2587 | 17D-009.99 | Thái Bình | 3837 | 15K-332.69 | Hải Phòng |
| 88 | 17A-454.45 | Thái Bình | 1338 | 19A-658.39 | Phú Thọ | 2588 | 18A-438.83 | Nam Định | 3838 | 17A-452.88 | Thái Bình |
| 89 | 17A-460.00 | Thái Bình | 1339 | 19A-659.96 | Phú Thọ | 2589 | 18A-453.88 | Nam Định | 3839 | 17A-462.79 | Thái Bình |
| 90 | 17A-467.66 | Thái Bình | 1340 | 19A-666.46 | Phú Thọ | 2590 | 18A-459.88 | Nam Định | 3840 | 17A-465.69 | Thái Bình |
| 91 | 17C-202.86 | Thái Bình | 1341 | 19A-670.76 | Phú Thọ | 2591 | 18A-461.99 | Nam Định | 3841 | 17C-203.30 | Thái Bình |
| 92 | 18A-457.45 | Nam Định | 1342 | 20A-774.74 | Thái Nguyên | 2592 | 18A-465.66 | Nam Định | 3842 | 17C-205.02 | Thái Bình |
| 93 | 18A-463.79 | Nam Định | 1343 | 20A-780.79 | Thái Nguyên | 2593 | 18C-163.66 | Nam Định | 3843 | 17C-207.39 | Thái Bình |
| 94 | 18A-466.55 | Nam Định | 1344 | 20A-788.69 | Thái Nguyên | 2594 | 18D-011.66 | Nam Định | 3844 | 18A-447.39 | Nam Định |
| 95 | 18D-011.39 | Nam Định | 1345 | 20A-790.69 | Thái Nguyên | 2595 | 19A-655.86 | Phú Thọ | 3845 | 18A-460.68 | Nam Định |
| 96 | 19A-634.39 | Phú Thọ | 1346 | 20A-792.92 | Thái Nguyên | 2596 | 19A-661.89 | Phú Thọ | 3846 | 19A-653.69 | Phú Thọ |
| 97 | 19A-653.35 | Phú Thọ | 1347 | 20A-792.97 | Thái Nguyên | 2597 | 19A-671.39 | Phú Thọ | 3847 | 19A-654.69 | Phú Thọ |
| 98 | 19A-660.99 | Phú Thọ | 1348 | 20A-794.49 | Thái Nguyên | 2598 | 20A-782.86 | Thái Nguyên | 3848 | 20A-670.68 | Thái Nguyên |
| 99 | 19A-664.44 | Phú Thọ | 1349 | 20A-800.22 | Thái Nguyên | 2599 | 20A-787.99 | Thái Nguyên | 3849 | 20A-787.89 | Thái Nguyên |
| 100 | 19A-666.15 | Phú Thọ | 1350 | 21A-195.95 | Yên Bái | 2600 | 20A-788.68 | Thái Nguyên | 3850 | 20A-793.79 | Thái Nguyên |
| 101 | 19A-670.99 | Phú Thọ | 1351 | 21A-199.00 | Yên Bái | 2601 | 20A-791.66 | Thái Nguyên | 3851 | 20A-794.79 | Thái Nguyên |
| 102 | 19C-242.99 | Phú Thọ | 1352 | 21A-205.89 | Yên Bái | 2602 | 20A-792.86 | Thái Nguyên | 3852 | 20A-803.89 | Thái Nguyên |
| 103 | 20A-766.22 | Thái Nguyên | 1353 | 21C-102.39 | Yên Bái | 2603 | 20A-793.99 | Thái Nguyên | 3853 | 20C-289.98 | Thái Nguyên |
| 104 | 20A-766.69 | Thái Nguyên | 1354 | 21C-102.86 | Yên Bái | 2604 | 20A-796.96 | Thái Nguyên | 3854 | 21A-199.55 | Yên Bái |
| 105 | 20A-777.26 | Thái Nguyên | 1355 | 21C-107.39 | Yên Bái | 2605 | 20A-804.40 | Thái Nguyên | 3855 | 21A-204.66 | Yên Bái |
| 106 | 20A-785.55 | Thái Nguyên | 1356 | 22A-240.79 | Tuyên Quang | 2606 | 20A-810.00 | Thái Nguyên | 3856 | 21C-103.39 | Yên Bái |
| 107 | 20A-795.86 | Thái Nguyên | 1357 | 22A-255.77 | Tuyên Quang | 2607 | 20C-293.29 | Thái Nguyên | 3857 | 21C-103.88 | Yên Bái |
| 108 | 20A-797.88 | Thái Nguyên | 1358 | 22C-107.68 | Tuyên Quang | 2608 | 20C-294.39 | Thái Nguyên | 3858 | 21C-104.86 | Yên Bái |
| 109 | 20A-799.86 | Thái Nguyên | 1359 | 23A-149.94 | Hà Giang | 2609 | 21A-210.21 | Yên Bái | 3859 | 22A-236.36 | Tuyên Quang |
| 110 | 20A-802.88 | Thái Nguyên | 1360 | 23B-008.00 | Hà Giang | 2610 | 21A-210.79 | Yên Bái | 3860 | 22A-253.88 | Tuyên Quang |
| 111 | 20A-805.79 | Thái Nguyên | 1361 | 23C-086.79 | Hà Giang | 2611 | 21C-100.39 | Yên Bái | 3861 | 22C-106.99 | Tuyên Quang |
| 112 | 20A-806.08 | Thái Nguyên | 1362 | 24A-281.86 | Lào Cai | 2612 | 22A-253.69 | Tuyên Quang | 3862 | 22C-107.89 | Tuyên Quang |
| 113 | 20A-806.88 | Thái Nguyên | 1363 | 24A-291.91 | Lào Cai | 2613 | 22A-254.89 | Tuyên Quang | 3863 | 23A-154.45 | Hà Giang |
| 114 | 20A-807.77 | Thái Nguyên | 1364 | 24A-296.79 | Lào Cai | 2614 | 23A-155.00 | Hà Giang | 3864 | 23C-085.55 | Hà Giang |
| 115 | 20A-808.86 | Thái Nguyên | 1365 | 24A-299.77 | Lào Cai | 2615 | 23C-082.82 | Hà Giang | 3865 | 23C-086.88 | Hà Giang |
| 116 | 20A-810.81 | Thái Nguyên | 1366 | 24A-303.39 | Lào Cai | 2616 | 23C-084.86 | Hà Giang | 3866 | 24A-276.69 | Lào Cai |
| 117 | 20C-287.68 | Thái Nguyên | 1367 | 24C-154.66 | Lào Cai | 2617 | 23C-085.86 | Hà Giang | 3867 | 24C-155.68 | Lào Cai |
| 118 | 20C-287.69 | Thái Nguyên | 1368 | 25A-078.86 | Lai Châu | 2618 | 24A-293.79 | Lào Cai | 3868 | 25B-004.79 | Lai Châu |
| 119 | 20C-288.22 | Thái Nguyên | 1369 | 26A-209.68 | Sơn La | 2619 | 24A-300.55 | Lào Cai | 3869 | 26A-222.14 | Sơn La |
| 120 | 20C-290.99 | Thái Nguyên | 1370 | 26A-219.19 | Sơn La | 2620 | 26A-215.39 | Sơn La | 3870 | 26C-152.68 | Sơn La |
| 121 | 20C-293.86 | Thái Nguyên | 1371 | 26A-222.39 | Sơn La | 2621 | 26C-155.68 | Sơn La | 3871 | 26C-153.51 | Sơn La |
| 122 | 21A-202.89 | Yên Bái | 1372 | 26C-149.69 | Sơn La | 2622 | 27A-117.11 | Điện Biên | 3872 | 27B-010.79 | Điện Biên |
| 123 | 21A-207.20 | Yên Bái | 1373 | 26C-150.39 | Sơn La | 2623 | 27A-118.69 | Điện Biên | 3873 | 28A-240.39 | Hòa Bình |
| 124 | 21A-208.08 | Yên Bái | 1374 | 26C-150.50 | Sơn La | 2624 | 28A-243.39 | Hòa Bình | 3874 | 28C-108.79 | Hòa Bình |
| 125 | 21A-208.66 | Yên Bái | 1375 | 26C-153.68 | Sơn La | 2625 | 28A-245.55 | Hòa Bình | 3875 | 28C-110.79 | Hòa Bình |
| 126 | 21A-208.99 | Yên Bái | 1376 | 27A-111.68 | Điện Biên | 2626 | 28C-111.00 | Hòa Bình | 3876 | 28C-111.22 | Hòa Bình |
| 127 | 22A-245.54 | Tuyên Quang | 1377 | 27C-066.86 | Điện Biên | 2627 | 28C-112.69 | Hòa Bình | 3877 | 28C-116.11 | Hòa Bình |
| 128 | 22A-248.84 | Tuyên Quang | 1378 | 28A-233.22 | Hòa Bình | 2628 | 29D-581.81 | Hà Nội | 3878 | 29K-146.46 | Hà Nội |
| 129 | 22A-254.25 | Tuyên Quang | 1379 | 28C-109.99 | Hòa Bình | 2629 | 29D-583.79 | Hà Nội | 3879 | 29K-147.47 | Hà Nội |
| 130 | 22A-254.79 | Tuyên Quang | 1380 | 28C-110.39 | Hòa Bình | 2630 | 29K-180.89 | Hà Nội | 3880 | 29K-156.99 | Hà Nội |
| 131 | 23C-082.66 | Hà Giang | 1381 | 28C-112.22 | Hòa Bình | 2631 | 29K-193.39 | Hà Nội | 3881 | 29K-179.86 | Hà Nội |
| 132 | 23C-084.69 | Hà Giang | 1382 | 28C-113.86 | Hòa Bình | 2632 | 29K-195.79 | Hà Nội | 3882 | 29K-200.22 | Hà Nội |
| 133 | 23C-085.08 | Hà Giang | 1383 | 28C-115.11 | Hòa Bình | 2633 | 29K-199.19 | Hà Nội | 3883 | 29K-200.79 | Hà Nội |
| 134 | 24A-289.79 | Lào Cai | 1384 | 29D-579.97 | Hà Nội | 2634 | 29K-203.30 | Hà Nội | 3884 | 29K-210.69 | Hà Nội |
| 135 | 24A-291.89 | Lào Cai | 1385 | 29K-155.39 | Hà Nội | 2635 | 29K-204.04 | Hà Nội | 3885 | 29K-217.39 | Hà Nội |
| 136 | 24A-293.69 | Lào Cai | 1386 | 29K-167.69 | Hà Nội | 2636 | 29K-204.20 | Hà Nội | 3886 | 34A-822.44 | Hải Dương |
| 137 | 24A-301.10 | Lào Cai | 1387 | 29K-176.79 | Hà Nội | 2637 | 29K-204.44 | Hà Nội | 3887 | 34A-825.86 | Hải Dương |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 138 | 24A-301.79 | Lào Cai | 1388 | 29K-183.18 | Hà Nội | 2638 | 29K-208.79 | Hà Nội | 3888 | 34A-830.79 | Hải Dương |
| 139 | 26A-222.33 | Sơn La | 1389 | 29K-187.78 | Hà Nội | 2639 | 29K-215.15 | Hà Nội | 3889 | 34A-836.69 | Hải Dương |
| 140 | 26A-222.56 | Sơn La | 1390 | 29K-192.99 | Hà Nội | 2640 | 29K-215.69 | Hà Nội | 3890 | 34A-841.48 | Hải Dương |
| 141 | 26A-222.77 | Sơn La | 1391 | 29K-193.88 | Hà Nội | 2641 | 29K-216.39 | Hà Nội | 3891 | 34A-845.86 | Hải Dương |
| 142 | 26C-147.79 | Sơn La | 1392 | 29K-195.95 | Hà Nội | 2642 | 29K-218.89 | Hà Nội | 3892 | 34A-846.79 | Hải Dương |
| 143 | 27B-010.88 | Điện Biên | 1393 | 29K-198.68 | Hà Nội | 2643 | 29K-220.20 | Hà Nội | 3893 | 34A-849.49 | Hải Dương |
| 144 | 27C-068.06 | Điện Biên | 1394 | 29K-206.89 | Hà Nội | 2644 | 34A-805.66 | Hải Dương | 3894 | 34A-851.99 | Hải Dương |
| 145 | 28C-108.88 | Hòa Bình | 1395 | 29K-207.89 | Hà Nội | 2645 | 34A-810.66 | Hải Dương | 3895 | 34A-852.89 | Hải Dương |
| 146 | 28C-111.14 | Hòa Bình | 1396 | 29K-211.33 | Hà Nội | 2646 | 34A-837.66 | Hải Dương | 3896 | 34A-853.89 | Hải Dương |
| 147 | 28C-111.58 | Hòa Bình | 1397 | 29K-217.88 | Hà Nội | 2647 | 34A-841.88 | Hải Dương | 3897 | 34A-855.85 | Hải Dương |
| 148 | 29K-155.89 | Hà Nội | 1398 | 29K-219.12 | Hà Nội | 2648 | 34A-844.99 | Hải Dương | 3898 | 34C-401.10 | Hải Dương |
| 149 | 29K-163.88 | Hà Nội | 1399 | 34A-825.82 | Hải Dương | 2649 | 34A-854.54 | Hải Dương | 3899 | 34C-404.68 | Hải Dương |
| 150 | 29K-193.66 | Hà Nội | 1400 | 34A-830.86 | Hải Dương | 2650 | 34C-400.04 | Hải Dương | 3900 | 34C-404.86 | Hải Dương |
| 151 | 29K-194.39 | Hà Nội | 1401 | 34A-835.79 | Hải Dương | 2651 | 34C-400.69 | Hải Dương | 3901 | 34C-408.66 | Hải Dương |
| 152 | 29K-210.88 | Hà Nội | 1402 | 34A-842.86 | Hải Dương | 2652 | 34C-403.30 | Hải Dương | 3902 | 35A-422.77 | Ninh Bình |
| 153 | 29K-218.12 | Hà Nội | 1403 | 34A-842.88 | Hải Dương | 2653 | 34C-403.33 | Hải Dương | 3903 | 35A-425.55 | Ninh Bình |
| 154 | 29K-220.22 | Hà Nội | 1404 | 34A-853.39 | Hải Dương | 2654 | 35A-414.86 | Ninh Bình | 3904 | 35A-435.69 | Ninh Bình |
| 155 | 34A-805.89 | Hải Dương | 1405 | 34C-402.04 | Hải Dương | 2655 | 35A-419.91 | Ninh Bình | 3905 | 35C-168.66 | Ninh Bình |
| 156 | 34A-811.86 | Hải Dương | 1406 | 34C-406.04 | Hải Dương | 2656 | 35A-421.39 | Ninh Bình | 3906 | 36C-462.26 | Thanh Hóa |
| 157 | 34A-825.55 | Hải Dương | 1407 | 35A-391.93 | Ninh Bình | 2657 | 35A-437.34 | Ninh Bình | 3907 | 36C-465.99 | Thanh Hóa |
| 158 | 34A-827.82 | Hải Dương | 1408 | 35A-435.39 | Ninh Bình | 2658 | 35A-438.99 | Ninh Bình | 3908 | 36C-507.70 | Thanh Hóa |
| 159 | 34A-827.88 | Hải Dương | 1409 | 35A-436.34 | Ninh Bình | 2659 | 35A-442.69 | Ninh Bình | 3909 | 36K-050.39 | Thanh Hóa |
| 160 | 34A-838.89 | Hải Dương | 1410 | 35A-444.18 | Ninh Bình | 2660 | 35C-163.79 | Ninh Bình | 3910 | 36K-053.88 | Thanh Hóa |
| 161 | 34A-849.89 | Hải Dương | 1411 | 35C-164.66 | Ninh Bình | 2661 | 36C-464.86 | Thanh Hóa | 3911 | 36K-089.39 | Thanh Hóa |
| 162 | 34A-851.66 | Hải Dương | 1412 | 35C-165.88 | Ninh Bình | 2662 | 36C-472.89 | Thanh Hóa | 3912 | 36K-098.09 | Thanh Hóa |
| 163 | 34A-854.44 | Hải Dương | 1413 | 35C-169.68 | Ninh Bình | 2663 | 36C-475.88 | Thanh Hóa | 3913 | 36K-103.03 | Thanh Hóa |
| 164 | 34A-854.89 | Hải Dương | 1414 | 35C-169.86 | Ninh Bình | 2664 | 36C-480.68 | Thanh Hóa | 3914 | 36K-103.69 | Thanh Hóa |
| 165 | 34A-855.99 | Hải Dương | 1415 | 35C-172.69 | Ninh Bình | 2665 | 36C-481.79 | Thanh Hóa | 3915 | 36K-113.13 | Thanh Hóa |
| 166 | 34C-399.79 | Hải Dương | 1416 | 36C-467.39 | Thanh Hóa | 2666 | 36C-482.82 | Thanh Hóa | 3916 | 36K-115.69 | Thanh Hóa |
| 167 | 34C-400.89 | Hải Dương | 1417 | 36C-468.99 | Thanh Hóa | 2667 | 36C-486.66 | Thanh Hóa | 3917 | 36K-119.69 | Thanh Hóa |
| 168 | 34C-401.79 | Hải Dương | 1418 | 36C-482.22 | Thanh Hóa | 2668 | 36C-488.22 | Thanh Hóa | 3918 | 36K-124.79 | Thanh Hóa |
| 169 | 34C-403.88 | Hải Dương | 1419 | 36C-482.79 | Thanh Hóa | 2669 | 36C-498.98 | Thanh Hóa | 3919 | 36K-132.68 | Thanh Hóa |
| 170 | 34C-406.89 | Hải Dương | 1420 | 36C-489.69 | Thanh Hóa | 2670 | 36C-500.05 | Thanh Hóa | 3920 | 37C-535.53 | Nghệ An |
| 171 | 35A-444.01 | Ninh Bình | 1421 | 36C-489.98 | Thanh Hóa | 2671 | 36C-500.55 | Thanh Hóa | 3921 | 37K-249.68 | Nghệ An |
| 172 | 35C-163.89 | Ninh Bình | 1422 | 36C-491.39 | Thanh Hóa | 2672 | 36C-501.11 | Thanh Hóa | 3922 | 37K-342.69 | Nghệ An |
| 173 | 35C-168.89 | Ninh Bình | 1423 | 36C-493.93 | Thanh Hóa | 2673 | 36K-055.33 | Thanh Hóa | 3923 | 37K-345.54 | Nghệ An |
| 174 | 35C-169.39 | Ninh Bình | 1424 | 36C-495.39 | Thanh Hóa | 2674 | 36K-055.89 | Thanh Hóa | 3924 | 37K-356.65 | Nghệ An |
| 175 | 36C-480.86 | Thanh Hóa | 1425 | 36C-499.33 | Thanh Hóa | 2675 | 36K-082.66 | Thanh Hóa | 3925 | 37K-365.39 | Nghệ An |
| 176 | 36C-482.99 | Thanh Hóa | 1426 | 36K-048.86 | Thanh Hóa | 2676 | 36K-085.69 | Thanh Hóa | 3926 | 37K-372.72 | Nghệ An |
| 177 | 36C-483.69 | Thanh Hóa | 1427 | 36K-055.86 | Thanh Hóa | 2677 | 36K-092.68 | Thanh Hóa | 3927 | 37K-384.89 | Nghệ An |
| 178 | 36C-484.69 | Thanh Hóa | 1428 | 36K-067.99 | Thanh Hóa | 2678 | 36K-095.95 | Thanh Hóa | 3928 | 38A-612.66 | Hà Tĩnh |
| 179 | 36C-487.99 | Thanh Hóa | 1429 | 36K-080.69 | Thanh Hóa | 2679 | 36K-104.39 | Thanh Hóa | 3929 | 38A-618.16 | Hà Tĩnh |
| 180 | 36C-490.89 | Thanh Hóa | 1430 | 36K-084.86 | Thanh Hóa | 2680 | 36K-106.69 | Thanh Hóa | 3930 | 38A-621.79 | Hà Tĩnh |
| 181 | 36C-492.66 | Thanh Hóa | 1431 | 36K-086.39 | Thanh Hóa | 2681 | 36K-108.69 | Thanh Hóa | 3931 | 38A-622.77 | Hà Tĩnh |
| 182 | 36C-499.69 | Thanh Hóa | 1432 | 36K-088.33 | Thanh Hóa | 2682 | 36K-113.79 | Thanh Hóa | 3932 | 38A-623.79 | Hà Tĩnh |
| 183 | 36C-503.89 | Thanh Hóa | 1433 | 36K-090.69 | Thanh Hóa | 2683 | 36K-116.11 | Thanh Hóa | 3933 | 38A-625.62 | Hà Tĩnh |
| 184 | 36K-063.86 | Thanh Hóa | 1434 | 36K-091.11 | Thanh Hóa | 2684 | 36K-121.79 | Thanh Hóa | 3934 | 38A-628.69 | Hà Tĩnh |
| 185 | 36K-065.65 | Thanh Hóa | 1435 | 36K-092.39 | Thanh Hóa | 2685 | 36K-134.34 | Thanh Hóa | 3935 | 38A-630.89 | Hà Tĩnh |
| 186 | 36K-068.39 | Thanh Hóa | 1436 | 36K-094.68 | Thanh Hóa | 2686 | 36K-134.79 | Thanh Hóa | 3936 | 38A-633.86 | Hà Tĩnh |
| 187 | 36K-076.76 | Thanh Hóa | 1437 | 36K-095.99 | Thanh Hóa | 2687 | 36K-135.35 | Thanh Hóa | 3937 | 38A-635.63 | Hà Tĩnh |
| 188 | 36K-081.68 | Thanh Hóa | 1438 | 36K-099.11 | Thanh Hóa | 2688 | 36K-135.99 | Thanh Hóa | 3938 | 38C-217.68 | Hà Tĩnh |
| 189 | 36K-085.79 | Thanh Hóa | 1439 | 36K-101.39 | Thanh Hóa | 2689 | 37C-524.42 | Nghệ An | 3939 | 38C-225.39 | Hà Tĩnh |
| 190 | 36K-088.69 | Thanh Hóa | 1440 | 36K-105.10 | Thanh Hóa | 2690 | 37C-537.66 | Nghệ An | 3940 | 38C-227.66 | Hà Tĩnh |
| 191 | 36K-094.99 | Thanh Hóa | 1441 | 36K-106.68 | Thanh Hóa | 2691 | 37K-329.79 | Nghệ An | 3941 | 43A-878.87 | Đà Nẵng |
| 192 | 36K-098.39 | Thanh Hóa | 1442 | 36K-111.17 | Thanh Hóa | 2692 | 37K-331.13 | Nghệ An | 3942 | 43A-879.68 | Đà Nẵng |
| 193 | 36K-100.86 | Thanh Hóa | 1443 | 36K-123.23 | Thanh Hóa | 2693 | 37K-341.39 | Nghệ An | 3943 | 43A-882.86 | Đà Nẵng |
| 194 | 36K-103.88 | Thanh Hóa | 1444 | 36K-129.69 | Thanh Hóa | 2694 | 37K-344.33 | Nghệ An | 3944 | 43A-887.79 | Đà Nẵng |
| 195 | 36K-107.70 | Thanh Hóa | 1445 | 37C-518.88 | Nghệ An | 2695 | 37K-351.89 | Nghệ An | 3945 | 43A-888.01 | Đà Nẵng |
| 196 | 36K-118.11 | Thanh Hóa | 1446 | 37C-521.12 | Nghệ An | 2696 | 37K-352.25 | Nghệ An | 3946 | 43A-888.13 | Đà Nẵng |
| 197 | 36K-120.12 | Thanh Hóa | 1447 | 37C-536.86 | Nghệ An | 2697 | 37K-355.89 | Nghệ An | 3947 | 43A-890.98 | Đà Nẵng |
| 198 | 36K-121.89 | Thanh Hóa | 1448 | 37K-306.99 | Nghệ An | 2698 | 37K-366.79 | Nghệ An | 3948 | 43A-891.79 | Đà Nẵng |
| 199 | 36K-122.33 | Thanh Hóa | 1449 | 37K-344.22 | Nghệ An | 2699 | 37K-375.99 | Nghệ An | 3949 | 43A-891.99 | Đà Nẵng |
| 200 | 36K-125.79 | Thanh Hóa | 1450 | 37K-346.64 | Nghệ An | 2700 | 38A-632.69 | Hà Tĩnh | 3950 | 43A-894.98 | Đà Nẵng |
| 201 | 36K-134.39 | Thanh Hóa | 1451 | 37K-347.43 | Nghệ An | 2701 | 38A-636.89 | Hà Tĩnh | 3951 | 43C-299.11 | Đà Nẵng |
| 202 | 37C-526.86 | Nghệ An | 1452 | 37K-349.86 | Nghệ An | 2702 | 38C-225.68 | Hà Tĩnh | 3952 | 43C-304.89 | Đà Nẵng |
| 203 | 37C-530.00 | Nghệ An | 1453 | 37K-350.53 | Nghệ An | 2703 | 43A-860.86 | Đà Nẵng | 3953 | 43D-008.80 | Đà Nẵng |
| 204 | 37K-294.68 | Nghệ An | 1454 | 37K-360.88 | Nghệ An | 2704 | 43A-862.68 | Đà Nẵng | 3954 | 47A-712.86 | Đắk Lắk |
| 205 | 37K-337.39 | Nghệ An | 1455 | 37K-361.79 | Nghệ An | 2705 | 43A-869.96 | Đà Nẵng | 3955 | 47A-714.14 | Đắk Lắk |
| 206 | 37K-342.66 | Nghệ An | 1456 | 37K-367.39 | Nghệ An | 2706 | 43A-877.44 | Đà Nẵng | 3956 | 47A-720.79 | Đắk Lắk |
| 207 | 37K-353.99 | Nghệ An | 1457 | 37K-376.69 | Nghệ An | 2707 | 43A-883.39 | Đà Nẵng | 3957 | 47A-724.86 | Đắk Lắk |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 208 | 37K-359.89 | Nghệ An | 1458 | 37K-377.00 | Nghệ An | 2708 | 43A-888.59 | Đà Nẵng | 3958 | 47A-730.39 | Đắk Lắk |
| 209 | 37K-362.36 | Nghệ An | 1459 | 37K-378.89 | Nghệ An | 2709 | 43A-897.99 | Đà Nẵng | 3959 | 47A-730.66 | Đắk Lắk |
| 210 | 37K-372.79 | Nghệ An | 1460 | 38A-624.69 | Hà Tĩnh | 2710 | 43A-898.66 | Đà Nẵng | 3960 | 47A-733.37 | Đắk Lắk |
| 211 | 37K-375.89 | Nghệ An | 1461 | 38A-626.89 | Hà Tĩnh | 2711 | 43C-296.79 | Đà Nẵng | 3961 | 47A-734.44 | Đắk Lắk |
| 212 | 37K-377.11 | Nghệ An | 1462 | 38A-634.99 | Hà Tĩnh | 2712 | 43C-299.00 | Đà Nẵng | 3962 | 47A-741.39 | Đắk Lắk |
| 213 | 37K-380.08 | Nghệ An | 1463 | 38A-635.53 | Hà Tĩnh | 2713 | 43C-300.33 | Đà Nẵng | 3963 | 47A-742.99 | Đắk Lắk |
| 214 | 37K-383.89 | Nghệ An | 1464 | 38C-227.68 | Hà Tĩnh | 2714 | 47A-712.79 | Đắk Lắk | 3964 | 47A-746.68 | Đắk Lắk |
| 215 | 38A-611.69 | Hà Tĩnh | 1465 | 38C-228.89 | Hà Tĩnh | 2715 | 47A-723.32 | Đắk Lắk | 3965 | 47A-747.77 | Đắk Lắk |
| 216 | 38A-623.89 | Hà Tĩnh | 1466 | 43A-857.77 | Đà Nẵng | 2716 | 47A-724.69 | Đắk Lắk | 3966 | 47A-750.00 | Đắk Lắk |
| 217 | 38A-624.88 | Hà Tĩnh | 1467 | 43A-878.88 | Đà Nẵng | 2717 | 47A-724.79 | Đắk Lắk | 3967 | 47A-755.00 | Đắk Lắk |
| 218 | 43A-860.99 | Đà Nẵng | 1468 | 43A-886.99 | Đà Nẵng | 2718 | 47A-728.79 | Đắk Lắk | 3968 | 47A-756.88 | Đắk Lắk |
| 219 | 43A-868.39 | Đà Nẵng | 1469 | 43A-887.99 | Đà Nẵng | 2719 | 47A-733.00 | Đắk Lắk | 3969 | 47A-758.58 | Đắk Lắk |
| 220 | 43A-875.57 | Đà Nẵng | 1470 | 43A-888.18 | Đà Nẵng | 2720 | 47A-742.86 | Đắk Lắk | 3970 | 47C-359.69 | Đắk Lắk |
| 221 | 43A-880.69 | Đà Nẵng | 1471 | 43A-888.35 | Đà Nẵng | 2721 | 47A-744.66 | Đắk Lắk | 3971 | 47C-361.89 | Đắk Lắk |
| 222 | 43A-885.86 | Đà Nẵng | 1472 | 43A-889.39 | Đà Nẵng | 2722 | 47A-750.66 | Đắk Lắk | 3972 | 47C-362.69 | Đắk Lắk |
| 223 | 43A-888.02 | Đà Nẵng | 1473 | 43A-892.39 | Đà Nẵng | 2723 | 47A-753.53 | Đắk Lắk | 3973 | 47C-365.36 | Đắk Lắk |
| 224 | 43A-891.69 | Đà Nẵng | 1474 | 47A-717.69 | Đắk Lắk | 2724 | 47A-754.75 | Đắk Lắk | 3974 | 47C-365.65 | Đắk Lắk |
| 225 | 43A-894.88 | Đà Nẵng | 1475 | 47A-727.66 | Đắk Lắk | 2725 | 47A-756.56 | Đắk Lắk | 3975 | 47C-366.79 | Đắk Lắk |
| 226 | 43A-895.66 | Đà Nẵng | 1476 | 47A-742.42 | Đắk Lắk | 2726 | 47A-759.86 | Đắk Lắk | 3976 | 47C-369.86 | Đắk Lắk |
| 227 | 43A-898.68 | Đà Nẵng | 1477 | 47A-746.47 | Đắk Lắk | 2727 | 47C-353.89 | Đắk Lắk | 3977 | 48A-232.88 | Đắk Nông |
| 228 | 43C-293.88 | Đà Nẵng | 1478 | 47A-750.05 | Đắk Lắk | 2728 | 47C-365.89 | Đắk Lắk | 3978 | 48A-233.77 | Đắk Nông |
| 229 | 47A-719.19 | Đắk Lắk | 1479 | 47A-755.11 | Đắk Lắk | 2729 | 47C-366.68 | Đắk Lắk | 3979 | 48A-234.99 | Đắk Nông |
| 230 | 47A-720.69 | Đắk Lắk | 1480 | 47A-756.99 | Đắk Lắk | 2730 | 47C-366.69 | Đắk Lắk | 3980 | 48C-101.86 | Đắk Nông |
| 231 | 47A-728.39 | Đắk Lắk | 1481 | 47C-349.88 | Đắk Lắk | 2731 | 48A-221.21 | Đắk Nông | 3981 | 48C-101.88 | Đắk Nông |
| 232 | 47A-734.86 | Đắk Lắk | 1482 | 47C-358.66 | Đắk Lắk | 2732 | 48A-222.27 | Đắk Nông | 3982 | 49A-677.22 | Lâm Đồng |
| 233 | 47A-739.99 | Đắk Lắk | 1483 | 47C-359.88 | Đắk Lắk | 2733 | 49A-697.39 | Lâm Đồng | 3983 | 49A-679.88 | Lâm Đồng |
| 234 | 47A-746.69 | Đắk Lắk | 1484 | 47C-361.86 | Đắk Lắk | 2734 | 49C-367.68 | Lâm Đồng | 3984 | 49A-698.88 | Lâm Đồng |
| 235 | 47A-757.68 | Đắk Lắk | 1485 | 47C-362.88 | Đắk Lắk | 2735 | 51D-993.69 | Hồ Chí Minh | 3985 | 49A-701.99 | Lâm Đồng |
| 236 | 47A-758.99 | Đắk Lắk | 1486 | 47C-366.55 | Đắk Lắk | 2736 | 51E-319.68 | Hồ Chí Minh | 3986 | 49C-365.65 | Lâm Đồng |
| 237 | 47C-361.66 | Đắk Lắk | 1487 | 47C-366.77 | Đắk Lắk | 2737 | 51M-000.38 | Hồ Chí Minh | 3987 | 49D-012.01 | Lâm Đồng |
| 238 | 47C-372.89 | Đắk Lắk | 1488 | 47C-371.86 | Đắk Lắk | 2738 | 51M-005.05 | Hồ Chí Minh | 3988 | 51D-983.33 | Hồ Chí Minh |
| 239 | 47C-375.39 | Đắk Lắk | 1489 | 47C-374.86 | Đắk Lắk | 2739 | 60C-722.55 | Đồng Nai | 3989 | 51D-987.78 | Hồ Chí Minh |
| 240 | 48C-102.66 | Đắk Nông | 1490 | 49A-688.33 | Lâm Đồng | 2740 | 60C-724.68 | Đồng Nai | 3990 | 51D-994.49 | Hồ Chí Minh |
| 241 | 49A-684.44 | Lâm Đồng | 1491 | 49A-696.68 | Lâm Đồng | 2741 | 60K-500.44 | Đồng Nai | 3991 | 51D-999.45 | Hồ Chí Minh |
| 242 | 49A-688.11 | Lâm Đồng | 1492 | 49A-704.39 | Lâm Đồng | 2742 | 60K-501.99 | Đồng Nai | 3992 | 51D-999.55 | Hồ Chí Minh |
| 243 | 49C-355.44 | Lâm Đồng | 1493 | 49B-028.88 | Lâm Đồng | 2743 | 60K-508.99 | Đồng Nai | 3993 | 60C-718.18 | Đồng Nai |
| 244 | 49C-366.44 | Lâm Đồng | 1494 | 49C-361.68 | Lâm Đồng | 2744 | 60K-511.69 | Đồng Nai | 3994 | 60C-721.68 | Đồng Nai |
| 245 | 51D-999.27 | Hồ Chí Minh | 1495 | 49C-361.79 | Lâm Đồng | 2745 | 60K-512.69 | Đồng Nai | 3995 | 60C-722.88 | Đồng Nai |
| 246 | 51E-314.41 | Hồ Chí Minh | 1496 | 51D-986.89 | Hồ Chí Minh | 2746 | 60K-513.99 | Đồng Nai | 3996 | 60C-724.88 | Đồng Nai |
| 247 | 51E-316.16 | Hồ Chí Minh | 1497 | 51D-987.98 | Hồ Chí Minh | 2747 | 60K-515.89 | Đồng Nai | 3997 | 60C-726.39 | Đồng Nai |
| 248 | 51M-006.39 | Hồ Chí Minh | 1498 | 51D-988.79 | Hồ Chí Minh | 2748 | 60K-517.66 | Đồng Nai | 3998 | 60K-508.88 | Đồng Nai |
| 249 | 60C-718.17 | Đồng Nai | 1499 | 51D-991.19 | Hồ Chí Minh | 2749 | 60K-521.52 | Đồng Nai | 3999 | 60K-509.39 | Đồng Nai |
| 250 | 60C-719.91 | Đồng Nai | 1500 | 51D-995.66 | Hồ Chí Minh | 2750 | 60K-529.25 | Đồng Nai | 4000 | 60K-510.89 | Đồng Nai |
| 251 | 60C-721.89 | Đồng Nai | 1501 | 51D-999.56 | Hồ Chí Minh | 2751 | 60K-530.39 | Đồng Nai | 4001 | 60K-511.68 | Đồng Nai |
| 252 | 60C-727.89 | Đồng Nai | 1502 | 51E-321.32 | Hồ Chí Minh | 2752 | 60K-531.31 | Đồng Nai | 4002 | 60K-512.21 | Đồng Nai |
| 253 | 60K-508.89 | Đồng Nai | 1503 | 51M-001.88 | Hồ Chí Minh | 2753 | 60K-537.69 | Đồng Nai | 4003 | 60K-518.69 | Đồng Nai |
| 254 | 60K-525.52 | Đồng Nai | 1504 | 51M-005.55 | Hồ Chí Minh | 2754 | 61C-578.79 | Bình Dương | 4004 | 60K-525.55 | Đồng Nai |
| 255 | 60K-527.79 | Đồng Nai | 1505 | 60B-067.67 | Đồng Nai | 2755 | 61C-582.85 | Bình Dương | 4005 | 60K-528.52 | Đồng Nai |
| 256 | 60K-528.88 | Đồng Nai | 1506 | 60B-067.69 | Đồng Nai | 2756 | 61C-585.88 | Bình Dương | 4006 | 60K-543.21 | Đồng Nai |
| 257 | 60K-532.35 | Đồng Nai | 1507 | 60C-719.71 | Đồng Nai | 2757 | 61K-312.68 | Bình Dương | 4007 | 61C-581.18 | Bình Dương |
| 258 | 60K-535.66 | Đồng Nai | 1508 | 60K-508.86 | Đồng Nai | 2758 | 61K-422.86 | Bình Dương | 4008 | 61C-581.79 | Bình Dương |
| 259 | 60K-543.33 | Đồng Nai | 1509 | 60K-510.69 | Đồng Nai | 2759 | 61K-427.42 | Bình Dương | 4009 | 61C-582.88 | Bình Dương |
| 260 | 61C-585.68 | Bình Dương | 1510 | 60K-513.66 | Đồng Nai | 2760 | 61K-429.69 | Bình Dương | 4010 | 61K-404.68 | Bình Dương |
| 261 | 61C-587.69 | Bình Dương | 1511 | 60K-516.61 | Đồng Nai | 2761 | 61K-431.11 | Bình Dương | 4011 | 61K-408.69 | Bình Dương |
| 262 | 61K-355.79 | Bình Dương | 1512 | 60K-516.89 | Đồng Nai | 2762 | 61K-433.22 | Bình Dương | 4012 | 61K-411.39 | Bình Dương |
| 263 | 61K-396.88 | Bình Dương | 1513 | 60K-522.77 | Đồng Nai | 2763 | 61K-436.68 | Bình Dương | 4013 | 61K-420.88 | Bình Dương |
| 264 | 61K-410.88 | Bình Dương | 1514 | 61C-583.66 | Bình Dương | 2764 | 61K-437.73 | Bình Dương | 4014 | 61K-421.42 | Bình Dương |
| 265 | 61K-416.99 | Bình Dương | 1515 | 61K-366.36 | Bình Dương | 2765 | 61K-438.34 | Bình Dương | 4015 | 61K-423.68 | Bình Dương |
| 266 | 61K-418.68 | Bình Dương | 1516 | 61K-397.77 | Bình Dương | 2766 | 61K-440.00 | Bình Dương | 4016 | 61K-434.88 | Bình Dương |
| 267 | 61K-419.96 | Bình Dương | 1517 | 61K-400.33 | Bình Dương | 2767 | 62A-422.66 | Long An | 4017 | 61K-435.34 | Bình Dương |
| 268 | 61K-423.86 | Bình Dương | 1518 | 61K-406.99 | Bình Dương | 2768 | 62A-444.13 | Long An | 4018 | 61K-438.69 | Bình Dương |
| 269 | 61K-428.88 | Bình Dương | 1519 | 61K-408.86 | Bình Dương | 2769 | 62A-445.68 | Long An | 4019 | 62A-423.23 | Long An |
| 270 | 61K-436.89 | Bình Dương | 1520 | 61K-410.10 | Bình Dương | 2770 | 62C-196.99 | Long An | 4020 | 62A-425.66 | Long An |
| 271 | 61K-437.77 | Bình Dương | 1521 | 61K-411.41 | Bình Dương | 2771 | 62C-205.79 | Long An | 4021 | 62A-439.34 | Long An |
| 272 | 61K-440.86 | Bình Dương | 1522 | 61K-412.89 | Bình Dương | 2772 | 63A-301.88 | Tiền Giang | 4022 | 62A-439.66 | Long An |
| 273 | 61K-440.99 | Bình Dương | 1523 | 61K-412.99 | Bình Dương | 2773 | 63A-302.30 | Tiền Giang | 4023 | 62A-444.12 | Long An |
| 274 | 62A-431.31 | Long An | 1524 | 61K-413.99 | Bình Dương | 2774 | 63A-304.30 | Tiền Giang | 4024 | 62A-444.77 | Long An |
| 275 | 62A-443.34 | Long An | 1525 | 61K-414.69 | Bình Dương | 2775 | 63A-304.69 | Tiền Giang | 4025 | 62A-447.66 | Long An |
| 276 | 62A-444.69 | Long An | 1526 | 61K-424.24 | Bình Dương | 2776 | 63A-305.68 | Tiền Giang | 4026 | 62C-198.86 | Long An |
| 277 | 62A-449.39 | Long An | 1527 | 61K-435.79 | Bình Dương | 2777 | 63C-215.79 | Tiền Giang | 4027 | 62C-202.68 | Long An |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 278 | 62A-449.44 | Long An | 1528 | 61K-437.66 | Bình Dương | 2778 | 64A-190.69 | Vĩnh Long | 4028 | 62C-209.89 | Long An |
| 279 | 62C-196.19 | Long An | 1529 | 61K-441.68 | Bình Dương | 2779 | 64A-190.79 | Vĩnh Long | 4029 | 63A-299.66 | Tiền Giang |
| 280 | 62C-200.68 | Long An | 1530 | 62C-206.79 | Long An | 2780 | 64A-193.69 | Vĩnh Long | 4030 | 63A-301.99 | Tiền Giang |
| 281 | 62C-202.39 | Long An | 1531 | 62C-208.88 | Long An | 2781 | 64C-115.68 | Vĩnh Long | 4031 | 63C-211.99 | Tiền Giang |
| 282 | 62C-204.88 | Long An | 1532 | 63A-304.79 | Tiền Giang | 2782 | 64C-115.79 | Vĩnh Long | 4032 | 63C-217.89 | Tiền Giang |
| 283 | 63A-303.86 | Tiền Giang | 1533 | 63D-008.86 | Tiền Giang | 2783 | 64C-116.79 | Vĩnh Long | 4033 | 64A-191.19 | Vĩnh Long |
| 284 | 64A-185.58 | Vĩnh Long | 1534 | 65A-438.99 | Cần Thơ | 2784 | 65A-435.68 | Cần Thơ | 4034 | 64C-120.69 | Vĩnh Long |
| 285 | 64A-186.18 | Vĩnh Long | 1535 | 65A-444.48 | Cần Thơ | 2785 | 65A-459.88 | Cần Thơ | 4035 | 64D-002.68 | Vĩnh Long |
| 286 | 64A-186.39 | Vĩnh Long | 1536 | 65A-455.39 | Cần Thơ | 2786 | 65A-462.66 | Cần Thơ | 4036 | 65A-444.45 | Cần Thơ |
| 287 | 64C-115.88 | Vĩnh Long | 1537 | 65A-458.68 | Cần Thơ | 2787 | 65A-463.68 | Cần Thơ | 4037 | 65A-460.86 | Cần Thơ |
| 288 | 64C-120.99 | Vĩnh Long | 1538 | 65A-470.99 | Cần Thơ | 2788 | 65A-464.46 | Cần Thơ | 4038 | 65A-464.69 | Cần Thơ |
| 289 | 65A-457.86 | Cần Thơ | 1539 | 65A-483.38 | Cần Thơ | 2789 | 65A-464.64 | Cần Thơ | 4039 | 65A-479.86 | Cần Thơ |
| 290 | 65A-458.79 | Cần Thơ | 1540 | 65A-483.88 | Cần Thơ | 2790 | 65A-465.55 | Cần Thơ | 4040 | 65A-490.39 | Cần Thơ |
| 291 | 65A-458.86 | Cần Thơ | 1541 | 66A-281.68 | Đồng Tháp | 2791 | 65A-465.56 | Cần Thơ | 4041 | 65C-212.69 | Cần Thơ |
| 292 | 65A-462.88 | Cần Thơ | 1542 | 66A-285.79 | Đồng Tháp | 2792 | 65A-465.66 | Cần Thơ | 4042 | 66A-280.88 | Đồng Tháp |
| 293 | 65A-465.88 | Cần Thơ | 1543 | 66C-176.88 | Đồng Tháp | 2793 | 65C-211.89 | Cần Thơ | 4043 | 66A-284.28 | Đồng Tháp |
| 294 | 65A-475.88 | Cần Thơ | 1544 | 67A-307.07 | An Giang | 2794 | 65C-215.51 | Cần Thơ | 4044 | 66A-285.66 | Đồng Tháp |
| 295 | 65A-476.67 | Cần Thơ | 1545 | 67A-313.66 | An Giang | 2795 | 65C-221.68 | Cần Thơ | 4045 | 67A-312.86 | An Giang |
| 296 | 65A-477.33 | Cần Thơ | 1546 | 67C-182.99 | An Giang | 2796 | 65C-222.08 | Cần Thơ | 4046 | 67A-313.31 | An Giang |
| 297 | 65A-477.66 | Cần Thơ | 1547 | 68A-333.59 | Kiên Giang | 2797 | 65C-223.68 | Cần Thơ | 4047 | 67C-176.79 | An Giang |
| 298 | 65A-480.88 | Cần Thơ | 1548 | 68A-344.55 | Kiên Giang | 2798 | 66A-278.68 | Đồng Tháp | 4048 | 68A-330.89 | Kiên Giang |
| 299 | 65A-481.86 | Cần Thơ | 1549 | 68A-349.88 | Kiên Giang | 2799 | 66A-280.99 | Đồng Tháp | 4049 | 68A-332.69 | Kiên Giang |
| 300 | 65C-215.88 | Cần Thơ | 1550 | 68A-351.68 | Kiên Giang | 2800 | 66A-283.86 | Đồng Tháp | 4050 | 68A-341.68 | Kiên Giang |
| 301 | 65C-216.88 | Cần Thơ | 1551 | 68C-170.71 | Kiên Giang | 2801 | 66C-172.79 | Đồng Tháp | 4051 | 68A-344.88 | Kiên Giang |
| 302 | 65C-223.89 | Cần Thơ | 1552 | 68C-171.89 | Kiên Giang | 2802 | 66D-008.88 | Đồng Tháp | 4052 | 68A-345.54 | Kiên Giang |
| 303 | 65D-006.06 | Cần Thơ | 1553 | 68C-172.22 | Kiên Giang | 2803 | 67A-310.69 | An Giang | 4053 | 68A-347.88 | Kiên Giang |
| 304 | 66A-278.39 | Đồng Tháp | 1554 | 69A-160.69 | Cà Mau | 2804 | 67C-177.89 | An Giang | 4054 | 68A-350.53 | Kiên Giang |
| 305 | 66A-279.66 | Đồng Tháp | 1555 | 69C-099.44 | Cà Mau | 2805 | 67C-180.68 | An Giang | 4055 | 69C-101.01 | Cà Mau |
| 306 | 66A-286.82 | Đồng Tháp | 1556 | 70A-525.89 | Tây Ninh | 2806 | 67D-005.55 | An Giang | 4056 | 70A-535.99 | Tây Ninh |
| 307 | 67A-313.79 | An Giang | 1557 | 70A-542.39 | Tây Ninh | 2807 | 68A-330.99 | Kiên Giang | 4057 | 70A-548.69 | Tây Ninh |
| 308 | 67C-178.39 | An Giang | 1558 | 70A-548.89 | Tây Ninh | 2808 | 68A-333.56 | Kiên Giang | 4058 | 70A-548.84 | Tây Ninh |
| 309 | 68A-344.33 | Kiên Giang | 1559 | 70A-550.69 | Tây Ninh | 2809 | 68A-343.39 | Kiên Giang | 4059 | 70A-550.55 | Tây Ninh |
| 310 | 68A-345.69 | Kiên Giang | 1560 | 70A-550.88 | Tây Ninh | 2810 | 68A-351.15 | Kiên Giang | 4060 | 70A-555.07 | Tây Ninh |
| 311 | 68A-347.68 | Kiên Giang | 1561 | 70A-555.01 | Tây Ninh | 2811 | 68C-170.07 | Kiên Giang | 4061 | 70A-555.36 | Tây Ninh |
| 312 | 68C-170.39 | Kiên Giang | 1562 | 70A-555.26 | Tây Ninh | 2812 | 68C-171.17 | Kiên Giang | 4062 | 70B-030.89 | Tây Ninh |
| 313 | 69C-099.77 | Cà Mau | 1563 | 70C-199.19 | Tây Ninh | 2813 | 70A-536.63 | Tây Ninh | 4063 | 70C-199.86 | Tây Ninh |
| 314 | 70A-537.73 | Tây Ninh | 1564 | 70C-206.66 | Tây Ninh | 2814 | 70A-548.54 | Tây Ninh | 4064 | 70C-202.86 | Tây Ninh |
| 315 | 70A-550.86 | Tây Ninh | 1565 | 71A-195.95 | Bến Tre | 2815 | 70A-555.78 | Tây Ninh | 4065 | 70C-203.68 | Tây Ninh |
| 316 | 70A-555.47 | Tây Ninh | 1566 | 71A-196.88 | Bến Tre | 2816 | 70C-200.79 | Tây Ninh | 4066 | 70C-206.88 | Tây Ninh |
| 317 | 71A-198.79 | Bến Tre | 1567 | 71C-126.39 | Bến Tre | 2817 | 72A-794.49 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4067 | 71A-196.79 | Bến Tre |
| 318 | 71A-199.88 | Bến Tre | 1568 | 72A-802.79 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2818 | 72A-799.77 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4068 | 71A-199.33 | Bến Tre |
| 319 | 71A-199.96 | Bến Tre | 1569 | 73A-347.79 | Quảng Bình | 2819 | 72C-229.66 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4069 | 72A-804.86 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 320 | 71A-201.88 | Bến Tre | 1570 | 73A-351.39 | Quảng Bình | 2820 | 72D-007.07 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4070 | 72C-230.23 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 321 | 71A-201.89 | Bến Tre | 1571 | 73A-351.86 | Quảng Bình | 2821 | 73A-353.79 | Quảng Bình | 4071 | 73C-177.11 | Quảng Bình |
| 322 | 71D-002.39 | Bến Tre | 1572 | 73A-353.68 | Quảng Bình | 2822 | 73A-355.39 | Quảng Bình | 4072 | 73C-181.79 | Quảng Bình |
| 323 | 72A-788.55 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 1573 | 73C-174.74 | Quảng Bình | 2823 | 75C-152.25 | Thừa Thiên Huế | 4073 | 74A-258.39 | Quảng Trị |
| 324 | 72A-803.68 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 1574 | 73C-178.68 | Quảng Bình | 2824 | 75C-152.68 | Thừa Thiên Huế | 4074 | 74A-260.66 | Quảng Trị |
| 325 | 72A-804.66 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 1575 | 74C-134.79 | Quảng Trị | 2825 | 76A-302.86 | Quảng Ngãi | 4075 | 74A-264.89 | Quảng Trị |
| 326 | 73A-345.54 | Quảng Bình | 1576 | 75A-365.69 | Thừa Thiên Huế | 2826 | 76A-308.68 | Quảng Ngãi | 4076 | 74C-131.66 | Quảng Trị |
| 327 | 73C-181.68 | Quảng Bình | 1577 | 76A-309.96 | Quảng Ngãi | 2827 | 76A-308.86 | Quảng Ngãi | 4077 | 75A-370.07 | Thừa Thiên Huế |
| 328 | 73C-182.39 | Quảng Bình | 1578 | 77A-332.99 | Bình Định | 2828 | 76B-023.88 | Quảng Ngãi | 4078 | 75C-152.88 | Thừa Thiên Huế |
| 329 | 73C-185.58 | Quảng Bình | 1579 | 77A-333.19 | Bình Định | 2829 | 76C-173.86 | Quảng Ngãi | 4079 | 77A-321.11 | Bình Định |
| 330 | 76A-303.86 | Quảng Ngãi | 1580 | 77A-333.34 | Bình Định | 2830 | 77A-321.69 | Bình Định | 4080 | 77A-333.29 | Bình Định |
| 331 | 76A-306.66 | Quảng Ngãi | 1581 | 79A-531.68 | Khánh Hòa | 2831 | 77A-333.07 | Bình Định | 4081 | 77A-335.68 | Bình Định |
| 332 | 76A-307.88 | Quảng Ngãi | 1582 | 79A-532.39 | Khánh Hòa | 2832 | 77A-338.89 | Bình Định | 4082 | 77A-337.37 | Bình Định |
| 333 | 76A-311.68 | Quảng Ngãi | 1583 | 79A-533.89 | Khánh Hòa | 2833 | 77A-339.33 | Bình Định | 4083 | 77A-337.39 | Bình Định |
| 334 | 76D-008.89 | Quảng Ngãi | 1584 | 79A-539.53 | Khánh Hòa | 2834 | 77A-341.34 | Bình Định | 4084 | 77A-338.39 | Bình Định |
| 335 | 77A-334.79 | Bình Định | 1585 | 79C-214.14 | Khánh Hòa | 2835 | 77C-249.49 | Bình Định | 4085 | 77C-248.39 | Bình Định |
| 336 | 77A-334.86 | Bình Định | 1586 | 79C-214.69 | Khánh Hòa | 2836 | 77C-251.39 | Bình Định | 4086 | 77C-249.96 | Bình Định |
| 337 | 77C-250.69 | Bình Định | 1587 | 79C-220.86 | Khánh Hòa | 2837 | 78A-199.86 | Phú Yên | 4087 | 77C-251.79 | Bình Định |
| 338 | 77C-250.89 | Bình Định | 1588 | 81A-415.68 | Gia Lai | 2838 | 78A-200.66 | Phú Yên | 4088 | 78A-202.79 | Phú Yên |
| 339 | 78A-203.30 | Phú Yên | 1589 | 81A-420.42 | Gia Lai | 2839 | 79A-529.25 | Khánh Hòa | 4089 | 78A-204.20 | Phú Yên |
| 340 | 79A-538.35 | Khánh Hòa | 1590 | 81A-420.69 | Gia Lai | 2840 | 79A-536.68 | Khánh Hòa | 4090 | 78A-205.68 | Phú Yên |
| 341 | 79C-212.99 | Khánh Hòa | 1591 | 81A-422.99 | Gia Lai | 2841 | 79C-216.86 | Khánh Hòa | 4091 | 79A-530.99 | Khánh Hòa |
| 342 | 79C-215.51 | Khánh Hòa | 1592 | 81A-424.86 | Gia Lai | 2842 | 81A-407.77 | Gia Lai | 4092 | 79A-531.66 | Khánh Hòa |
| 343 | 79C-220.12 | Khánh Hòa | 1593 | 82B-014.68 | Kon Tum | 2843 | 81A-407.88 | Gia Lai | 4093 | 79A-538.38 | Khánh Hòa |
| 344 | 81A-411.44 | Gia Lai | 1594 | 83C-128.39 | Sóc Trăng | 2844 | 81A-418.68 | Gia Lai | 4094 | 79C-215.79 | Khánh Hòa |
| 345 | 81A-412.89 | Gia Lai | 1595 | 83D-005.00 | Sóc Trăng | 2845 | 81A-423.39 | Gia Lai | 4095 | 79C-218.66 | Khánh Hòa |
| 346 | 81A-414.39 | Gia Lai | 1596 | 84A-134.89 | Trà Vinh | 2846 | 81C-261.62 | Gia Lai | 4096 | 79C-219.91 | Khánh Hòa |
| 347 | 81A-417.71 | Gia Lai | 1597 | 84C-119.89 | Trà Vinh | 2847 | 81C-262.62 | Gia Lai | 4097 | 81A-409.89 | Gia Lai |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 348 | 81A-418.41 | Gia Lai | 1598 | 86A-305.89 | Bình Thuận | 2848 | 81C-262.88 | Gia Lai | 4098 | 81A-413.14 | Gia Lai |
| 349 | 81C-266.26 | Gia Lai | 1599 | 86C-202.68 | Bình Thuận | 2849 | 81C-264.99 | Gia Lai | 4099 | 81A-414.41 | Gia Lai |
| 350 | 81C-266.44 | Gia Lai | 1600 | 88A-705.55 | Vĩnh Phúc | 2850 | 81C-267.26 | Gia Lai | 4100 | 81A-416.41 | Gia Lai |
| 351 | 82A-147.88 | Kon Tum | 1601 | 88A-706.88 | Vĩnh Phúc | 2851 | 81C-267.66 | Gia Lai | 4101 | 81A-417.69 | Gia Lai |
| 352 | 82A-150.88 | Kon Tum | 1602 | 88A-715.88 | Vĩnh Phúc | 2852 | 82A-151.15 | Kon Tum | 4102 | 81A-420.20 | Gia Lai |
| 353 | 83A-184.69 | Sóc Trăng | 1603 | 88A-717.68 | Vĩnh Phúc | 2853 | 83A-184.79 | Sóc Trăng | 4103 | 81A-422.00 | Gia Lai |
| 354 | 83C-126.21 | Sóc Trăng | 1604 | 88A-719.86 | Vĩnh Phúc | 2854 | 86A-298.66 | Bình Thuận | 4104 | 81A-424.24 | Gia Lai |
| 355 | 83C-126.69 | Sóc Trăng | 1605 | 88A-721.88 | Vĩnh Phúc | 2855 | 86A-301.88 | Bình Thuận | 4105 | 81C-263.88 | Gia Lai |
| 356 | 83C-127.68 | Sóc Trăng | 1606 | 88A-722.55 | Vĩnh Phúc | 2856 | 86C-202.39 | Bình Thuận | 4106 | 81C-264.39 | Gia Lai |
| 357 | 85A-140.41 | Ninh Thuận | 1607 | 88A-737.73 | Vĩnh Phúc | 2857 | 88A-738.68 | Vĩnh Phúc | 4107 | 82A-151.39 | Kon Tum |
| 358 | 86A-277.79 | Bình Thuận | 1608 | 88C-280.86 | Vĩnh Phúc | 2858 | 88A-739.68 | Vĩnh Phúc | 4108 | 83A-178.69 | Sóc Trăng |
| 359 | 86A-300.11 | Bình Thuận | 1609 | 88C-280.99 | Vĩnh Phúc | 2859 | 88C-290.79 | Vĩnh Phúc | 4109 | 83A-179.89 | Sóc Trăng |
| 360 | 86A-301.10 | Bình Thuận | 1610 | 88C-282.39 | Vĩnh Phúc | 2860 | 88D-018.10 | Vĩnh Phúc | 4110 | 84C-120.20 | Trà Vinh |
| 361 | 86A-303.89 | Bình Thuận | 1611 | 88C-292.79 | Vĩnh Phúc | 2861 | 89A-467.67 | Hưng Yên | 4111 | 85A-139.66 | Ninh Thuận |
| 362 | 86C-203.69 | Bình Thuận | 1612 | 88C-292.89 | Vĩnh Phúc | 2862 | 89A-473.37 | Hưng Yên | 4112 | 86A-296.86 | Bình Thuận |
| 363 | 88A-669.92 | Vĩnh Phúc | 1613 | 88C-294.68 | Vĩnh Phúc | 2863 | 89A-485.69 | Hưng Yên | 4113 | 86A-302.88 | Bình Thuận |
| 364 | 88A-711.44 | Vĩnh Phúc | 1614 | 88D-017.77 | Vĩnh Phúc | 2864 | 89A-486.84 | Hưng Yên | 4114 | 86A-307.89 | Bình Thuận |
| 365 | 88A-721.69 | Vĩnh Phúc | 1615 | 89A-479.68 | Hưng Yên | 2865 | 89A-491.91 | Hưng Yên | 4115 | 86C-196.86 | Bình Thuận |
| 366 | 88A-726.79 | Vĩnh Phúc | 1616 | 89A-484.68 | Hưng Yên | 2866 | 89A-491.99 | Hưng Yên | 4116 | 86C-201.88 | Bình Thuận |
| 367 | 88A-733.66 | Vĩnh Phúc | 1617 | 89A-485.68 | Hưng Yên | 2867 | 89A-493.86 | Hưng Yên | 4117 | 88A-703.89 | Vĩnh Phúc |
| 368 | 88A-735.86 | Vĩnh Phúc | 1618 | 89A-489.66 | Hưng Yên | 2868 | 89B-021.86 | Hưng Yên | 4118 | 88A-715.89 | Vĩnh Phúc |
| 369 | 88A-741.86 | Vĩnh Phúc | 1619 | 89A-492.29 | Hưng Yên | 2869 | 89C-333.03 | Hưng Yên | 4119 | 88A-726.39 | Vĩnh Phúc |
| 370 | 88C-293.99 | Vĩnh Phúc | 1620 | 89A-495.79 | Hưng Yên | 2870 | 89D-019.01 | Hưng Yên | 4120 | 88A-731.86 | Vĩnh Phúc |
| 371 | 89A-473.33 | Hưng Yên | 1621 | 89C-328.68 | Hưng Yên | 2871 | 90A-232.22 | Hà Nam | 4121 | 88A-736.68 | Vĩnh Phúc |
| 372 | 89A-491.49 | Hưng Yên | 1622 | 92A-408.86 | Quảng Nam | 2872 | 90A-260.66 | Hà Nam | 4122 | 88A-736.99 | Vĩnh Phúc |
| 373 | 89C-333.31 | Hưng Yên | 1623 | 92A-412.22 | Quảng Nam | 2873 | 90A-270.70 | Hà Nam | 4123 | 88A-737.88 | Vĩnh Phúc |
| 374 | 90A-261.69 | Hà Nam | 1624 | 92A-415.41 | Quảng Nam | 2874 | 90C-141.68 | Hà Nam | 4124 | 88A-742.66 | Vĩnh Phúc |
| 375 | 90A-272.86 | Hà Nam | 1625 | 92C-245.99 | Quảng Nam | 2875 | 90C-147.89 | Hà Nam | 4125 | 88C-294.88 | Vĩnh Phúc |
| 376 | 90C-143.43 | Hà Nam | 1626 | 92C-248.79 | Quảng Nam | 2876 | 92A-399.11 | Quảng Nam | 4126 | 88D-017.69 | Vĩnh Phúc |
| 377 | 90C-146.99 | Hà Nam | 1627 | 92D-004.68 | Quảng Nam | 2877 | 92A-401.11 | Quảng Nam | 4127 | 89A-489.68 | Hưng Yên |
| 378 | 90C-148.69 | Hà Nam | 1628 | 93A-464.69 | Bình Phước | 2878 | 92A-415.55 | Quảng Nam | 4128 | 89C-330.66 | Hưng Yên |
| 379 | 92A-408.69 | Quảng Nam | 1629 | 93A-465.89 | Bình Phước | 2879 | 92C-246.88 | Quảng Nam | 4129 | 89C-331.39 | Hưng Yên |
| 380 | 92A-414.39 | Quảng Nam | 1630 | 93A-477.66 | Bình Phước | 2880 | 93A-472.22 | Bình Phước | 4130 | 90A-267.62 | Hà Nam |
| 381 | 92A-415.66 | Quảng Nam | 1631 | 93A-477.89 | Bình Phước | 2881 | 93C-184.44 | Bình Phước | 4131 | 90A-269.68 | Hà Nam |
| 382 | 93A-468.39 | Bình Phước | 1632 | 93C-188.68 | Bình Phước | 2882 | 93C-184.99 | Bình Phước | 4132 | 90C-144.89 | Hà Nam |
| 383 | 93A-471.69 | Bình Phước | 1633 | 94A-105.05 | Bạc Liêu | 2883 | 93C-185.86 | Bình Phước | 4133 | 92A-404.40 | Quảng Nam |
| 384 | 93A-472.27 | Bình Phước | 1634 | 95A-121.86 | Hậu Giang | 2884 | 94A-097.89 | Bạc Liêu | 4134 | 92C-241.86 | Quảng Nam |
| 385 | 93A-475.75 | Bình Phước | 1635 | 95A-128.82 | Hậu Giang | 2885 | 94A-105.10 | Bạc Liêu | 4135 | 93A-473.88 | Bình Phước |
| 386 | 93A-478.47 | Bình Phước | 1636 | 95B-010.68 | Hậu Giang | 2886 | 94C-077.33 | Bạc Liêu | 4136 | 93A-482.89 | Bình Phước |
| 387 | 93C-190.68 | Bình Phước | 1637 | 95C-085.99 | Hậu Giang | 2887 | 95A-125.55 | Hậu Giang | 4137 | 93C-189.86 | Bình Phước |
| 388 | 93D-004.04 | Bình Phước | 1638 | 97A-086.89 | Bắc Kạn | 2888 | 97C-040.66 | Bắc Kạn | 4138 | 95A-129.21 | Hậu Giang |
| 389 | 94A-105.68 | Bạc Liêu | 1639 | 98A-739.88 | Bắc Giang | 2889 | 98A-626.89 | Bắc Giang | 4139 | 95C-081.68 | Hậu Giang |
| 390 | 95B-010.79 | Hậu Giang | 1640 | 98A-745.86 | Bắc Giang | 2890 | 98A-740.86 | Bắc Giang | 4140 | 95C-084.44 | Hậu Giang |
| 391 | 95C-083.88 | Hậu Giang | 1641 | 98A-746.86 | Bắc Giang | 2891 | 98A-742.66 | Bắc Giang | 4141 | 97C-040.68 | Bắc Kạn |
| 392 | 95C-083.89 | Hậu Giang | 1642 | 98A-750.79 | Bắc Giang | 2892 | 98A-747.88 | Bắc Giang | 4142 | 97C-043.34 | Bắc Kạn |
| 393 | 95C-085.68 | Hậu Giang | 1643 | 98A-756.86 | Bắc Giang | 2893 | 98A-750.68 | Bắc Giang | 4143 | 97C-044.39 | Bắc Kạn |
| 394 | 95C-085.85 | Hậu Giang | 1644 | 98A-774.86 | Bắc Giang | 2894 | 98A-765.56 | Bắc Giang | 4144 | 97D-004.44 | Bắc Kạn |
| 395 | 98A-738.39 | Bắc Giang | 1645 | 98A-778.39 | Bắc Giang | 2895 | 98A-768.79 | Bắc Giang | 4145 | 98A-738.89 | Bắc Giang |
| 396 | 98A-743.86 | Bắc Giang | 1646 | 98A-782.69 | Bắc Giang | 2896 | 98A-770.66 | Bắc Giang | 4146 | 98A-744.69 | Bắc Giang |
| 397 | 98A-769.79 | Bắc Giang | 1647 | 98A-783.33 | Bắc Giang | 2897 | 98A-773.86 | Bắc Giang | 4147 | 98A-752.25 | Bắc Giang |
| 398 | 98A-771.71 | Bắc Giang | 1648 | 98A-783.66 | Bắc Giang | 2898 | 98A-779.66 | Bắc Giang | 4148 | 98A-756.99 | Bắc Giang |
| 399 | 98A-771.89 | Bắc Giang | 1649 | 98A-787.86 | Bắc Giang | 2899 | 98A-787.68 | Bắc Giang | 4149 | 98A-761.79 | Bắc Giang |
| 400 | 98A-777.38 | Bắc Giang | 1650 | 98A-790.89 | Bắc Giang | 2900 | 99A-777.18 | Bắc Ninh | 4150 | 98A-764.66 | Bắc Giang |
| 401 | 98A-790.68 | Bắc Giang | 1651 | 98A-790.90 | Bắc Giang | 2901 | 99A-780.86 | Bắc Ninh | 4151 | 98A-770.70 | Bắc Giang |
| 402 | 98A-790.69 | Bắc Giang | 1652 | 98A-793.86 | Bắc Giang | 2902 | 99A-781.11 | Bắc Ninh | 4152 | 98A-770.77 | Bắc Giang |
| 403 | 98A-796.39 | Bắc Giang | 1653 | 98A-794.79 | Bắc Giang | 2903 | 99A-783.69 | Bắc Ninh | 4153 | 98A-781.79 | Bắc Giang |
| 404 | 98C-344.66 | Bắc Giang | 1654 | 98C-343.69 | Bắc Giang | 2904 | 99A-783.87 | Bắc Ninh | 4154 | 98A-796.99 | Bắc Giang |
| 405 | 98C-351.68 | Bắc Giang | 1655 | 98C-344.39 | Bắc Giang | 2905 | 99A-785.66 | Bắc Ninh | 4155 | 98C-336.69 | Bắc Giang |
| 406 | 99A-780.89 | Bắc Ninh | 1656 | 98C-354.54 | Bắc Giang | 2906 | 99A-789.88 | Bắc Ninh | 4156 | 98C-338.68 | Bắc Giang |
| 407 | 99A-781.18 | Bắc Ninh | 1657 | 98D-014.99 | Bắc Giang | 2907 | 99A-791.69 | Bắc Ninh | 4157 | 99A-771.86 | Bắc Ninh |
| 408 | 99A-782.22 | Bắc Ninh | 1658 | 99A-773.66 | Bắc Ninh | 2908 | 99A-793.86 | Bắc Ninh | 4158 | 99A-775.99 | Bắc Ninh |
| 409 | 99A-787.87 | Bắc Ninh | 1659 | 99A-775.88 | Bắc Ninh | 2909 | 99A-794.89 | Bắc Ninh | 4159 | 99A-777.14 | Bắc Ninh |
| 410 | 99A-791.88 | Bắc Ninh | 1660 | 99A-776.68 | Bắc Ninh | 2910 | 99A-795.69 | Bắc Ninh | 4160 | 99A-784.69 | Bắc Ninh |
| 411 | 99A-794.49 | Bắc Ninh | 1661 | 99A-786.88 | Bắc Ninh | 2911 | 99A-796.99 | Bắc Ninh | 4161 | 99A-795.68 | Bắc Ninh |
| 412 | 99A-796.97 | Bắc Ninh | 1662 | 99A-791.11 | Bắc Ninh | 2912 | 99A-797.69 | Bắc Ninh | 4162 | 99C-309.90 | Bắc Ninh |
| 413 | 99A-799.68 | Bắc Ninh | 1663 | 99C-309.89 | Bắc Ninh | 2913 | 99C-310.39 | Bắc Ninh | 4163 | 99C-310.89 | Bắc Ninh |
| 414 | 99D-020.86 | Bắc Ninh | 1664 | 99D-020.20 | Bắc Ninh | 2914 | 99D-020.69 | Bắc Ninh | 4164 | 99C-313.31 | Bắc Ninh |
| 415 | 11A-118.00 | Cao Bằng | 1665 | 11A-118.09 | Cao Bằng | 2915 | 11A-126.08 | Cao Bằng | 4165 | 11A-119.58 | Cao Bằng |
| 416 | 11A-127.83 | Cao Bằng | 1666 | 11A-121.59 | Cao Bằng | 2916 | 11C-079.36 | Cao Bằng | 4166 | 11A-120.56 | Cao Bằng |
| 417 | 11C-080.09 | Cao Bằng | 1667 | 11A-127.35 | Cao Bằng | 2917 | 12A-246.22 | Lạng Sơn | 4167 | 11A-121.19 | Cao Bằng |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 418 | 12A-244.98 | Lạng Sơn | 1668 | 11A-128.36 | Cao Bằng | 2918 | 12A-246.36 | Lạng Sơn | 4168 | 11A-125.11 | Cao Bằng |
| 419 | 12A-249.93 | Lạng Sơn | 1669 | 11C-074.59 | Cao Bằng | 2919 | 12A-250.85 | Lạng Sơn | 4169 | 11A-128.15 | Cao Bằng |
| 420 | 12C-134.09 | Lạng Sơn | 1670 | 11C-075.06 | Cao Bằng | 2920 | 12C-135.77 | Lạng Sơn | 4170 | 11A-128.29 | Cao Bằng |
| 421 | 14A-899.18 | Quảng Ninh | 1671 | 11D-005.80 | Cao Bằng | 2921 | 14A-892.38 | Quảng Ninh | 4171 | 11A-128.55 | Cao Bằng |
| 422 | 14A-906.65 | Quảng Ninh | 1672 | 12A-249.71 | Lạng Sơn | 2922 | 14A-896.08 | Quảng Ninh | 4172 | 12A-245.95 | Lạng Sơn |
| 423 | 14A-912.15 | Quảng Ninh | 1673 | 12C-136.16 | Lạng Sơn | 2923 | 14A-902.44 | Quảng Ninh | 4173 | 12A-249.09 | Lạng Sơn |
| 424 | 14A-913.09 | Quảng Ninh | 1674 | 14A-891.44 | Quảng Ninh | 2924 | 14A-909.16 | Quảng Ninh | 4174 | 12A-249.83 | Lạng Sơn |
| 425 | 14A-914.59 | Quảng Ninh | 1675 | 14A-908.22 | Quảng Ninh | 2925 | 14A-911.05 | Quảng Ninh | 4175 | 12C-133.56 | Lạng Sơn |
| 426 | 14A-919.15 | Quảng Ninh | 1676 | 14A-912.83 | Quảng Ninh | 2926 | 14A-914.15 | Quảng Ninh | 4176 | 14A-896.58 | Quảng Ninh |
| 427 | 14A-919.28 | Quảng Ninh | 1677 | 14A-914.11 | Quảng Ninh | 2927 | 14A-914.85 | Quảng Ninh | 4177 | 14A-901.44 | Quảng Ninh |
| 428 | 14A-927.85 | Quảng Ninh | 1678 | 14A-914.22 | Quảng Ninh | 2928 | 14A-915.22 | Quảng Ninh | 4178 | 14A-913.29 | Quảng Ninh |
| 429 | 14A-928.85 | Quảng Ninh | 1679 | 14A-915.26 | Quảng Ninh | 2929 | 14A-915.56 | Quảng Ninh | 4179 | 14A-917.16 | Quảng Ninh |
| 430 | 14A-930.28 | Quảng Ninh | 1680 | 14A-915.85 | Quảng Ninh | 2930 | 14A-917.36 | Quảng Ninh | 4180 | 14A-920.09 | Quảng Ninh |
| 431 | 14C-408.44 | Quảng Ninh | 1681 | 14A-917.85 | Quảng Ninh | 2931 | 14A-918.22 | Quảng Ninh | 4181 | 14A-922.35 | Quảng Ninh |
| 432 | 14C-410.77 | Quảng Ninh | 1682 | 14A-922.28 | Quảng Ninh | 2932 | 14A-918.38 | Quảng Ninh | 4182 | 14A-924.19 | Quảng Ninh |
| 433 | 14C-420.25 | Quảng Ninh | 1683 | 14A-924.55 | Quảng Ninh | 2933 | 14C-420.38 | Quảng Ninh | 4183 | 14A-928.44 | Quảng Ninh |
| 434 | 14C-424.28 | Quảng Ninh | 1684 | 14A-924.95 | Quảng Ninh | 2934 | 14C-422.95 | Quảng Ninh | 4184 | 14C-410.36 | Quảng Ninh |
| 435 | 15C-466.19 | Hải Phòng | 1685 | 14A-925.85 | Quảng Ninh | 2935 | 14C-424.33 | Quảng Ninh | 4185 | 14C-413.77 | Quảng Ninh |
| 436 | 15C-466.95 | Hải Phòng | 1686 | 14A-927.00 | Quảng Ninh | 2936 | 14C-424.38 | Quảng Ninh | 4186 | 14C-420.33 | Quảng Ninh |
| 437 | 15K-281.33 | Hải Phòng | 1687 | 14A-929.25 | Quảng Ninh | 2937 | 14C-424.62 | Quảng Ninh | 4187 | 14C-421.85 | Quảng Ninh |
| 438 | 15K-282.00 | Hải Phòng | 1688 | 14A-929.95 | Quảng Ninh | 2938 | 15C-463.55 | Hải Phòng | 4188 | 14C-425.49 | Quảng Ninh |
| 439 | 15K-288.58 | Hải Phòng | 1689 | 14A-930.18 | Quảng Ninh | 2939 | 15C-464.11 | Hải Phòng | 4189 | 15B-051.58 | Hải Phòng |
| 440 | 15K-293.44 | Hải Phòng | 1690 | 14A-930.33 | Quảng Ninh | 2940 | 15C-466.85 | Hải Phòng | 4190 | 15C-463.26 | Hải Phòng |
| 441 | 15K-295.22 | Hải Phòng | 1691 | 14C-413.00 | Quảng Ninh | 2941 | 15C-468.29 | Hải Phòng | 4191 | 15K-277.58 | Hải Phòng |
| 442 | 15K-296.06 | Hải Phòng | 1692 | 14C-415.19 | Quảng Ninh | 2942 | 15D-049.16 | Hải Phòng | 4192 | 15K-281.06 | Hải Phòng |
| 443 | 15K-296.15 | Hải Phòng | 1693 | 14C-420.22 | Quảng Ninh | 2943 | 15D-049.36 | Hải Phòng | 4193 | 15K-283.16 | Hải Phòng |
| 444 | 15K-300.98 | Hải Phòng | 1694 | 14C-421.65 | Quảng Ninh | 2944 | 15K-272.44 | Hải Phòng | 4194 | 15K-287.22 | Hải Phòng |
| 445 | 15K-301.00 | Hải Phòng | 1695 | 14C-421.98 | Quảng Ninh | 2945 | 15K-275.08 | Hải Phòng | 4195 | 15K-292.09 | Hải Phòng |
| 446 | 15K-301.28 | Hải Phòng | 1696 | 15C-464.00 | Hải Phòng | 2946 | 15K-281.08 | Hải Phòng | 4196 | 15K-293.59 | Hải Phòng |
| 447 | 15K-303.34 | Hải Phòng | 1697 | 15C-464.77 | Hải Phòng | 2947 | 15K-282.85 | Hải Phòng | 4197 | 15K-295.15 | Hải Phòng |
| 448 | 15K-304.58 | Hải Phòng | 1698 | 15K-278.36 | Hải Phòng | 2948 | 15K-292.06 | Hải Phòng | 4198 | 15K-295.98 | Hải Phòng |
| 449 | 15K-306.15 | Hải Phòng | 1699 | 15K-286.33 | Hải Phòng | 2949 | 15K-301.92 | Hải Phòng | 4199 | 15K-297.16 | Hải Phòng |
| 450 | 15K-307.22 | Hải Phòng | 1700 | 15K-301.48 | Hải Phòng | 2950 | 15K-308.85 | Hải Phòng | 4200 | 15K-298.59 | Hải Phòng |
| 451 | 15K-309.95 | Hải Phòng | 1701 | 15K-303.17 | Hải Phòng | 2951 | 15K-311.06 | Hải Phòng | 4201 | 15K-300.19 | Hải Phòng |
| 452 | 15K-311.98 | Hải Phòng | 1702 | 15K-312.29 | Hải Phòng | 2952 | 15K-312.85 | Hải Phòng | 4202 | 15K-304.18 | Hải Phòng |
| 453 | 15K-313.58 | Hải Phòng | 1703 | 15K-315.00 | Hải Phòng | 2953 | 15K-312.96 | Hải Phòng | 4203 | 15K-305.09 | Hải Phòng |
| 454 | 15K-314.18 | Hải Phòng | 1704 | 15K-315.33 | Hải Phòng | 2954 | 15K-313.06 | Hải Phòng | 4204 | 15K-307.29 | Hải Phòng |
| 455 | 15K-315.59 | Hải Phòng | 1705 | 15K-316.56 | Hải Phòng | 2955 | 15K-313.16 | Hải Phòng | 4205 | 15K-307.33 | Hải Phòng |
| 456 | 15K-319.36 | Hải Phòng | 1706 | 15K-320.96 | Hải Phòng | 2956 | 15K-314.56 | Hải Phòng | 4206 | 15K-307.44 | Hải Phòng |
| 457 | 15K-320.18 | Hải Phòng | 1707 | 15K-323.00 | Hải Phòng | 2957 | 15K-315.29 | Hải Phòng | 4207 | 15K-309.19 | Hải Phòng |
| 458 | 15K-328.16 | Hải Phòng | 1708 | 15K-323.38 | Hải Phòng | 2958 | 15K-316.19 | Hải Phòng | 4208 | 15K-310.28 | Hải Phòng |
| 459 | 15K-330.16 | Hải Phòng | 1709 | 15K-324.26 | Hải Phòng | 2959 | 15K-318.09 | Hải Phòng | 4209 | 15K-310.55 | Hải Phòng |
| 460 | 15K-330.83 | Hải Phòng | 1710 | 15K-328.56 | Hải Phòng | 2960 | 15K-318.56 | Hải Phòng | 4210 | 15K-311.15 | Hải Phòng |
| 461 | 15K-336.26 | Hải Phòng | 1711 | 15K-328.83 | Hải Phòng | 2961 | 15K-320.15 | Hải Phòng | 4211 | 15K-313.25 | Hải Phòng |
| 462 | 17A-446.16 | Thái Bình | 1712 | 15K-329.09 | Hải Phòng | 2962 | 15K-323.06 | Hải Phòng | 4212 | 15K-313.85 | Hải Phòng |
| 463 | 17A-451.38 | Thái Bình | 1713 | 15K-329.77 | Hải Phòng | 2963 | 15K-325.65 | Hải Phòng | 4213 | 15K-327.56 | Hải Phòng |
| 464 | 17A-453.77 | Thái Bình | 1714 | 15K-332.29 | Hải Phòng | 2964 | 15K-327.09 | Hải Phòng | 4214 | 15K-330.28 | Hải Phòng |
| 465 | 17A-454.36 | Thái Bình | 1715 | 15K-335.22 | Hải Phòng | 2965 | 15K-329.55 | Hải Phòng | 4215 | 15K-335.15 | Hải Phòng |
| 466 | 17A-456.38 | Thái Bình | 1716 | 15K-336.08 | Hải Phòng | 2966 | 15K-330.36 | Hải Phòng | 4216 | 15K-336.18 | Hải Phòng |
| 467 | 17A-463.45 | Thái Bình | 1717 | 17A-451.28 | Thái Bình | 2967 | 17A-450.16 | Thái Bình | 4217 | 17A-443.00 | Thái Bình |
| 468 | 17C-206.38 | Thái Bình | 1718 | 17A-456.55 | Thái Bình | 2968 | 17A-450.28 | Thái Bình | 4218 | 17A-448.16 | Thái Bình |
| 469 | 18A-446.85 | Nam Định | 1719 | 17A-463.84 | Thái Bình | 2969 | 17A-463.43 | Thái Bình | 4219 | 17A-448.36 | Thái Bình |
| 470 | 18A-452.59 | Nam Định | 1720 | 17A-466.19 | Thái Bình | 2970 | 17A-464.77 | Thái Bình | 4220 | 17A-450.29 | Thái Bình |
| 471 | 18A-455.35 | Nam Định | 1721 | 17A-467.15 | Thái Bình | 2971 | 18A-439.36 | Nam Định | 4221 | 17A-456.08 | Thái Bình |
| 472 | 18A-459.56 | Nam Định | 1722 | 18A-439.58 | Nam Định | 2972 | 18A-453.25 | Nam Định | 4222 | 17A-457.06 | Thái Bình |
| 473 | 18A-461.26 | Nam Định | 1723 | 18A-443.26 | Nam Định | 2973 | 18A-456.77 | Nam Định | 4223 | 17A-458.15 | Thái Bình |
| 474 | 18A-462.44 | Nam Định | 1724 | 18A-445.19 | Nam Định | 2974 | 18A-457.11 | Nam Định | 4224 | 17A-461.96 | Thái Bình |
| 475 | 18A-462.63 | Nam Định | 1725 | 18A-455.48 | Nam Định | 2975 | 18A-459.85 | Nam Định | 4225 | 17A-466.83 | Thái Bình |
| 476 | 18C-166.29 | Nam Định | 1726 | 18A-456.58 | Nam Định | 2976 | 18A-461.28 | Nam Định | 4226 | 17A-467.18 | Thái Bình |
| 477 | 19A-631.16 | Phú Thọ | 1727 | 18A-463.65 | Nam Định | 2977 | 18A-464.38 | Nam Định | 4227 | 17C-202.56 | Thái Bình |
| 478 | 19A-637.33 | Phú Thọ | 1728 | 18C-161.59 | Nam Định | 2978 | 19A-624.19 | Phú Thọ | 4228 | 17C-203.58 | Thái Bình |
| 479 | 19A-655.28 | Phú Thọ | 1729 | 18C-164.06 | Nam Định | 2979 | 19A-628.38 | Phú Thọ | 4229 | 17C-205.35 | Thái Bình |
| 480 | 19A-656.29 | Phú Thọ | 1730 | 18C-165.58 | Nam Định | 2980 | 19A-635.38 | Phú Thọ | 4230 | 17C-207.59 | Thái Bình |
| 481 | 19A-657.06 | Phú Thọ | 1731 | 19A-635.06 | Phú Thọ | 2981 | 19A-639.09 | Phú Thọ | 4231 | 18A-438.09 | Nam Định |
| 482 | 19A-657.28 | Phú Thọ | 1732 | 19A-637.08 | Phú Thọ | 2982 | 19A-649.16 | Phú Thọ | 4232 | 18A-441.36 | Nam Định |
| 483 | 19A-660.18 | Phú Thọ | 1733 | 19A-647.85 | Phú Thọ | 2983 | 19A-652.36 | Phú Thọ | 4233 | 18A-445.11 | Nam Định |
| 484 | 19A-664.29 | Phú Thọ | 1734 | 19A-650.09 | Phú Thọ | 2984 | 19A-652.83 | Phú Thọ | 4234 | 18A-448.08 | Nam Định |
| 485 | 19A-667.56 | Phú Thọ | 1735 | 19A-651.17 | Phú Thọ | 2985 | 19A-653.28 | Phú Thọ | 4235 | 18A-457.56 | Nam Định |
| 486 | 19A-667.98 | Phú Thọ | 1736 | 19A-653.44 | Phú Thọ | 2986 | 19A-654.22 | Phú Thọ | 4236 | 18A-459.29 | Nam Định |
| 487 | 19A-668.58 | Phú Thọ | 1737 | 19A-660.85 | Phú Thọ | 2987 | 19A-657.09 | Phú Thọ | 4237 | 18A-460.18 | Nam Định |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 488 | 19A-669.00 | Phú Thọ | 1738 | 19A-662.06 | Phú Thọ | 2988 | 19A-657.26 | Phú Thọ | 4238 | 18A-460.61 | Nam Định |
| 489 | 19A-670.18 | Phú Thọ | 1739 | 19A-663.44 | Phú Thọ | 2989 | 19A-659.58 | Phú Thọ | 4239 | 18A-464.33 | Nam Định |
| 490 | 19C-238.56 | Phú Thọ | 1740 | 19A-668.65 | Phú Thọ | 2990 | 19A-662.58 | Phú Thọ | 4240 | 18A-464.98 | Nam Định |
| 491 | 19C-241.33 | Phú Thọ | 1741 | 19C-238.36 | Phú Thọ | 2991 | 19A-665.36 | Phú Thọ | 4241 | 18A-466.67 | Nam Định |
| 492 | 19C-242.08 | Phú Thọ | 1742 | 19C-243.15 | Phú Thọ | 2992 | 19C-239.55 | Phú Thọ | 4242 | 18A-467.29 | Nam Định |
| 493 | 19C-247.38 | Phú Thọ | 1743 | 19C-245.46 | Phú Thọ | 2993 | 19C-243.11 | Phú Thọ | 4243 | 18C-165.28 | Nam Định |
| 494 | 20A-771.16 | Thái Nguyên | 1744 | 19C-246.59 | Phú Thọ | 2994 | 19C-247.56 | Phú Thọ | 4244 | 18D-011.35 | Nam Định |
| 495 | 20A-777.85 | Thái Nguyên | 1745 | 19C-247.06 | Phú Thọ | 2995 | 19C-248.06 | Phú Thọ | 4245 | 19A-629.11 | Phú Thọ |
| 496 | 20A-781.59 | Thái Nguyên | 1746 | 19C-247.26 | Phú Thọ | 2996 | 19C-249.00 | Phú Thọ | 4246 | 19A-643.56 | Phú Thọ |
| 497 | 20A-786.19 | Thái Nguyên | 1747 | 19C-247.55 | Phú Thọ | 2997 | 20A-784.55 | Thái Nguyên | 4247 | 19A-646.00 | Phú Thọ |
| 498 | 20A-787.59 | Thái Nguyên | 1748 | 19C-248.00 | Phú Thọ | 2998 | 20A-791.58 | Thái Nguyên | 4248 | 19A-653.18 | Phú Thọ |
| 499 | 20A-791.65 | Thái Nguyên | 1749 | 20A-770.09 | Thái Nguyên | 2999 | 20A-795.18 | Thái Nguyên | 4249 | 19A-655.08 | Phú Thọ |
| 500 | 20A-792.16 | Thái Nguyên | 1750 | 20A-774.38 | Thái Nguyên | 3000 | 20A-798.16 | Thái Nguyên | 4250 | 19A-656.11 | Phú Thọ |
| 501 | 20A-792.25 | Thái Nguyên | 1751 | 20A-778.59 | Thái Nguyên | 3001 | 20A-798.59 | Thái Nguyên | 4251 | 19A-664.08 | Phú Thọ |
| 502 | 20A-795.29 | Thái Nguyên | 1752 | 20A-780.56 | Thái Nguyên | 3002 | 20A-800.06 | Thái Nguyên | 4252 | 19A-664.33 | Phú Thọ |
| 503 | 20A-796.08 | Thái Nguyên | 1753 | 20A-784.16 | Thái Nguyên | 3003 | 20A-803.56 | Thái Nguyên | 4253 | 19A-671.35 | Phú Thọ |
| 504 | 20A-801.02 | Thái Nguyên | 1754 | 20A-784.18 | Thái Nguyên | 3004 | 20A-803.65 | Thái Nguyên | 4254 | 19C-243.36 | Phú Thọ |
| 505 | 20A-801.25 | Thái Nguyên | 1755 | 20A-785.11 | Thái Nguyên | 3005 | 20B-032.06 | Thái Nguyên | 4255 | 19C-247.59 | Phú Thọ |
| 506 | 20A-802.38 | Thái Nguyên | 1756 | 20A-786.11 | Thái Nguyên | 3006 | 20C-292.83 | Thái Nguyên | 4256 | 19C-247.95 | Phú Thọ |
| 507 | 20A-802.59 | Thái Nguyên | 1757 | 20A-786.59 | Thái Nguyên | 3007 | 20C-293.11 | Thái Nguyên | 4257 | 19C-248.36 | Phú Thọ |
| 508 | 20A-803.11 | Thái Nguyên | 1758 | 20A-787.22 | Thái Nguyên | 3008 | 20C-294.16 | Thái Nguyên | 4258 | 20A-776.59 | Thái Nguyên |
| 509 | 20A-803.22 | Thái Nguyên | 1759 | 20A-793.94 | Thái Nguyên | 3009 | 20C-295.65 | Thái Nguyên | 4259 | 20A-779.44 | Thái Nguyên |
| 510 | 20A-805.38 | Thái Nguyên | 1760 | 20A-797.09 | Thái Nguyên | 3010 | 20C-296.06 | Thái Nguyên | 4260 | 20A-781.44 | Thái Nguyên |
| 511 | 20A-808.36 | Thái Nguyên | 1761 | 20A-797.36 | Thái Nguyên | 3011 | 21A-204.33 | Yên Bái | 4261 | 20A-783.16 | Thái Nguyên |
| 512 | 20A-808.77 | Thái Nguyên | 1762 | 20A-798.36 | Thái Nguyên | 3012 | 21A-204.55 | Yên Bái | 4262 | 20A-789.16 | Thái Nguyên |
| 513 | 20B-032.11 | Thái Nguyên | 1763 | 20A-799.25 | Thái Nguyên | 3013 | 21A-209.38 | Yên Bái | 4263 | 20A-791.26 | Thái Nguyên |
| 514 | 20C-288.16 | Thái Nguyên | 1764 | 20A-800.59 | Thái Nguyên | 3014 | 21A-210.09 | Yên Bái | 4264 | 20A-793.19 | Thái Nguyên |
| 515 | 20C-290.15 | Thái Nguyên | 1765 | 20A-803.09 | Thái Nguyên | 3015 | 21A-210.35 | Yên Bái | 4265 | 20A-797.55 | Thái Nguyên |
| 516 | 20C-291.26 | Thái Nguyên | 1766 | 20A-810.19 | Thái Nguyên | 3016 | 21C-104.06 | Yên Bái | 4266 | 20A-804.18 | Thái Nguyên |
| 517 | 20C-291.96 | Thái Nguyên | 1767 | 20C-289.22 | Thái Nguyên | 3017 | 22A-236.06 | Tuyên Quang | 4267 | 20A-806.25 | Thái Nguyên |
| 518 | 21A-204.38 | Yên Bái | 1768 | 20C-290.19 | Thái Nguyên | 3018 | 22A-243.58 | Tuyên Quang | 4268 | 20C-289.11 | Thái Nguyên |
| 519 | 21C-106.19 | Yên Bái | 1769 | 20C-291.22 | Thái Nguyên | 3019 | 22A-251.29 | Tuyên Quang | 4269 | 20C-289.36 | Thái Nguyên |
| 520 | 22A-243.77 | Tuyên Quang | 1770 | 20C-291.98 | Thái Nguyên | 3020 | 22A-251.55 | Tuyên Quang | 4270 | 20C-289.77 | Thái Nguyên |
| 521 | 22A-249.38 | Tuyên Quang | 1771 | 20C-292.15 | Thái Nguyên | 3021 | 22A-255.09 | Tuyên Quang | 4271 | 20C-295.35 | Thái Nguyên |
| 522 | 22A-252.08 | Tuyên Quang | 1772 | 20C-295.56 | Thái Nguyên | 3022 | 22C-103.77 | Tuyên Quang | 4272 | 21A-200.36 | Yên Bái |
| 523 | 22A-252.53 | Tuyên Quang | 1773 | 21A-203.00 | Yên Bái | 3023 | 22C-108.36 | Tuyên Quang | 4273 | 21A-201.36 | Yên Bái |
| 524 | 22C-103.55 | Tuyên Quang | 1774 | 21A-203.77 | Yên Bái | 3024 | 23A-154.31 | Hà Giang | 4274 | 21A-203.36 | Yên Bái |
| 525 | 22C-109.44 | Tuyên Quang | 1775 | 21A-205.35 | Yên Bái | 3025 | 23C-085.09 | Hà Giang | 4275 | 21A-206.83 | Yên Bái |
| 526 | 22D-006.58 | Tuyên Quang | 1776 | 21C-103.26 | Yên Bái | 3026 | 23C-086.11 | Hà Giang | 4276 | 21A-206.95 | Yên Bái |
| 527 | 23B-007.83 | Hà Giang | 1777 | 21C-105.33 | Yên Bái | 3027 | 23D-004.33 | Hà Giang | 4277 | 21A-207.29 | Yên Bái |
| 528 | 23C-082.19 | Hà Giang | 1778 | 22A-237.56 | Tuyên Quang | 3028 | 24A-281.16 | Lào Cai | 4278 | 21A-208.09 | Yên Bái |
| 529 | 23C-083.77 | Hà Giang | 1779 | 22A-239.59 | Tuyên Quang | 3029 | 24A-282.38 | Lào Cai | 4279 | 21A-209.59 | Yên Bái |
| 530 | 23C-086.19 | Hà Giang | 1780 | 22A-253.85 | Tuyên Quang | 3030 | 24A-285.33 | Lào Cai | 4280 | 21C-104.55 | Yên Bái |
| 531 | 23C-086.85 | Hà Giang | 1781 | 22A-255.85 | Tuyên Quang | 3031 | 24A-291.00 | Lào Cai | 4281 | 22A-253.96 | Tuyên Quang |
| 532 | 24A-283.56 | Lào Cai | 1782 | 22C-104.06 | Tuyên Quang | 3032 | 24A-291.77 | Lào Cai | 4282 | 22B-012.58 | Tuyên Quang |
| 533 | 24A-284.11 | Lào Cai | 1783 | 22C-108.11 | Tuyên Quang | 3033 | 24A-293.38 | Lào Cai | 4283 | 22C-107.44 | Tuyên Quang |
| 534 | 24A-284.55 | Lào Cai | 1784 | 22C-108.35 | Tuyên Quang | 3034 | 24A-296.59 | Lào Cai | 4284 | 23A-150.06 | Hà Giang |
| 535 | 24A-287.19 | Lào Cai | 1785 | 23C-084.11 | Hà Giang | 3035 | 24A-302.18 | Lào Cai | 4285 | 23C-082.58 | Hà Giang |
| 536 | 24A-293.85 | Lào Cai | 1786 | 23C-084.55 | Hà Giang | 3036 | 24A-302.58 | Lào Cai | 4286 | 23C-086.87 | Hà Giang |
| 537 | 24A-295.19 | Lào Cai | 1787 | 23C-084.58 | Hà Giang | 3037 | 24A-303.09 | Lào Cai | 4287 | 24A-275.09 | Lào Cai |
| 538 | 24A-297.56 | Lào Cai | 1788 | 23C-085.36 | Hà Giang | 3038 | 25A-077.08 | Lai Châu | 4288 | 24A-279.55 | Lào Cai |
| 539 | 24A-299.18 | Lào Cai | 1789 | 24A-278.19 | Lào Cai | 3039 | 25A-078.06 | Lai Châu | 4289 | 24A-282.06 | Lào Cai |
| 540 | 24A-300.85 | Lào Cai | 1790 | 24A-290.77 | Lào Cai | 3040 | 25A-081.63 | Lai Châu | 4290 | 24A-285.16 | Lào Cai |
| 541 | 24A-301.58 | Lào Cai | 1791 | 24A-293.36 | Lào Cai | 3041 | 25B-004.58 | Lai Châu | 4291 | 24A-285.56 | Lào Cai |
| 542 | 24C-155.58 | Lào Cai | 1792 | 24A-293.59 | Lào Cai | 3042 | 25C-056.16 | Lai Châu | 4292 | 24A-291.08 | Lào Cai |
| 543 | 24C-157.26 | Lào Cai | 1793 | 24A-302.19 | Lào Cai | 3043 | 26A-212.59 | Sơn La | 4293 | 24A-293.06 | Lào Cai |
| 544 | 25A-076.55 | Lai Châu | 1794 | 24C-157.00 | Lào Cai | 3044 | 26A-216.33 | Sơn La | 4294 | 24A-298.08 | Lào Cai |
| 545 | 25C-056.29 | Lai Châu | 1795 | 25A-076.59 | Lai Châu | 3045 | 26A-217.06 | Sơn La | 4295 | 24A-300.83 | Lào Cai |
| 546 | 26A-216.04 | Sơn La | 1796 | 25A-079.59 | Lai Châu | 3046 | 26A-218.77 | Sơn La | 4296 | 24A-301.59 | Lào Cai |
| 547 | 26A-216.71 | Sơn La | 1797 | 25A-081.58 | Lai Châu | 3047 | 26A-220.19 | Sơn La | 4297 | 24A-302.95 | Lào Cai |
| 548 | 26A-218.95 | Sơn La | 1798 | 25A-081.62 | Lai Châu | 3048 | 26A-221.58 | Sơn La | 4298 | 24C-156.38 | Lào Cai |
| 549 | 26A-219.38 | Sơn La | 1799 | 25C-056.20 | Lai Châu | 3049 | 26C-147.55 | Sơn La | 4299 | 24C-157.33 | Lào Cai |
| 550 | 26A-220.98 | Sơn La | 1800 | 26A-216.24 | Sơn La | 3050 | 26C-149.11 | Sơn La | 4300 | 24D-006.15 | Lào Cai |
| 551 | 27A-120.11 | Điện Biên | 1801 | 26A-216.83 | Sơn La | 3051 | 26C-153.44 | Sơn La | 4301 | 24D-006.22 | Lào Cai |
| 552 | 28A-235.11 | Hòa Bình | 1802 | 26A-216.96 | Sơn La | 3052 | 27A-118.55 | Điện Biên | 4302 | 26A-209.36 | Sơn La |
| 553 | 28A-237.44 | Hòa Bình | 1803 | 26A-219.33 | Sơn La | 3053 | 27A-120.33 | Điện Biên | 4303 | 26A-213.58 | Sơn La |
| 554 | 28A-237.58 | Hòa Bình | 1804 | 26A-219.55 | Sơn La | 3054 | 27C-069.77 | Điện Biên | 4304 | 26A-218.08 | Sơn La |
| 555 | 28A-243.59 | Hòa Bình | 1805 | 26C-149.18 | Sơn La | 3055 | 28A-240.35 | Hòa Bình | 4305 | 26A-218.59 | Sơn La |
| 556 | 28A-244.08 | Hòa Bình | 1806 | 26C-152.44 | Sơn La | 3056 | 28A-245.58 | Hòa Bình | 4306 | 26A-220.58 | Sơn La |
| 557 | 28C-115.85 | Hòa Bình | 1807 | 26C-153.09 | Sơn La | 3057 | 29B-647.11 | Hà Nội | 4307 | 26A-223.16 | Sơn La |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 558 | 28C-115.95 | Hòa Bình | 1808 | 26C-153.59 | Sơn La | 3058 | 29D-578.06 | Hà Nội | 4308 | 26B-015.83 | Sơn La |
| 559 | 29B-648.08 | Hà Nội | 1809 | 26C-154.77 | Sơn La | 3059 | 29K-150.16 | Hà Nội | 4309 | 26C-147.36 | Sơn La |
| 560 | 29D-586.77 | Hà Nội | 1810 | 27A-115.56 | Điện Biên | 3060 | 29K-153.56 | Hà Nội | 4310 | 26C-148.33 | Sơn La |
| 561 | 29D-590.06 | Hà Nội | 1811 | 27A-115.58 | Điện Biên | 3061 | 29K-154.08 | Hà Nội | 4311 | 26C-151.26 | Sơn La |
| 562 | 29D-595.58 | Hà Nội | 1812 | 27A-118.77 | Điện Biên | 3062 | 29K-171.55 | Hà Nội | 4312 | 26C-154.28 | Sơn La |
| 563 | 29D-596.08 | Hà Nội | 1813 | 27A-121.09 | Điện Biên | 3063 | 29K-180.22 | Hà Nội | 4313 | 26C-155.06 | Sơn La |
| 564 | 29D-600.58 | Hà Nội | 1814 | 27A-121.26 | Điện Biên | 3064 | 29K-186.38 | Hà Nội | 4314 | 26C-155.18 | Sơn La |
| 565 | 29D-602.08 | Hà Nội | 1815 | 27A-121.59 | Điện Biên | 3065 | 29K-193.08 | Hà Nội | 4315 | 27A-114.58 | Điện Biên |
| 566 | 29K-157.44 | Hà Nội | 1816 | 28A-240.06 | Hòa Bình | 3066 | 29K-195.09 | Hà Nội | 4316 | 27A-115.36 | Điện Biên |
| 567 | 29K-163.06 | Hà Nội | 1817 | 28A-240.41 | Hòa Bình | 3067 | 29K-195.33 | Hà Nội | 4317 | 27A-119.08 | Điện Biên |
| 568 | 29K-184.19 | Hà Nội | 1818 | 28A-240.97 | Hòa Bình | 3068 | 29K-198.11 | Hà Nội | 4318 | 28A-235.36 | Hòa Bình |
| 569 | 29K-185.38 | Hà Nội | 1819 | 28A-241.98 | Hòa Bình | 3069 | 29K-198.22 | Hà Nội | 4319 | 28A-243.06 | Hòa Bình |
| 570 | 29K-198.56 | Hà Nội | 1820 | 28A-243.28 | Hòa Bình | 3070 | 29K-203.11 | Hà Nội | 4320 | 28A-243.83 | Hòa Bình |
| 571 | 29K-201.29 | Hà Nội | 1821 | 28A-244.26 | Hòa Bình | 3071 | 29K-206.16 | Hà Nội | 4321 | 28A-246.98 | Hòa Bình |
| 572 | 29K-201.77 | Hà Nội | 1822 | 28A-247.25 | Hòa Bình | 3072 | 29K-207.15 | Hà Nội | 4322 | 28B-014.09 | Hòa Bình |
| 573 | 29K-202.35 | Hà Nội | 1823 | 28C-115.98 | Hòa Bình | 3073 | 29K-207.44 | Hà Nội | 4323 | 28C-109.06 | Hòa Bình |
| 574 | 29K-204.36 | Hà Nội | 1824 | 29D-579.19 | Hà Nội | 3074 | 29K-209.00 | Hà Nội | 4324 | 28C-109.33 | Hòa Bình |
| 575 | 29K-204.98 | Hà Nội | 1825 | 29D-594.22 | Hà Nội | 3075 | 29K-209.98 | Hà Nội | 4325 | 28C-114.59 | Hòa Bình |
| 576 | 29K-207.08 | Hà Nội | 1826 | 29D-598.56 | Hà Nội | 3076 | 29K-210.44 | Hà Nội | 4326 | 28D-004.36 | Hòa Bình |
| 577 | 29K-208.29 | Hà Nội | 1827 | 29K-147.22 | Hà Nội | 3077 | 29K-212.55 | Hà Nội | 4327 | 29B-647.09 | Hà Nội |
| 578 | 29K-211.65 | Hà Nội | 1828 | 29K-159.09 | Hà Nội | 3078 | 29K-214.85 | Hà Nội | 4328 | 29B-649.36 | Hà Nội |
| 579 | 29K-216.15 | Hà Nội | 1829 | 29K-161.38 | Hà Nội | 3079 | 29K-217.06 | Hà Nội | 4329 | 29D-598.38 | Hà Nội |
| 580 | 29K-219.00 | Hà Nội | 1830 | 29K-169.08 | Hà Nội | 3080 | 29K-218.65 | Hà Nội | 4330 | 29D-601.55 | Hà Nội |
| 581 | 29K-219.25 | Hà Nội | 1831 | 29K-169.19 | Hà Nội | 3081 | 29K-219.11 | Hà Nội | 4331 | 29K-144.06 | Hà Nội |
| 582 | 29K-219.59 | Hà Nội | 1832 | 29K-172.06 | Hà Nội | 3082 | 30L-180.16 | Hà Nội | 4332 | 29K-160.33 | Hà Nội |
| 583 | 30L-176.11 | Hà Nội | 1833 | 29K-178.44 | Hà Nội | 3083 | 30L-191.00 | Hà Nội | 4333 | 29K-167.08 | Hà Nội |
| 584 | 30L-189.56 | Hà Nội | 1834 | 29K-182.06 | Hà Nội | 3084 | 30L-195.36 | Hà Nội | 4334 | 29K-181.19 | Hà Nội |
| 585 | 30L-194.33 | Hà Nội | 1835 | 29K-193.58 | Hà Nội | 3085 | 30L-199.38 | Hà Nội | 4335 | 29K-195.77 | Hà Nội |
| 586 | 30L-198.38 | Hà Nội | 1836 | 29K-198.58 | Hà Nội | 3086 | 30L-224.16 | Hà Nội | 4336 | 29K-202.09 | Hà Nội |
| 587 | 30L-209.16 | Hà Nội | 1837 | 29K-203.15 | Hà Nội | 3087 | 30L-226.59 | Hà Nội | 4337 | 29K-203.04 | Hà Nội |
| 588 | 30L-221.08 | Hà Nội | 1838 | 29K-203.98 | Hà Nội | 3088 | 30L-242.08 | Hà Nội | 4338 | 29K-206.18 | Hà Nội |
| 589 | 30L-245.38 | Hà Nội | 1839 | 29K-204.56 | Hà Nội | 3089 | 30L-243.58 | Hà Nội | 4339 | 29K-207.33 | Hà Nội |
| 590 | 30L-258.22 | Hà Nội | 1840 | 29K-205.95 | Hà Nội | 3090 | 30L-264.16 | Hà Nội | 4340 | 29K-208.65 | Hà Nội |
| 591 | 30L-272.77 | Hà Nội | 1841 | 29K-211.06 | Hà Nội | 3091 | 30L-279.16 | Hà Nội | 4341 | 29K-210.96 | Hà Nội |
| 592 | 30L-276.36 | Hà Nội | 1842 | 29K-214.18 | Hà Nội | 3092 | 30L-295.26 | Hà Nội | 4342 | 29K-211.26 | Hà Nội |
| 593 | 30L-297.09 | Hà Nội | 1843 | 29K-215.09 | Hà Nội | 3093 | 30L-342.26 | Hà Nội | 4343 | 29K-211.56 | Hà Nội |
| 594 | 30L-307.85 | Hà Nội | 1844 | 29K-220.11 | Hà Nội | 3094 | 30L-346.09 | Hà Nội | 4344 | 29K-212.26 | Hà Nội |
| 595 | 30L-317.55 | Hà Nội | 1845 | 30L-200.56 | Hà Nội | 3095 | 30L-348.58 | Hà Nội | 4345 | 29K-213.29 | Hà Nội |
| 596 | 30L-332.18 | Hà Nội | 1846 | 30L-216.06 | Hà Nội | 3096 | 30L-351.06 | Hà Nội | 4346 | 29K-219.35 | Hà Nội |
| 597 | 30L-332.58 | Hà Nội | 1847 | 30L-221.56 | Hà Nội | 3097 | 30L-370.18 | Hà Nội | 4347 | 29K-220.15 | Hà Nội |
| 598 | 30L-338.77 | Hà Nội | 1848 | 30L-246.08 | Hà Nội | 3098 | 30L-378.44 | Hà Nội | 4348 | 30L-180.56 | Hà Nội |
| 599 | 30L-344.36 | Hà Nội | 1849 | 30L-251.33 | Hà Nội | 3099 | 30L-381.19 | Hà Nội | 4349 | 30L-185.19 | Hà Nội |
| 600 | 30L-345.59 | Hà Nội | 1850 | 30L-256.77 | Hà Nội | 3100 | 30L-385.15 | Hà Nội | 4350 | 30L-186.16 | Hà Nội |
| 601 | 30L-349.58 | Hà Nội | 1851 | 30L-260.77 | Hà Nội | 3101 | 30L-385.25 | Hà Nội | 4351 | 30L-206.56 | Hà Nội |
| 602 | 30L-353.00 | Hà Nội | 1852 | 30L-261.56 | Hà Nội | 3102 | 30L-386.16 | Hà Nội | 4352 | 30L-212.08 | Hà Nội |
| 603 | 30L-372.55 | Hà Nội | 1853 | 30L-267.18 | Hà Nội | 3103 | 30L-391.36 | Hà Nội | 4353 | 30L-219.06 | Hà Nội |
| 604 | 30L-382.29 | Hà Nội | 1854 | 30L-278.06 | Hà Nội | 3104 | 30L-397.38 | Hà Nội | 4354 | 30L-252.44 | Hà Nội |
| 605 | 30L-385.33 | Hà Nội | 1855 | 30L-291.33 | Hà Nội | 3105 | 30L-398.15 | Hà Nội | 4355 | 30L-256.19 | Hà Nội |
| 606 | 30L-386.11 | Hà Nội | 1856 | 30L-296.08 | Hà Nội | 3106 | 30L-398.44 | Hà Nội | 4356 | 30L-257.56 | Hà Nội |
| 607 | 30L-397.29 | Hà Nội | 1857 | 30L-313.19 | Hà Nội | 3107 | 30L-399.38 | Hà Nội | 4357 | 30L-275.59 | Hà Nội |
| 608 | 30L-401.08 | Hà Nội | 1858 | 30L-317.26 | Hà Nội | 3108 | 30L-401.85 | Hà Nội | 4358 | 30L-276.16 | Hà Nội |
| 609 | 30L-409.18 | Hà Nội | 1859 | 30L-326.56 | Hà Nội | 3109 | 30L-406.35 | Hà Nội | 4359 | 30L-282.09 | Hà Nội |
| 610 | 30L-413.98 | Hà Nội | 1860 | 30L-328.08 | Hà Nội | 3110 | 30L-408.29 | Hà Nội | 4360 | 30L-284.11 | Hà Nội |
| 611 | 30L-423.85 | Hà Nội | 1861 | 30L-337.08 | Hà Nội | 3111 | 30L-410.25 | Hà Nội | 4361 | 30L-291.08 | Hà Nội |
| 612 | 30L-425.36 | Hà Nội | 1862 | 30L-343.58 | Hà Nội | 3112 | 30L-411.56 | Hà Nội | 4362 | 30L-294.11 | Hà Nội |
| 613 | 30L-431.29 | Hà Nội | 1863 | 30L-353.22 | Hà Nội | 3113 | 30L-419.38 | Hà Nội | 4363 | 30L-294.36 | Hà Nội |
| 614 | 30L-433.85 | Hà Nội | 1864 | 30L-353.38 | Hà Nội | 3114 | 30L-425.83 | Hà Nội | 4364 | 30L-309.56 | Hà Nội |
| 615 | 30L-452.16 | Hà Nội | 1865 | 30L-360.18 | Hà Nội | 3115 | 30L-428.38 | Hà Nội | 4365 | 30L-311.18 | Hà Nội |
| 616 | 30L-452.58 | Hà Nội | 1866 | 30L-360.22 | Hà Nội | 3116 | 30L-430.55 | Hà Nội | 4366 | 30L-316.26 | Hà Nội |
| 617 | 30L-455.35 | Hà Nội | 1867 | 30L-373.38 | Hà Nội | 3117 | 30L-435.83 | Hà Nội | 4367 | 30L-316.33 | Hà Nội |
| 618 | 30L-456.81 | Hà Nội | 1868 | 30L-384.96 | Hà Nội | 3118 | 30L-441.85 | Hà Nội | 4368 | 30L-316.56 | Hà Nội |
| 619 | 30L-458.60 | Hà Nội | 1869 | 30L-387.11 | Hà Nội | 3119 | 30L-448.96 | Hà Nội | 4369 | 30L-319.77 | Hà Nội |
| 620 | 30L-461.65 | Hà Nội | 1870 | 30L-387.95 | Hà Nội | 3120 | 30L-449.18 | Hà Nội | 4370 | 30L-330.77 | Hà Nội |
| 621 | 30L-462.05 | Hà Nội | 1871 | 30L-395.22 | Hà Nội | 3121 | 30L-452.56 | Hà Nội | 4371 | 30L-341.08 | Hà Nội |
| 622 | 30L-462.45 | Hà Nội | 1872 | 30L-398.16 | Hà Nội | 3122 | 30L-455.18 | Hà Nội | 4372 | 30L-355.08 | Hà Nội |
| 623 | 30L-463.15 | Hà Nội | 1873 | 30L-402.98 | Hà Nội | 3123 | 30L-460.92 | Hà Nội | 4373 | 30L-367.08 | Hà Nội |
| 624 | 30L-465.19 | Hà Nội | 1874 | 30L-409.33 | Hà Nội | 3124 | 30L-461.25 | Hà Nội | 4374 | 30L-368.08 | Hà Nội |
| 625 | 30L-466.35 | Hà Nội | 1875 | 30L-415.22 | Hà Nội | 3125 | 30L-461.57 | Hà Nội | 4375 | 30L-369.85 | Hà Nội |
| 626 | 30L-469.15 | Hà Nội | 1876 | 30L-420.59 | Hà Nội | 3126 | 30L-462.48 | Hà Nội | 4376 | 30L-379.33 | Hà Nội |
| 627 | 30L-470.06 | Hà Nội | 1877 | 30L-429.77 | Hà Nội | 3127 | 30L-467.35 | Hà Nội | 4377 | 30L-387.18 | Hà Nội |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 628 | 30L-474.19 | Hà Nội | 1878 | 30L-430.16 | Hà Nội | 3128 | 30L-467.49 | Hà Nội | 4378 | 30L-390.65 | Hà Nội |
| 629 | 30L-476.33 | Hà Nội | 1879 | 30L-433.26 | Hà Nội | 3129 | 30L-477.09 | Hà Nội | 4379 | 30L-391.06 | Hà Nội |
| 630 | 30L-476.38 | Hà Nội | 1880 | 30L-438.35 | Hà Nội | 3130 | 30L-480.22 | Hà Nội | 4380 | 30L-392.85 | Hà Nội |
| 631 | 30L-479.59 | Hà Nội | 1881 | 30L-438.65 | Hà Nội | 3131 | 30L-480.36 | Hà Nội | 4381 | 30L-404.35 | Hà Nội |
| 632 | 30L-480.55 | Hà Nội | 1882 | 30L-445.98 | Hà Nội | 3132 | 30L-483.58 | Hà Nội | 4382 | 30L-404.95 | Hà Nội |
| 633 | 30L-487.28 | Hà Nội | 1883 | 30L-449.38 | Hà Nội | 3133 | 30L-489.19 | Hà Nội | 4383 | 30L-406.95 | Hà Nội |
| 634 | 30L-488.56 | Hà Nội | 1884 | 30L-450.16 | Hà Nội | 3134 | 30L-490.91 | Hà Nội | 4384 | 30L-412.06 | Hà Nội |
| 635 | 30L-490.95 | Hà Nội | 1885 | 30L-452.55 | Hà Nội | 3135 | 30L-494.65 | Hà Nội | 4385 | 30L-415.06 | Hà Nội |
| 636 | 30L-491.56 | Hà Nội | 1886 | 30L-454.95 | Hà Nội | 3136 | 30L-495.83 | Hà Nội | 4386 | 30L-438.15 | Hà Nội |
| 637 | 30L-491.77 | Hà Nội | 1887 | 30L-455.60 | Hà Nội | 3137 | 30L-498.55 | Hà Nội | 4387 | 30L-447.59 | Hà Nội |
| 638 | 30L-504.98 | Hà Nội | 1888 | 30L-457.55 | Hà Nội | 3138 | 30L-499.98 | Hà Nội | 4388 | 30L-453.46 | Hà Nội |
| 639 | 30L-508.16 | Hà Nội | 1889 | 30L-458.90 | Hà Nội | 3139 | 30L-502.18 | Hà Nội | 4389 | 30L-454.11 | Hà Nội |
| 640 | 30L-508.36 | Hà Nội | 1890 | 30L-460.47 | Hà Nội | 3140 | 30L-505.11 | Hà Nội | 4390 | 30L-457.26 | Hà Nội |
| 641 | 30L-509.08 | Hà Nội | 1891 | 30L-463.71 | Hà Nội | 3141 | 30L-506.83 | Hà Nội | 4391 | 30L-458.18 | Hà Nội |
| 642 | 30L-509.18 | Hà Nội | 1892 | 30L-467.00 | Hà Nội | 3142 | 30L-507.96 | Hà Nội | 4392 | 30L-458.83 | Hà Nội |
| 643 | 30L-509.59 | Hà Nội | 1893 | 30L-485.00 | Hà Nội | 3143 | 30L-510.29 | Hà Nội | 4393 | 30L-459.14 | Hà Nội |
| 644 | 30L-512.29 | Hà Nội | 1894 | 30L-491.83 | Hà Nội | 3144 | 30L-511.28 | Hà Nội | 4394 | 30L-459.72 | Hà Nội |
| 645 | 30L-520.19 | Hà Nội | 1895 | 30L-492.08 | Hà Nội | 3145 | 30L-513.19 | Hà Nội | 4395 | 30L-465.20 | Hà Nội |
| 646 | 30L-525.59 | Hà Nội | 1896 | 30L-492.35 | Hà Nội | 3146 | 30L-514.06 | Hà Nội | 4396 | 30L-468.22 | Hà Nội |
| 647 | 30L-525.95 | Hà Nội | 1897 | 30L-492.56 | Hà Nội | 3147 | 30L-515.85 | Hà Nội | 4397 | 30L-469.18 | Hà Nội |
| 648 | 30L-526.36 | Hà Nội | 1898 | 30L-495.19 | Hà Nội | 3148 | 30L-520.11 | Hà Nội | 4398 | 30L-475.18 | Hà Nội |
| 649 | 30L-532.55 | Hà Nội | 1899 | 30L-495.85 | Hà Nội | 3149 | 30L-524.09 | Hà Nội | 4399 | 30L-479.65 | Hà Nội |
| 650 | 30L-540.96 | Hà Nội | 1900 | 30L-496.08 | Hà Nội | 3150 | 30L-524.38 | Hà Nội | 4400 | 30L-482.11 | Hà Nội |
| 651 | 30L-541.09 | Hà Nội | 1901 | 30L-496.65 | Hà Nội | 3151 | 30L-527.26 | Hà Nội | 4401 | 30L-484.28 | Hà Nội |
| 652 | 30L-541.35 | Hà Nội | 1902 | 30L-498.58 | Hà Nội | 3152 | 30L-533.83 | Hà Nội | 4402 | 30L-487.96 | Hà Nội |
| 653 | 30L-544.85 | Hà Nội | 1903 | 30L-499.59 | Hà Nội | 3153 | 30L-533.85 | Hà Nội | 4403 | 30L-491.06 | Hà Nội |
| 654 | 34A-821.44 | Hải Dương | 1904 | 30L-502.03 | Hà Nội | 3154 | 30L-534.22 | Hà Nội | 4404 | 30L-492.11 | Hà Nội |
| 655 | 34A-823.44 | Hải Dương | 1905 | 30L-502.28 | Hà Nội | 3155 | 30L-534.29 | Hà Nội | 4405 | 30L-492.18 | Hà Nội |
| 656 | 34A-824.56 | Hải Dương | 1906 | 30L-502.44 | Hà Nội | 3156 | 30L-536.18 | Hà Nội | 4406 | 30L-493.00 | Hà Nội |
| 657 | 34A-827.58 | Hải Dương | 1907 | 30L-504.26 | Hà Nội | 3157 | 30L-538.15 | Hà Nội | 4407 | 30L-500.15 | Hà Nội |
| 658 | 34A-829.33 | Hải Dương | 1908 | 30L-504.56 | Hà Nội | 3158 | 30L-540.36 | Hà Nội | 4408 | 30L-501.38 | Hà Nội |
| 659 | 34A-830.44 | Hải Dương | 1909 | 30L-506.00 | Hà Nội | 3159 | 30L-540.85 | Hà Nội | 4409 | 30L-502.96 | Hà Nội |
| 660 | 34A-830.58 | Hải Dương | 1910 | 30L-509.77 | Hà Nội | 3160 | 30L-542.09 | Hà Nội | 4410 | 30L-506.44 | Hà Nội |
| 661 | 34A-831.98 | Hải Dương | 1911 | 30L-510.19 | Hà Nội | 3161 | 30L-542.35 | Hà Nội | 4411 | 30L-506.55 | Hà Nội |
| 662 | 34A-832.00 | Hải Dương | 1912 | 30L-511.85 | Hà Nội | 3162 | 30L-547.33 | Hà Nội | 4412 | 30L-507.83 | Hà Nội |
| 663 | 34A-835.95 | Hải Dương | 1913 | 30L-514.56 | Hà Nội | 3163 | 34A-808.00 | Hải Dương | 4413 | 30L-508.06 | Hà Nội |
| 664 | 34A-836.18 | Hải Dương | 1914 | 30L-515.65 | Hà Nội | 3164 | 34A-813.38 | Hải Dương | 4414 | 30L-510.59 | Hà Nội |
| 665 | 34A-836.44 | Hải Dương | 1915 | 30L-516.06 | Hà Nội | 3165 | 34A-830.29 | Hải Dương | 4415 | 30L-513.00 | Hà Nội |
| 666 | 34A-838.00 | Hải Dương | 1916 | 30L-519.26 | Hà Nội | 3166 | 34A-837.16 | Hải Dương | 4416 | 30L-521.77 | Hà Nội |
| 667 | 34A-838.55 | Hải Dương | 1917 | 30L-520.85 | Hà Nội | 3167 | 34A-838.29 | Hải Dương | 4417 | 30L-524.00 | Hà Nội |
| 668 | 34A-841.85 | Hải Dương | 1918 | 30L-524.28 | Hà Nội | 3168 | 34A-839.77 | Hải Dương | 4418 | 30L-524.18 | Hà Nội |
| 669 | 34A-845.06 | Hải Dương | 1919 | 30L-525.65 | Hà Nội | 3169 | 34A-841.42 | Hải Dương | 4419 | 30L-524.58 | Hà Nội |
| 670 | 34A-846.16 | Hải Dương | 1920 | 30L-526.18 | Hà Nội | 3170 | 34A-843.06 | Hải Dương | 4420 | 30L-527.29 | Hà Nội |
| 671 | 34A-848.15 | Hải Dương | 1921 | 30L-527.22 | Hà Nội | 3171 | 34A-844.45 | Hải Dương | 4421 | 30L-528.29 | Hà Nội |
| 672 | 34A-851.56 | Hải Dương | 1922 | 30L-528.83 | Hà Nội | 3172 | 34A-845.08 | Hải Dương | 4422 | 30L-532.56 | Hà Nội |
| 673 | 34A-855.18 | Hải Dương | 1923 | 30L-529.55 | Hà Nội | 3173 | 34A-845.19 | Hải Dương | 4423 | 30L-532.83 | Hà Nội |
| 674 | 34C-401.28 | Hải Dương | 1924 | 30L-538.06 | Hà Nội | 3174 | 34A-845.56 | Hải Dương | 4424 | 30L-532.85 | Hà Nội |
| 675 | 34C-404.16 | Hải Dương | 1925 | 30L-538.33 | Hà Nội | 3175 | 34A-845.58 | Hải Dương | 4425 | 30L-536.77 | Hà Nội |
| 676 | 35A-413.77 | Ninh Bình | 1926 | 30L-538.95 | Hà Nội | 3176 | 34A-846.11 | Hải Dương | 4426 | 30L-541.36 | Hà Nội |
| 677 | 35A-415.11 | Ninh Bình | 1927 | 30L-539.09 | Hà Nội | 3177 | 34A-849.09 | Hải Dương | 4427 | 30L-542.55 | Hà Nội |
| 678 | 35A-417.36 | Ninh Bình | 1928 | 30L-541.55 | Hà Nội | 3178 | 34A-850.65 | Hải Dương | 4428 | 30L-544.28 | Hà Nội |
| 679 | 35A-422.56 | Ninh Bình | 1929 | 30L-545.16 | Hà Nội | 3179 | 34A-851.33 | Hải Dương | 4429 | 34A-809.11 | Hải Dương |
| 680 | 35A-423.16 | Ninh Bình | 1930 | 30L-545.44 | Hà Nội | 3180 | 34A-855.29 | Hải Dương | 4430 | 34A-809.56 | Hải Dương |
| 681 | 35A-424.36 | Ninh Bình | 1931 | 30L-547.16 | Hà Nội | 3181 | 34C-400.98 | Hải Dương | 4431 | 34A-810.59 | Hải Dương |
| 682 | 35A-426.56 | Ninh Bình | 1932 | 34A-815.85 | Hải Dương | 3182 | 34C-401.02 | Hải Dương | 4432 | 34A-818.26 | Hải Dương |
| 683 | 35A-433.59 | Ninh Bình | 1933 | 34A-818.36 | Hải Dương | 3183 | 34C-404.19 | Hải Dương | 4433 | 34A-821.16 | Hải Dương |
| 684 | 35A-437.22 | Ninh Bình | 1934 | 34A-823.11 | Hải Dương | 3184 | 34C-406.85 | Hải Dương | 4434 | 34A-822.18 | Hải Dương |
| 685 | 35A-437.59 | Ninh Bình | 1935 | 34A-824.38 | Hải Dương | 3185 | 34C-407.98 | Hải Dương | 4435 | 34A-822.19 | Hải Dương |
| 686 | 35A-438.44 | Ninh Bình | 1936 | 34A-826.19 | Hải Dương | 3186 | 34C-408.06 | Hải Dương | 4436 | 34A-824.18 | Hải Dương |
| 687 | 35A-438.59 | Ninh Bình | 1937 | 34A-838.15 | Hải Dương | 3187 | 35A-427.55 | Ninh Bình | 4437 | 34A-825.56 | Hải Dương |
| 688 | 35A-439.15 | Ninh Bình | 1938 | 34A-840.41 | Hải Dương | 3188 | 35A-432.77 | Ninh Bình | 4438 | 34A-830.16 | Hải Dương |
| 689 | 35A-439.19 | Ninh Bình | 1939 | 34A-841.00 | Hải Dương | 3189 | 35A-434.08 | Ninh Bình | 4439 | 34A-835.15 | Hải Dương |
| 690 | 35C-170.56 | Ninh Bình | 1940 | 34A-844.65 | Hải Dương | 3190 | 35A-434.16 | Ninh Bình | 4440 | 34A-835.56 | Hải Dương |
| 691 | 35C-171.55 | Ninh Bình | 1941 | 34A-848.83 | Hải Dương | 3191 | 35A-436.38 | Ninh Bình | 4441 | 34A-837.55 | Hải Dương |
| 692 | 35C-172.26 | Ninh Bình | 1942 | 34A-849.26 | Hải Dương | 3192 | 35A-438.11 | Ninh Bình | 4442 | 34A-845.28 | Hải Dương |
| 693 | 36C-461.56 | Thanh Hóa | 1943 | 34A-852.06 | Hải Dương | 3193 | 35A-438.25 | Ninh Bình | 4443 | 34A-846.33 | Hải Dương |
| 694 | 36C-469.16 | Thanh Hóa | 1944 | 34A-852.15 | Hải Dương | 3194 | 35A-440.06 | Ninh Bình | 4444 | 34A-846.35 | Hải Dương |
| 695 | 36C-486.77 | Thanh Hóa | 1945 | 34A-854.65 | Hải Dương | 3195 | 35B-019.15 | Ninh Bình | 4445 | 34A-848.28 | Hải Dương |
| 696 | 36C-488.36 | Thanh Hóa | 1946 | 34A-855.09 | Hải Dương | 3196 | 35C-164.77 | Ninh Bình | 4446 | 34A-851.83 | Hải Dương |
| 697 | 36C-489.18 | Thanh Hóa | 1947 | 34C-401.16 | Hải Dương | 3197 | 36C-465.22 | Thanh Hóa | 4447 | 34A-853.06 | Hải Dương |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 698 | 36C-497.55 | Thanh Hóa | 1948 | 34C-404.05 | Hải Dương | 3198 | 36C-470.11 | Thanh Hóa | 4448 | 34A-854.36 | Hải Dương |
| 699 | 36C-498.58 | Thanh Hóa | 1949 | 34C-406.07 | Hải Dương | 3199 | 36C-480.77 | Thanh Hóa | 4449 | 34C-400.58 | Hải Dương |
| 700 | 36C-499.08 | Thanh Hóa | 1950 | 34C-406.08 | Hải Dương | 3200 | 36C-486.38 | Thanh Hóa | 4450 | 34C-404.58 | Hải Dương |
| 701 | 36K-050.58 | Thanh Hóa | 1951 | 34C-407.38 | Hải Dương | 3201 | 36C-486.55 | Thanh Hóa | 4451 | 34C-404.96 | Hải Dương |
| 702 | 36K-064.11 | Thanh Hóa | 1952 | 35A-423.09 | Ninh Bình | 3202 | 36C-494.36 | Thanh Hóa | 4452 | 34D-034.08 | Hải Dương |
| 703 | 36K-064.56 | Thanh Hóa | 1953 | 35A-430.11 | Ninh Bình | 3203 | 36C-497.00 | Thanh Hóa | 4453 | 35A-420.33 | Ninh Bình |
| 704 | 36K-072.55 | Thanh Hóa | 1954 | 35A-432.06 | Ninh Bình | 3204 | 36C-499.18 | Thanh Hóa | 4454 | 35A-420.38 | Ninh Bình |
| 705 | 36K-091.08 | Thanh Hóa | 1955 | 35A-432.33 | Ninh Bình | 3205 | 36C-502.44 | Thanh Hóa | 4455 | 35A-437.95 | Ninh Bình |
| 706 | 36K-091.36 | Thanh Hóa | 1956 | 35A-433.18 | Ninh Bình | 3206 | 36C-504.09 | Thanh Hóa | 4456 | 35A-441.77 | Ninh Bình |
| 707 | 36K-095.38 | Thanh Hóa | 1957 | 35A-439.95 | Ninh Bình | 3207 | 36C-506.16 | Thanh Hóa | 4457 | 35A-442.55 | Ninh Bình |
| 708 | 36K-099.06 | Thanh Hóa | 1958 | 35C-165.00 | Ninh Bình | 3208 | 36K-048.33 | Thanh Hóa | 4458 | 35A-442.58 | Ninh Bình |
| 709 | 36K-102.65 | Thanh Hóa | 1959 | 35C-166.19 | Ninh Bình | 3209 | 36K-062.19 | Thanh Hóa | 4459 | 35A-442.85 | Ninh Bình |
| 710 | 36K-110.06 | Thanh Hóa | 1960 | 35C-168.58 | Ninh Bình | 3210 | 36K-079.08 | Thanh Hóa | 4460 | 35C-169.09 | Ninh Bình |
| 711 | 36K-112.28 | Thanh Hóa | 1961 | 35C-171.38 | Ninh Bình | 3211 | 36K-082.56 | Thanh Hóa | 4461 | 35C-172.16 | Ninh Bình |
| 712 | 36K-114.00 | Thanh Hóa | 1962 | 36C-463.00 | Thanh Hóa | 3212 | 36K-083.09 | Thanh Hóa | 4462 | 36C-467.56 | Thanh Hóa |
| 713 | 36K-119.98 | Thanh Hóa | 1963 | 36C-472.06 | Thanh Hóa | 3213 | 36K-083.22 | Thanh Hóa | 4463 | 36C-478.18 | Thanh Hóa |
| 714 | 36K-123.06 | Thanh Hóa | 1964 | 36C-481.06 | Thanh Hóa | 3214 | 36K-086.16 | Thanh Hóa | 4464 | 36C-480.11 | Thanh Hóa |
| 715 | 36K-124.96 | Thanh Hóa | 1965 | 36C-487.00 | Thanh Hóa | 3215 | 36K-087.06 | Thanh Hóa | 4465 | 36C-482.00 | Thanh Hóa |
| 716 | 36K-125.85 | Thanh Hóa | 1966 | 36C-488.19 | Thanh Hóa | 3216 | 36K-089.44 | Thanh Hóa | 4466 | 36C-483.22 | Thanh Hóa |
| 717 | 36K-128.16 | Thanh Hóa | 1967 | 36C-490.16 | Thanh Hóa | 3217 | 36K-092.58 | Thanh Hóa | 4467 | 36C-483.56 | Thanh Hóa |
| 718 | 36K-129.85 | Thanh Hóa | 1968 | 36C-492.16 | Thanh Hóa | 3218 | 36K-094.00 | Thanh Hóa | 4468 | 36C-486.19 | Thanh Hóa |
| 719 | 37C-516.56 | Nghệ An | 1969 | 36C-495.36 | Thanh Hóa | 3219 | 36K-098.44 | Thanh Hóa | 4469 | 36C-486.22 | Thanh Hóa |
| 720 | 37C-520.58 | Nghệ An | 1970 | 36C-499.06 | Thanh Hóa | 3220 | 36K-103.04 | Thanh Hóa | 4470 | 36C-491.36 | Thanh Hóa |
| 721 | 37C-522.56 | Nghệ An | 1971 | 36C-500.56 | Thanh Hóa | 3221 | 36K-103.26 | Thanh Hóa | 4471 | 36C-493.16 | Thanh Hóa |
| 722 | 37C-528.44 | Nghệ An | 1972 | 36C-501.77 | Thanh Hóa | 3222 | 36K-106.65 | Thanh Hóa | 4472 | 36C-494.18 | Thanh Hóa |
| 723 | 37C-530.65 | Nghệ An | 1973 | 36C-503.09 | Thanh Hóa | 3223 | 36K-107.33 | Thanh Hóa | 4473 | 36C-495.33 | Thanh Hóa |
| 724 | 37C-531.58 | Nghệ An | 1974 | 36C-505.36 | Thanh Hóa | 3224 | 36K-114.09 | Thanh Hóa | 4474 | 36C-496.55 | Thanh Hóa |
| 725 | 37C-532.19 | Nghệ An | 1975 | 36D-023.83 | Thanh Hóa | 3225 | 36K-121.16 | Thanh Hóa | 4475 | 36C-501.58 | Thanh Hóa |
| 726 | 37K-331.36 | Nghệ An | 1976 | 36K-045.19 | Thanh Hóa | 3226 | 36K-122.36 | Thanh Hóa | 4476 | 36C-503.19 | Thanh Hóa |
| 727 | 37K-341.22 | Nghệ An | 1977 | 36K-049.09 | Thanh Hóa | 3227 | 36K-123.16 | Thanh Hóa | 4477 | 36C-505.16 | Thanh Hóa |
| 728 | 37K-342.45 | Nghệ An | 1978 | 36K-050.36 | Thanh Hóa | 3228 | 36K-131.85 | Thanh Hóa | 4478 | 36K-043.58 | Thanh Hóa |
| 729 | 37K-346.19 | Nghệ An | 1979 | 36K-052.09 | Thanh Hóa | 3229 | 36K-132.33 | Thanh Hóa | 4479 | 36K-048.58 | Thanh Hóa |
| 730 | 37K-350.15 | Nghệ An | 1980 | 36K-056.19 | Thanh Hóa | 3230 | 36K-134.16 | Thanh Hóa | 4480 | 36K-052.56 | Thanh Hóa |
| 731 | 37K-350.18 | Nghệ An | 1981 | 36K-061.22 | Thanh Hóa | 3231 | 36K-134.36 | Thanh Hóa | 4481 | 36K-064.22 | Thanh Hóa |
| 732 | 37K-350.25 | Nghệ An | 1982 | 36K-063.59 | Thanh Hóa | 3232 | 36K-134.59 | Thanh Hóa | 4482 | 36K-065.36 | Thanh Hóa |
| 733 | 37K-354.15 | Nghệ An | 1983 | 36K-072.16 | Thanh Hóa | 3233 | 36K-136.06 | Thanh Hóa | 4483 | 36K-077.09 | Thanh Hóa |
| 734 | 37K-354.95 | Nghệ An | 1984 | 36K-074.16 | Thanh Hóa | 3234 | 37C-517.22 | Nghệ An | 4484 | 36K-082.36 | Thanh Hóa |
| 735 | 37K-355.06 | Nghệ An | 1985 | 36K-087.22 | Thanh Hóa | 3235 | 37C-519.38 | Nghệ An | 4485 | 36K-084.00 | Thanh Hóa |
| 736 | 37K-356.00 | Nghệ An | 1986 | 36K-090.16 | Thanh Hóa | 3236 | 37C-522.08 | Nghệ An | 4486 | 36K-087.55 | Thanh Hóa |
| 737 | 37K-357.55 | Nghệ An | 1987 | 36K-090.22 | Thanh Hóa | 3237 | 37C-523.36 | Nghệ An | 4487 | 36K-087.59 | Thanh Hóa |
| 738 | 37K-366.06 | Nghệ An | 1988 | 36K-092.55 | Thanh Hóa | 3238 | 37C-526.06 | Nghệ An | 4488 | 36K-091.22 | Thanh Hóa |
| 739 | 37K-368.35 | Nghệ An | 1989 | 36K-095.11 | Thanh Hóa | 3239 | 37C-528.56 | Nghệ An | 4489 | 36K-094.33 | Thanh Hóa |
| 740 | 37K-369.58 | Nghệ An | 1990 | 36K-096.16 | Thanh Hóa | 3240 | 37C-531.98 | Nghệ An | 4490 | 36K-096.00 | Thanh Hóa |
| 741 | 37K-370.96 | Nghệ An | 1991 | 36K-096.55 | Thanh Hóa | 3241 | 37C-533.26 | Nghệ An | 4491 | 36K-096.58 | Thanh Hóa |
| 742 | 37K-371.22 | Nghệ An | 1992 | 36K-107.15 | Thanh Hóa | 3242 | 37C-533.28 | Nghệ An | 4492 | 36K-103.38 | Thanh Hóa |
| 743 | 37K-371.83 | Nghệ An | 1993 | 36K-108.16 | Thanh Hóa | 3243 | 37C-536.29 | Nghệ An | 4493 | 36K-103.55 | Thanh Hóa |
| 744 | 37K-372.19 | Nghệ An | 1994 | 36K-111.83 | Thanh Hóa | 3244 | 37C-537.29 | Nghệ An | 4494 | 36K-106.33 | Thanh Hóa |
| 745 | 37K-375.56 | Nghệ An | 1995 | 36K-112.96 | Thanh Hóa | 3245 | 37K-324.58 | Nghệ An | 4495 | 36K-107.36 | Thanh Hóa |
| 746 | 37K-376.65 | Nghệ An | 1996 | 36K-117.65 | Thanh Hóa | 3246 | 37K-328.09 | Nghệ An | 4496 | 36K-112.26 | Thanh Hóa |
| 747 | 37K-377.35 | Nghệ An | 1997 | 36K-122.09 | Thanh Hóa | 3247 | 37K-331.00 | Nghệ An | 4497 | 36K-117.22 | Thanh Hóa |
| 748 | 37K-378.95 | Nghệ An | 1998 | 36K-124.19 | Thanh Hóa | 3248 | 37K-340.09 | Nghệ An | 4498 | 36K-121.96 | Thanh Hóa |
| 749 | 37K-379.59 | Nghệ An | 1999 | 36K-124.33 | Thanh Hóa | 3249 | 37K-341.15 | Nghệ An | 4499 | 36K-122.18 | Thanh Hóa |
| 750 | 37K-381.85 | Nghệ An | 2000 | 36K-125.83 | Thanh Hóa | 3250 | 37K-341.55 | Nghệ An | 4500 | 36K-123.26 | Thanh Hóa |
| 751 | 37K-383.98 | Nghệ An | 2001 | 36K-126.96 | Thanh Hóa | 3251 | 37K-342.70 | Nghệ An | 4501 | 36K-125.77 | Thanh Hóa |
| 752 | 37K-386.44 | Nghệ An | 2002 | 36K-128.25 | Thanh Hóa | 3252 | 37K-343.95 | Nghệ An | 4502 | 36K-127.00 | Thanh Hóa |
| 753 | 38A-609.16 | Hà Tĩnh | 2003 | 36K-128.38 | Thanh Hóa | 3253 | 37K-346.08 | Nghệ An | 4503 | 36K-127.95 | Thanh Hóa |
| 754 | 38A-609.33 | Hà Tĩnh | 2004 | 36K-130.18 | Thanh Hóa | 3254 | 37K-346.11 | Nghệ An | 4504 | 36K-129.18 | Thanh Hóa |
| 755 | 38A-613.18 | Hà Tĩnh | 2005 | 36K-133.29 | Thanh Hóa | 3255 | 37K-346.29 | Nghệ An | 4505 | 36K-131.95 | Thanh Hóa |
| 756 | 38A-616.09 | Hà Tĩnh | 2006 | 36K-134.06 | Thanh Hóa | 3256 | 37K-349.08 | Nghệ An | 4506 | 36K-135.25 | Thanh Hóa |
| 757 | 38A-617.25 | Hà Tĩnh | 2007 | 36K-135.18 | Thanh Hóa | 3257 | 37K-351.06 | Nghệ An | 4507 | 36K-135.26 | Thanh Hóa |
| 758 | 38A-624.59 | Hà Tĩnh | 2008 | 36K-135.96 | Thanh Hóa | 3258 | 37K-351.25 | Nghệ An | 4508 | 36K-136.77 | Thanh Hóa |
| 759 | 38A-625.36 | Hà Tĩnh | 2009 | 37C-515.58 | Nghệ An | 3259 | 37K-351.44 | Nghệ An | 4509 | 37C-517.33 | Nghệ An |
| 760 | 38A-625.58 | Hà Tĩnh | 2010 | 37C-516.59 | Nghệ An | 3260 | 37K-355.19 | Nghệ An | 4510 | 37C-517.59 | Nghệ An |
| 761 | 38A-626.16 | Hà Tĩnh | 2011 | 37C-521.16 | Nghệ An | 3261 | 37K-358.11 | Nghệ An | 4511 | 37C-524.00 | Nghệ An |
| 762 | 38A-626.29 | Hà Tĩnh | 2012 | 37C-530.08 | Nghệ An | 3262 | 37K-363.58 | Nghệ An | 4512 | 37C-535.06 | Nghệ An |
| 763 | 38A-626.85 | Hà Tĩnh | 2013 | 37C-531.29 | Nghệ An | 3263 | 37K-368.56 | Nghệ An | 4513 | 37C-536.59 | Nghệ An |
| 764 | 38A-628.33 | Hà Tĩnh | 2014 | 37C-532.18 | Nghệ An | 3264 | 37K-369.56 | Nghệ An | 4514 | 37C-538.09 | Nghệ An |
| 765 | 38A-629.83 | Hà Tĩnh | 2015 | 37C-534.06 | Nghệ An | 3265 | 37K-371.06 | Nghệ An | 4515 | 37C-539.08 | Nghệ An |
| 766 | 38A-634.33 | Hà Tĩnh | 2016 | 37C-537.09 | Nghệ An | 3266 | 37K-379.44 | Nghệ An | 4516 | 37K-330.26 | Nghệ An |
| 767 | 38A-636.08 | Hà Tĩnh | 2017 | 37D-040.59 | Nghệ An | 3267 | 37K-382.96 | Nghệ An | 4517 | 37K-337.08 | Nghệ An |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 768 | 38C-218.38 | Hà Tĩnh | 2018 | 37K-324.09 | Nghệ An | 3268 | 37K-384.25 | Nghệ An | 4518 | 37K-338.26 | Nghệ An |
| 769 | 38C-223.38 | Hà Tĩnh | 2019 | 37K-324.38 | Nghệ An | 3269 | 37K-384.95 | Nghệ An | 4519 | 37K-339.19 | Nghệ An |
| 770 | 38C-227.26 | Hà Tĩnh | 2020 | 37K-325.11 | Nghệ An | 3270 | 37K-386.25 | Nghệ An | 4520 | 37K-340.08 | Nghệ An |
| 771 | 38D-016.36 | Hà Tĩnh | 2021 | 37K-341.97 | Nghệ An | 3271 | 37K-386.65 | Nghệ An | 4521 | 37K-340.59 | Nghệ An |
| 772 | 43A-865.38 | Đà Nẵng | 2022 | 37K-350.65 | Nghệ An | 3272 | 38A-609.55 | Hà Tĩnh | 4522 | 37K-342.56 | Nghệ An |
| 773 | 43A-873.85 | Đà Nẵng | 2023 | 37K-351.52 | Nghệ An | 3273 | 38A-615.85 | Hà Tĩnh | 4523 | 37K-345.06 | Nghệ An |
| 774 | 43A-875.65 | Đà Nẵng | 2024 | 37K-352.06 | Nghệ An | 3274 | 38A-621.19 | Hà Tĩnh | 4524 | 37K-345.22 | Nghệ An |
| 775 | 43A-878.36 | Đà Nẵng | 2025 | 37K-356.25 | Nghệ An | 3275 | 38A-624.22 | Hà Tĩnh | 4525 | 37K-345.58 | Nghệ An |
| 776 | 43A-879.85 | Đà Nẵng | 2026 | 37K-359.09 | Nghệ An | 3276 | 38A-627.08 | Hà Tĩnh | 4526 | 37K-346.55 | Nghệ An |
| 777 | 43A-880.29 | Đà Nẵng | 2027 | 37K-364.08 | Nghệ An | 3277 | 38A-627.83 | Hà Tĩnh | 4527 | 37K-346.83 | Nghệ An |
| 778 | 43A-880.58 | Đà Nẵng | 2028 | 37K-364.33 | Nghệ An | 3278 | 38A-631.32 | Hà Tĩnh | 4528 | 37K-347.65 | Nghệ An |
| 779 | 43A-882.00 | Đà Nẵng | 2029 | 37K-364.58 | Nghệ An | 3279 | 38A-631.59 | Hà Tĩnh | 4529 | 37K-348.83 | Nghệ An |
| 780 | 43A-883.08 | Đà Nẵng | 2030 | 37K-367.08 | Nghệ An | 3280 | 38A-636.11 | Hà Tĩnh | 4530 | 37K-349.33 | Nghệ An |
| 781 | 43A-885.19 | Đà Nẵng | 2031 | 37K-368.11 | Nghệ An | 3281 | 38B-019.16 | Hà Tĩnh | 4531 | 37K-350.11 | Nghệ An |
| 782 | 43A-886.33 | Đà Nẵng | 2032 | 37K-374.08 | Nghệ An | 3282 | 38C-221.58 | Hà Tĩnh | 4532 | 37K-350.59 | Nghệ An |
| 783 | 43A-890.16 | Đà Nẵng | 2033 | 37K-378.08 | Nghệ An | 3283 | 38C-228.59 | Hà Tĩnh | 4533 | 37K-353.83 | Nghệ An |
| 784 | 43A-890.25 | Đà Nẵng | 2034 | 37K-378.56 | Nghệ An | 3284 | 43A-871.38 | Đà Nẵng | 4534 | 37K-354.00 | Nghệ An |
| 785 | 43A-890.28 | Đà Nẵng | 2035 | 37K-381.29 | Nghệ An | 3285 | 43A-881.85 | Đà Nẵng | 4535 | 37K-361.35 | Nghệ An |
| 786 | 43A-891.95 | Đà Nẵng | 2036 | 38A-604.38 | Hà Tĩnh | 3286 | 43A-882.95 | Đà Nẵng | 4536 | 37K-365.95 | Nghệ An |
| 787 | 43A-895.15 | Đà Nẵng | 2037 | 38A-608.33 | Hà Tĩnh | 3287 | 43A-885.11 | Đà Nẵng | 4537 | 37K-365.98 | Nghệ An |
| 788 | 43A-897.28 | Đà Nẵng | 2038 | 38A-614.06 | Hà Tĩnh | 3288 | 43A-886.22 | Đà Nẵng | 4538 | 37K-367.16 | Nghệ An |
| 789 | 43C-293.58 | Đà Nẵng | 2039 | 38A-624.19 | Hà Tĩnh | 3289 | 43A-887.19 | Đà Nẵng | 4539 | 37K-368.08 | Nghệ An |
| 790 | 43C-298.33 | Đà Nẵng | 2040 | 38A-626.22 | Hà Tĩnh | 3290 | 43A-888.65 | Đà Nẵng | 4540 | 37K-368.09 | Nghệ An |
| 791 | 47A-712.77 | Đắk Lắk | 2041 | 38A-627.25 | Hà Tĩnh | 3291 | 43A-890.83 | Đà Nẵng | 4541 | 37K-368.85 | Nghệ An |
| 792 | 47A-724.38 | Đắk Lắk | 2042 | 38A-628.06 | Hà Tĩnh | 3292 | 43A-891.06 | Đà Nẵng | 4542 | 37K-369.26 | Nghệ An |
| 793 | 47A-725.16 | Đắk Lắk | 2043 | 38A-628.25 | Hà Tĩnh | 3293 | 43A-892.56 | Đà Nẵng | 4543 | 37K-373.25 | Nghệ An |
| 794 | 47A-725.77 | Đắk Lắk | 2044 | 38A-629.18 | Hà Tĩnh | 3294 | 43A-892.96 | Đà Nẵng | 4544 | 37K-374.98 | Nghệ An |
| 795 | 47A-727.16 | Đắk Lắk | 2045 | 38A-629.22 | Hà Tĩnh | 3295 | 43A-893.26 | Đà Nẵng | 4545 | 38A-611.36 | Hà Tĩnh |
| 796 | 47A-728.09 | Đắk Lắk | 2046 | 38A-630.08 | Hà Tĩnh | 3296 | 43A-893.83 | Đà Nẵng | 4546 | 38A-620.60 | Hà Tĩnh |
| 797 | 47A-729.00 | Đắk Lắk | 2047 | 38A-631.96 | Hà Tĩnh | 3297 | 43A-896.59 | Đà Nẵng | 4547 | 38A-620.70 | Hà Tĩnh |
| 798 | 47A-730.96 | Đắk Lắk | 2048 | 38A-634.55 | Hà Tĩnh | 3298 | 43A-896.85 | Đà Nẵng | 4548 | 38A-620.75 | Hà Tĩnh |
| 799 | 47A-731.83 | Đắk Lắk | 2049 | 38A-637.00 | Hà Tĩnh | 3299 | 43A-897.29 | Đà Nẵng | 4549 | 38A-624.55 | Hà Tĩnh |
| 800 | 47A-732.09 | Đắk Lắk | 2050 | 38A-637.29 | Hà Tĩnh | 3300 | 43A-898.15 | Đà Nẵng | 4550 | 38A-626.08 | Hà Tĩnh |
| 801 | 47A-732.44 | Đắk Lắk | 2051 | 38C-219.00 | Hà Tĩnh | 3301 | 43A-898.38 | Đà Nẵng | 4551 | 38A-632.08 | Hà Tĩnh |
| 802 | 47A-732.55 | Đắk Lắk | 2052 | 38C-226.59 | Hà Tĩnh | 3302 | 43C-300.36 | Đà Nẵng | 4552 | 38A-636.26 | Hà Tĩnh |
| 803 | 47A-734.35 | Đắk Lắk | 2053 | 38C-228.98 | Hà Tĩnh | 3303 | 43C-301.77 | Đà Nẵng | 4553 | 38A-636.98 | Hà Tĩnh |
| 804 | 47A-735.95 | Đắk Lắk | 2054 | 43A-856.11 | Đà Nẵng | 3304 | 47A-720.77 | Đắk Lắk | 4554 | 38A-637.18 | Hà Tĩnh |
| 805 | 47A-737.15 | Đắk Lắk | 2055 | 43A-871.36 | Đà Nẵng | 3305 | 47A-726.00 | Đắk Lắk | 4555 | 38A-637.19 | Hà Tĩnh |
| 806 | 47A-740.26 | Đắk Lắk | 2056 | 43A-874.22 | Đà Nẵng | 3306 | 47A-727.08 | Đắk Lắk | 4556 | 38C-217.59 | Hà Tĩnh |
| 807 | 47A-742.55 | Đắk Lắk | 2057 | 43A-874.56 | Đà Nẵng | 3307 | 47A-733.36 | Đắk Lắk | 4557 | 38C-218.22 | Hà Tĩnh |
| 808 | 47A-744.06 | Đắk Lắk | 2058 | 43A-876.15 | Đà Nẵng | 3308 | 47A-735.29 | Đắk Lắk | 4558 | 38C-219.11 | Hà Tĩnh |
| 809 | 47A-744.26 | Đắk Lắk | 2059 | 43A-879.28 | Đà Nẵng | 3309 | 47A-735.77 | Đắk Lắk | 4559 | 38C-220.18 | Hà Tĩnh |
| 810 | 47A-746.06 | Đắk Lắk | 2060 | 43A-879.29 | Đà Nẵng | 3310 | 47A-736.33 | Đắk Lắk | 4560 | 38C-228.44 | Hà Tĩnh |
| 811 | 47A-747.06 | Đắk Lắk | 2061 | 43A-879.33 | Đà Nẵng | 3311 | 47A-738.08 | Đắk Lắk | 4561 | 43A-854.08 | Đà Nẵng |
| 812 | 47A-747.08 | Đắk Lắk | 2062 | 43A-881.09 | Đà Nẵng | 3312 | 47A-747.44 | Đắk Lắk | 4562 | 43A-863.26 | Đà Nẵng |
| 813 | 47A-747.11 | Đắk Lắk | 2063 | 43A-882.06 | Đà Nẵng | 3313 | 47A-747.83 | Đắk Lắk | 4563 | 43A-874.38 | Đà Nẵng |
| 814 | 47A-747.25 | Đắk Lắk | 2064 | 43A-882.59 | Đà Nẵng | 3314 | 47A-752.29 | Đắk Lắk | 4564 | 43A-877.35 | Đà Nẵng |
| 815 | 47A-748.15 | Đắk Lắk | 2065 | 43A-883.19 | Đà Nẵng | 3315 | 47A-752.55 | Đắk Lắk | 4565 | 43A-881.19 | Đà Nẵng |
| 816 | 47A-752.83 | Đắk Lắk | 2066 | 43A-885.59 | Đà Nẵng | 3316 | 47A-755.09 | Đắk Lắk | 4566 | 43A-882.38 | Đà Nẵng |
| 817 | 47A-753.09 | Đắk Lắk | 2067 | 43A-887.56 | Đà Nẵng | 3317 | 47A-760.11 | Đắk Lắk | 4567 | 43A-884.58 | Đà Nẵng |
| 818 | 47A-754.33 | Đắk Lắk | 2068 | 43A-894.59 | Đà Nẵng | 3318 | 47C-366.09 | Đắk Lắk | 4568 | 43A-886.09 | Đà Nẵng |
| 819 | 47A-756.85 | Đắk Lắk | 2069 | 43A-895.44 | Đà Nẵng | 3319 | 47C-367.09 | Đắk Lắk | 4569 | 43A-889.29 | Đà Nẵng |
| 820 | 47A-757.28 | Đắk Lắk | 2070 | 43A-896.28 | Đà Nẵng | 3320 | 47C-370.44 | Đắk Lắk | 4570 | 43A-891.36 | Đà Nẵng |
| 821 | 47A-758.55 | Đắk Lắk | 2071 | 47A-718.38 | Đắk Lắk | 3321 | 47C-371.36 | Đắk Lắk | 4571 | 43A-891.92 | Đà Nẵng |
| 822 | 47A-760.22 | Đắk Lắk | 2072 | 47A-719.59 | Đắk Lắk | 3322 | 47C-372.15 | Đắk Lắk | 4572 | 43A-892.09 | Đà Nẵng |
| 823 | 47C-354.33 | Đắk Lắk | 2073 | 47A-732.29 | Đắk Lắk | 3323 | 47C-372.28 | Đắk Lắk | 4573 | 43A-892.55 | Đà Nẵng |
| 824 | 47C-358.11 | Đắk Lắk | 2074 | 47A-733.19 | Đắk Lắk | 3324 | 47C-373.59 | Đắk Lắk | 4574 | 43A-895.35 | Đà Nẵng |
| 825 | 47C-372.33 | Đắk Lắk | 2075 | 47A-733.26 | Đắk Lắk | 3325 | 48A-228.19 | Đắk Nông | 4575 | 43C-303.09 | Đà Nẵng |
| 826 | 47C-372.65 | Đắk Lắk | 2076 | 47A-734.28 | Đắk Lắk | 3326 | 48A-228.44 | Đắk Nông | 4576 | 43C-305.26 | Đà Nẵng |
| 827 | 47C-373.56 | Đắk Lắk | 2077 | 47A-736.55 | Đắk Lắk | 3327 | 48A-232.15 | Đắk Nông | 4577 | 47A-710.09 | Đắk Lắk |
| 828 | 47C-374.00 | Đắk Lắk | 2078 | 47A-738.00 | Đắk Lắk | 3328 | 49A-678.77 | Lâm Đồng | 4578 | 47A-719.55 | Đắk Lắk |
| 829 | 47C-374.26 | Đắk Lắk | 2079 | 47A-742.98 | Đắk Lắk | 3329 | 49A-689.00 | Lâm Đồng | 4579 | 47A-721.08 | Đắk Lắk |
| 830 | 47C-376.15 | Đắk Lắk | 2080 | 47A-743.28 | Đắk Lắk | 3330 | 49A-692.38 | Lâm Đồng | 4580 | 47A-733.98 | Đắk Lắk |
| 831 | 47D-014.95 | Đắk Lắk | 2081 | 47A-745.29 | Đắk Lắk | 3331 | 49A-694.58 | Lâm Đồng | 4581 | 47A-734.65 | Đắk Lắk |
| 832 | 48A-223.26 | Đắk Nông | 2082 | 47A-745.44 | Đắk Lắk | 3332 | 49A-698.44 | Lâm Đồng | 4582 | 47A-734.95 | Đắk Lắk |
| 833 | 48A-234.96 | Đắk Nông | 2083 | 47A-745.83 | Đắk Lắk | 3333 | 49A-698.65 | Lâm Đồng | 4583 | 47A-734.96 | Đắk Lắk |
| 834 | 49A-695.38 | Lâm Đồng | 2084 | 47A-749.56 | Đắk Lắk | 3334 | 49A-701.56 | Lâm Đồng | 4584 | 47A-735.16 | Đắk Lắk |
| 835 | 49A-698.11 | Lâm Đồng | 2085 | 47A-751.58 | Đắk Lắk | 3335 | 49A-706.33 | Lâm Đồng | 4585 | 47A-735.22 | Đắk Lắk |
| 836 | 49A-699.15 | Lâm Đồng | 2086 | 47A-751.59 | Đắk Lắk | 3336 | 49A-706.98 | Lâm Đồng | 4586 | 47A-738.11 | Đắk Lắk |
| 837 | 49A-701.18 | Lâm Đồng | 2087 | 47A-751.77 | Đắk Lắk | 3337 | 49A-707.26 | Lâm Đồng | 4587 | 47A-740.41 | Đắk Lắk |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 838 | 49A-702.00 | Lâm Đồng | 2088 | 47A-756.15 | Đắk Lắk | 3338 | 49C-362.33 | Lâm Đồng | 4588 | 47A-740.44 | Đắk Lắk |
| 839 | 49A-703.83 | Lâm Đồng | 2089 | 47C-356.00 | Đắk Lắk | 3339 | 49C-367.25 | Lâm Đồng | 4589 | 47A-742.15 | Đắk Lắk |
| 840 | 49A-704.33 | Lâm Đồng | 2090 | 47C-356.19 | Đắk Lắk | 3340 | 51D-984.55 | Hồ Chí Minh | 4590 | 47A-746.98 | Đắk Lắk |
| 841 | 49A-705.26 | Lâm Đồng | 2091 | 47C-362.59 | Đắk Lắk | 3341 | 51D-991.09 | Hồ Chí Minh | 4591 | 47A-749.35 | Đắk Lắk |
| 842 | 49A-705.96 | Lâm Đồng | 2092 | 47C-366.56 | Đắk Lắk | 3342 | 51D-994.08 | Hồ Chí Minh | 4592 | 47A-751.29 | Đắk Lắk |
| 843 | 49C-352.38 | Lâm Đồng | 2093 | 47C-368.16 | Đắk Lắk | 3343 | 51D-995.60 | Hồ Chí Minh | 4593 | 47A-755.15 | Đắk Lắk |
| 844 | 49C-365.26 | Lâm Đồng | 2094 | 47C-370.33 | Đắk Lắk | 3344 | 51D-997.00 | Hồ Chí Minh | 4594 | 47A-755.85 | Đắk Lắk |
| 845 | 49C-365.29 | Lâm Đồng | 2095 | 47C-371.77 | Đắk Lắk | 3345 | 51D-997.38 | Hồ Chí Minh | 4595 | 47A-756.08 | Đắk Lắk |
| 846 | 49D-012.08 | Lâm Đồng | 2096 | 47C-373.85 | Đắk Lắk | 3346 | 51D-998.09 | Hồ Chí Minh | 4596 | 47A-757.16 | Đắk Lắk |
| 847 | 51D-984.26 | Hồ Chí Minh | 2097 | 47C-374.33 | Đắk Lắk | 3347 | 51D-998.59 | Hồ Chí Minh | 4597 | 47A-759.16 | Đắk Lắk |
| 848 | 51D-984.35 | Hồ Chí Minh | 2098 | 47C-375.83 | Đắk Lắk | 3348 | 51E-318.06 | Hồ Chí Minh | 4598 | 47A-759.33 | Đắk Lắk |
| 849 | 51D-985.38 | Hồ Chí Minh | 2099 | 48A-224.33 | Đắk Nông | 3349 | 51E-322.29 | Hồ Chí Minh | 4599 | 47C-354.06 | Đắk Lắk |
| 850 | 51D-991.98 | Hồ Chí Minh | 2100 | 48C-104.98 | Đắk Nông | 3350 | 51L-417.22 | Hồ Chí Minh | 4600 | 47C-356.44 | Đắk Lắk |
| 851 | 51D-995.71 | Hồ Chí Minh | 2101 | 49A-674.38 | Lâm Đồng | 3351 | 51L-430.16 | Hồ Chí Minh | 4601 | 47C-357.19 | Đắk Lắk |
| 852 | 51D-997.18 | Hồ Chí Minh | 2102 | 49A-689.58 | Lâm Đồng | 3352 | 51L-436.38 | Hồ Chí Minh | 4602 | 47C-361.19 | Đắk Lắk |
| 853 | 51D-999.65 | Hồ Chí Minh | 2103 | 49A-690.18 | Lâm Đồng | 3353 | 51L-441.22 | Hồ Chí Minh | 4603 | 47C-364.33 | Đắk Lắk |
| 854 | 51E-313.18 | Hồ Chí Minh | 2104 | 49A-696.35 | Lâm Đồng | 3354 | 51L-446.19 | Hồ Chí Minh | 4604 | 47C-371.29 | Đắk Lắk |
| 855 | 51E-314.22 | Hồ Chí Minh | 2105 | 49A-697.25 | Lâm Đồng | 3355 | 51L-464.38 | Hồ Chí Minh | 4605 | 48A-233.34 | Đắk Nông |
| 856 | 51E-314.77 | Hồ Chí Minh | 2106 | 49A-698.33 | Lâm Đồng | 3356 | 51L-465.33 | Hồ Chí Minh | 4606 | 49A-675.36 | Lâm Đồng |
| 857 | 51E-319.58 | Hồ Chí Minh | 2107 | 49A-701.77 | Lâm Đồng | 3357 | 51L-474.00 | Hồ Chí Minh | 4607 | 49A-684.77 | Lâm Đồng |
| 858 | 51L-404.58 | Hồ Chí Minh | 2108 | 49A-702.77 | Lâm Đồng | 3358 | 51L-475.18 | Hồ Chí Minh | 4608 | 49A-687.00 | Lâm Đồng |
| 859 | 51L-407.06 | Hồ Chí Minh | 2109 | 49A-703.11 | Lâm Đồng | 3359 | 51L-483.59 | Hồ Chí Minh | 4609 | 49A-687.58 | Lâm Đồng |
| 860 | 51L-414.06 | Hồ Chí Minh | 2110 | 49A-704.83 | Lâm Đồng | 3360 | 51L-489.33 | Hồ Chí Minh | 4610 | 49A-701.83 | Lâm Đồng |
| 861 | 51L-430.19 | Hồ Chí Minh | 2111 | 49C-362.18 | Lâm Đồng | 3361 | 51L-491.44 | Hồ Chí Minh | 4611 | 49A-702.36 | Lâm Đồng |
| 862 | 51L-434.08 | Hồ Chí Minh | 2112 | 49C-362.19 | Lâm Đồng | 3362 | 51L-494.77 | Hồ Chí Minh | 4612 | 49A-703.36 | Lâm Đồng |
| 863 | 51L-438.55 | Hồ Chí Minh | 2113 | 51D-991.92 | Hồ Chí Minh | 3363 | 51L-517.65 | Hồ Chí Minh | 4613 | 49A-704.06 | Lâm Đồng |
| 864 | 51L-446.16 | Hồ Chí Minh | 2114 | 51D-994.35 | Hồ Chí Minh | 3364 | 51L-528.44 | Hồ Chí Minh | 4614 | 49A-705.19 | Lâm Đồng |
| 865 | 51L-457.22 | Hồ Chí Minh | 2115 | 51E-317.58 | Hồ Chí Minh | 3365 | 51L-535.36 | Hồ Chí Minh | 4615 | 49A-707.33 | Lâm Đồng |
| 866 | 51L-457.38 | Hồ Chí Minh | 2116 | 51E-320.10 | Hồ Chí Minh | 3366 | 51L-536.38 | Hồ Chí Minh | 4616 | 49A-708.16 | Lâm Đồng |
| 867 | 51L-460.33 | Hồ Chí Minh | 2117 | 51L-419.00 | Hồ Chí Minh | 3367 | 51L-537.65 | Hồ Chí Minh | 4617 | 49C-355.58 | Lâm Đồng |
| 868 | 51L-472.58 | Hồ Chí Minh | 2118 | 51L-448.55 | Hồ Chí Minh | 3368 | 51L-547.28 | Hồ Chí Minh | 4618 | 49C-364.06 | Lâm Đồng |
| 869 | 51L-488.36 | Hồ Chí Minh | 2119 | 51L-452.59 | Hồ Chí Minh | 3369 | 51L-551.29 | Hồ Chí Minh | 4619 | 49C-366.58 | Lâm Đồng |
| 870 | 51L-494.58 | Hồ Chí Minh | 2120 | 51L-462.44 | Hồ Chí Minh | 3370 | 51L-552.58 | Hồ Chí Minh | 4620 | 49C-368.28 | Lâm Đồng |
| 871 | 51L-501.18 | Hồ Chí Minh | 2121 | 51L-463.22 | Hồ Chí Minh | 3371 | 51L-565.98 | Hồ Chí Minh | 4621 | 51D-987.11 | Hồ Chí Minh |
| 872 | 51L-506.11 | Hồ Chí Minh | 2122 | 51L-498.09 | Hồ Chí Minh | 3372 | 51L-570.25 | Hồ Chí Minh | 4622 | 51D-989.25 | Hồ Chí Minh |
| 873 | 51L-506.83 | Hồ Chí Minh | 2123 | 51L-504.28 | Hồ Chí Minh | 3373 | 51L-570.71 | Hồ Chí Minh | 4623 | 51D-995.57 | Hồ Chí Minh |
| 874 | 51L-508.16 | Hồ Chí Minh | 2124 | 51L-511.85 | Hồ Chí Minh | 3374 | 51L-574.36 | Hồ Chí Minh | 4624 | 51E-312.18 | Hồ Chí Minh |
| 875 | 51L-508.28 | Hồ Chí Minh | 2125 | 51L-517.35 | Hồ Chí Minh | 3375 | 51L-575.56 | Hồ Chí Minh | 4625 | 51E-315.77 | Hồ Chí Minh |
| 876 | 51L-511.56 | Hồ Chí Minh | 2126 | 51L-518.98 | Hồ Chí Minh | 3376 | 51L-577.06 | Hồ Chí Minh | 4626 | 51L-398.08 | Hồ Chí Minh |
| 877 | 51L-514.22 | Hồ Chí Minh | 2127 | 51L-520.58 | Hồ Chí Minh | 3377 | 51L-579.55 | Hồ Chí Minh | 4627 | 51L-405.56 | Hồ Chí Minh |
| 878 | 51L-517.38 | Hồ Chí Minh | 2128 | 51L-523.09 | Hồ Chí Minh | 3378 | 51L-589.77 | Hồ Chí Minh | 4628 | 51L-406.56 | Hồ Chí Minh |
| 879 | 51L-518.22 | Hồ Chí Minh | 2129 | 51L-524.11 | Hồ Chí Minh | 3379 | 51L-592.06 | Hồ Chí Minh | 4629 | 51L-408.22 | Hồ Chí Minh |
| 880 | 51L-519.36 | Hồ Chí Minh | 2130 | 51L-526.18 | Hồ Chí Minh | 3380 | 51L-592.55 | Hồ Chí Minh | 4630 | 51L-410.22 | Hồ Chí Minh |
| 881 | 51L-521.98 | Hồ Chí Minh | 2131 | 51L-526.83 | Hồ Chí Minh | 3381 | 51L-593.25 | Hồ Chí Minh | 4631 | 51L-421.19 | Hồ Chí Minh |
| 882 | 51L-529.08 | Hồ Chí Minh | 2132 | 51L-527.11 | Hồ Chí Minh | 3382 | 51L-594.33 | Hồ Chí Minh | 4632 | 51L-427.33 | Hồ Chí Minh |
| 883 | 51L-536.11 | Hồ Chí Minh | 2133 | 51L-527.22 | Hồ Chí Minh | 3383 | 51L-600.93 | Hồ Chí Minh | 4633 | 51L-439.38 | Hồ Chí Minh |
| 884 | 51L-556.33 | Hồ Chí Minh | 2134 | 51L-528.77 | Hồ Chí Minh | 3384 | 51L-602.44 | Hồ Chí Minh | 4634 | 51L-452.38 | Hồ Chí Minh |
| 885 | 51L-557.28 | Hồ Chí Minh | 2135 | 51L-528.85 | Hồ Chí Minh | 3385 | 51L-603.75 | Hồ Chí Minh | 4635 | 51L-453.11 | Hồ Chí Minh |
| 886 | 51L-558.16 | Hồ Chí Minh | 2136 | 51L-536.16 | Hồ Chí Minh | 3386 | 51L-607.01 | Hồ Chí Minh | 4636 | 51L-462.38 | Hồ Chí Minh |
| 887 | 51L-561.26 | Hồ Chí Minh | 2137 | 51L-538.95 | Hồ Chí Minh | 3387 | 51L-608.41 | Hồ Chí Minh | 4637 | 51L-471.44 | Hồ Chí Minh |
| 888 | 51L-567.15 | Hồ Chí Minh | 2138 | 51L-548.38 | Hồ Chí Minh | 3388 | 51L-609.44 | Hồ Chí Minh | 4638 | 51L-479.36 | Hồ Chí Minh |
| 889 | 51L-570.85 | Hồ Chí Minh | 2139 | 51L-558.09 | Hồ Chí Minh | 3389 | 51L-610.19 | Hồ Chí Minh | 4639 | 51L-481.16 | Hồ Chí Minh |
| 890 | 51L-575.98 | Hồ Chí Minh | 2140 | 51L-563.16 | Hồ Chí Minh | 3390 | 51L-612.48 | Hồ Chí Minh | 4640 | 51L-494.18 | Hồ Chí Minh |
| 891 | 51L-579.15 | Hồ Chí Minh | 2141 | 51L-567.19 | Hồ Chí Minh | 3391 | 51L-615.11 | Hồ Chí Minh | 4641 | 51L-495.19 | Hồ Chí Minh |
| 892 | 51L-579.98 | Hồ Chí Minh | 2142 | 51L-568.95 | Hồ Chí Minh | 3392 | 60C-719.98 | Đồng Nai | 4642 | 51L-496.18 | Hồ Chí Minh |
| 893 | 51L-581.33 | Hồ Chí Minh | 2143 | 51L-571.06 | Hồ Chí Minh | 3393 | 60K-496.77 | Đồng Nai | 4643 | 51L-508.58 | Hồ Chí Minh |
| 894 | 51L-588.18 | Hồ Chí Minh | 2144 | 51L-572.55 | Hồ Chí Minh | 3394 | 60K-498.09 | Đồng Nai | 4644 | 51L-509.22 | Hồ Chí Minh |
| 895 | 51L-591.16 | Hồ Chí Minh | 2145 | 51L-578.15 | Hồ Chí Minh | 3395 | 60K-501.36 | Đồng Nai | 4645 | 51L-510.55 | Hồ Chí Minh |
| 896 | 51L-593.44 | Hồ Chí Minh | 2146 | 51L-579.38 | Hồ Chí Minh | 3396 | 60K-502.65 | Đồng Nai | 4646 | 51L-511.12 | Hồ Chí Minh |
| 897 | 51L-596.97 | Hồ Chí Minh | 2147 | 51L-580.38 | Hồ Chí Minh | 3397 | 60K-503.95 | Đồng Nai | 4647 | 51L-512.08 | Hồ Chí Minh |
| 898 | 51L-597.11 | Hồ Chí Minh | 2148 | 51L-583.36 | Hồ Chí Minh | 3398 | 60K-505.18 | Đồng Nai | 4648 | 51L-515.00 | Hồ Chí Minh |
| 899 | 51L-598.36 | Hồ Chí Minh | 2149 | 51L-584.00 | Hồ Chí Minh | 3399 | 60K-506.77 | Đồng Nai | 4649 | 51L-524.16 | Hồ Chí Minh |
| 900 | 51L-601.63 | Hồ Chí Minh | 2150 | 51L-585.95 | Hồ Chí Minh | 3400 | 60K-507.98 | Đồng Nai | 4650 | 51L-529.44 | Hồ Chí Minh |
| 901 | 51L-604.72 | Hồ Chí Minh | 2151 | 51L-587.06 | Hồ Chí Minh | 3401 | 60K-509.65 | Đồng Nai | 4651 | 51L-535.11 | Hồ Chí Minh |
| 902 | 51L-605.87 | Hồ Chí Minh | 2152 | 51L-591.77 | Hồ Chí Minh | 3402 | 60K-510.96 | Đồng Nai | 4652 | 51L-546.85 | Hồ Chí Minh |
| 903 | 51L-606.21 | Hồ Chí Minh | 2153 | 51L-598.51 | Hồ Chí Minh | 3403 | 60K-513.77 | Đồng Nai | 4653 | 51L-556.83 | Hồ Chí Minh |
| 904 | 51L-606.81 | Hồ Chí Minh | 2154 | 51L-600.21 | Hồ Chí Minh | 3404 | 60K-514.58 | Đồng Nai | 4654 | 51L-565.18 | Hồ Chí Minh |
| 905 | 51L-608.11 | Hồ Chí Minh | 2155 | 51L-600.36 | Hồ Chí Minh | 3405 | 60K-519.26 | Đồng Nai | 4655 | 51L-568.44 | Hồ Chí Minh |
| 906 | 51L-609.55 | Hồ Chí Minh | 2156 | 51L-603.49 | Hồ Chí Minh | 3406 | 60K-520.56 | Đồng Nai | 4656 | 51L-574.56 | Hồ Chí Minh |
| 907 | 51L-612.51 | Hồ Chí Minh | 2157 | 51L-603.85 | Hồ Chí Minh | 3407 | 60K-521.77 | Đồng Nai | 4657 | 51L-577.09 | Hồ Chí Minh |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 908 | 51M-001.18 | Hồ Chí Minh | 2158 | 51L-605.08 | Hồ Chí Minh | 3408 | 60K-525.22 | Đồng Nai | 4658 | 51L-582.35 | Hồ Chí Minh |
| 909 | 51M-001.58 | Hồ Chí Minh | 2159 | 51L-605.53 | Hồ Chí Minh | 3409 | 60K-525.83 | Đồng Nai | 4659 | 51L-589.44 | Hồ Chí Minh |
| 910 | 51M-003.04 | Hồ Chí Minh | 2160 | 51L-606.09 | Hồ Chí Minh | 3410 | 60K-528.98 | Đồng Nai | 4660 | 51L-589.65 | Hồ Chí Minh |
| 911 | 51M-007.19 | Hồ Chí Minh | 2161 | 51L-608.57 | Hồ Chí Minh | 3411 | 60K-530.18 | Đồng Nai | 4661 | 51L-591.56 | Hồ Chí Minh |
| 912 | 51M-007.22 | Hồ Chí Minh | 2162 | 51L-609.93 | Hồ Chí Minh | 3412 | 60K-531.44 | Đồng Nai | 4662 | 51L-594.08 | Hồ Chí Minh |
| 913 | 51M-008.55 | Hồ Chí Minh | 2163 | 51L-610.59 | Hồ Chí Minh | 3413 | 60K-532.55 | Đồng Nai | 4663 | 51L-595.09 | Hồ Chí Minh |
| 914 | 60C-716.81 | Đồng Nai | 2164 | 51L-612.70 | Hồ Chí Minh | 3414 | 60K-532.98 | Đồng Nai | 4664 | 51L-604.78 | Hồ Chí Minh |
| 915 | 60C-718.59 | Đồng Nai | 2165 | 51L-614.28 | Hồ Chí Minh | 3415 | 60K-537.56 | Đồng Nai | 4665 | 51L-604.96 | Hồ Chí Minh |
| 916 | 60C-724.26 | Đồng Nai | 2166 | 51M-007.11 | Hồ Chí Minh | 3416 | 60K-539.18 | Đồng Nai | 4666 | 51L-608.00 | Hồ Chí Minh |
| 917 | 60C-724.55 | Đồng Nai | 2167 | 51M-008.36 | Hồ Chí Minh | 3417 | 60K-539.44 | Đồng Nai | 4667 | 51L-608.23 | Hồ Chí Minh |
| 918 | 60C-724.96 | Đồng Nai | 2168 | 60C-716.67 | Đồng Nai | 3418 | 60K-543.22 | Đồng Nai | 4668 | 51L-608.54 | Hồ Chí Minh |
| 919 | 60C-725.77 | Đồng Nai | 2169 | 60C-718.22 | Đồng Nai | 3419 | 61C-578.56 | Bình Dương | 4669 | 51L-608.65 | Hồ Chí Minh |
| 920 | 60C-727.22 | Đồng Nai | 2170 | 60C-724.83 | Đồng Nai | 3420 | 61C-579.19 | Bình Dương | 4670 | 51L-610.30 | Hồ Chí Minh |
| 921 | 60K-497.22 | Đồng Nai | 2171 | 60C-726.77 | Đồng Nai | 3421 | 61C-580.35 | Bình Dương | 4671 | 51L-611.87 | Hồ Chí Minh |
| 922 | 60K-497.41 | Đồng Nai | 2172 | 60C-727.09 | Đồng Nai | 3422 | 61C-587.56 | Bình Dương | 4672 | 51L-612.25 | Hồ Chí Minh |
| 923 | 60K-497.58 | Đồng Nai | 2173 | 60K-497.09 | Đồng Nai | 3423 | 61K-398.15 | Bình Dương | 4673 | 51L-612.76 | Hồ Chí Minh |
| 924 | 60K-500.36 | Đồng Nai | 2174 | 60K-500.15 | Đồng Nai | 3424 | 61K-401.02 | Bình Dương | 4674 | 51M-001.83 | Hồ Chí Minh |
| 925 | 60K-502.96 | Đồng Nai | 2175 | 60K-502.36 | Đồng Nai | 3425 | 61K-404.98 | Bình Dương | 4675 | 51M-001.92 | Hồ Chí Minh |
| 926 | 60K-506.11 | Đồng Nai | 2176 | 60K-504.06 | Đồng Nai | 3426 | 61K-412.15 | Bình Dương | 4676 | 51M-006.11 | Hồ Chí Minh |
| 927 | 60K-506.15 | Đồng Nai | 2177 | 60K-504.36 | Đồng Nai | 3427 | 61K-416.36 | Bình Dương | 4677 | 51M-008.25 | Hồ Chí Minh |
| 928 | 60K-507.96 | Đồng Nai | 2178 | 60K-506.09 | Đồng Nai | 3428 | 61K-417.06 | Bình Dương | 4678 | 60C-715.35 | Đồng Nai |
| 929 | 60K-508.00 | Đồng Nai | 2179 | 60K-509.16 | Đồng Nai | 3429 | 61K-422.08 | Bình Dương | 4679 | 60C-716.53 | Đồng Nai |
| 930 | 60K-510.38 | Đồng Nai | 2180 | 60K-510.09 | Đồng Nai | 3430 | 61K-424.06 | Bình Dương | 4680 | 60C-719.85 | Đồng Nai |
| 931 | 60K-512.08 | Đồng Nai | 2181 | 60K-512.06 | Đồng Nai | 3431 | 61K-424.33 | Bình Dương | 4681 | 60C-721.18 | Đồng Nai |
| 932 | 60K-512.38 | Đồng Nai | 2182 | 60K-512.19 | Đồng Nai | 3432 | 61K-425.09 | Bình Dương | 4682 | 60C-723.77 | Đồng Nai |
| 933 | 60K-514.06 | Đồng Nai | 2183 | 60K-515.28 | Đồng Nai | 3433 | 61K-426.06 | Bình Dương | 4683 | 60C-724.85 | Đồng Nai |
| 934 | 60K-514.18 | Đồng Nai | 2184 | 60K-518.22 | Đồng Nai | 3434 | 61K-429.36 | Bình Dương | 4684 | 60K-497.83 | Đồng Nai |
| 935 | 60K-518.85 | Đồng Nai | 2185 | 60K-520.33 | Đồng Nai | 3435 | 61K-429.44 | Bình Dương | 4685 | 60K-503.15 | Đồng Nai |
| 936 | 60K-520.77 | Đồng Nai | 2186 | 60K-523.15 | Đồng Nai | 3436 | 61K-433.25 | Bình Dương | 4686 | 60K-506.07 | Đồng Nai |
| 937 | 60K-521.16 | Đồng Nai | 2187 | 60K-523.16 | Đồng Nai | 3437 | 61K-438.85 | Bình Dương | 4687 | 60K-510.58 | Đồng Nai |
| 938 | 60K-522.98 | Đồng Nai | 2188 | 60K-524.16 | Đồng Nai | 3438 | 61K-440.55 | Bình Dương | 4688 | 60K-516.18 | Đồng Nai |
| 939 | 60K-523.83 | Đồng Nai | 2189 | 60K-528.35 | Đồng Nai | 3439 | 61K-441.25 | Bình Dương | 4689 | 60K-517.18 | Đồng Nai |
| 940 | 60K-528.36 | Đồng Nai | 2190 | 60K-531.09 | Đồng Nai | 3440 | 61K-441.38 | Bình Dương | 4690 | 60K-517.36 | Đồng Nai |
| 941 | 60K-534.36 | Đồng Nai | 2191 | 60K-535.33 | Đồng Nai | 3441 | 61K-441.83 | Bình Dương | 4691 | 60K-519.09 | Đồng Nai |
| 942 | 60K-535.26 | Đồng Nai | 2192 | 60K-535.44 | Đồng Nai | 3442 | 62A-428.08 | Long An | 4692 | 60K-523.96 | Đồng Nai |
| 943 | 60K-537.00 | Đồng Nai | 2193 | 60K-536.09 | Đồng Nai | 3443 | 62A-436.08 | Long An | 4693 | 60K-525.38 | Đồng Nai |
| 944 | 60K-538.85 | Đồng Nai | 2194 | 60K-536.28 | Đồng Nai | 3444 | 62A-440.77 | Long An | 4694 | 60K-526.09 | Đồng Nai |
| 945 | 60K-540.59 | Đồng Nai | 2195 | 60K-536.29 | Đồng Nai | 3445 | 62A-443.56 | Long An | 4695 | 60K-528.55 | Đồng Nai |
| 946 | 60K-541.28 | Đồng Nai | 2196 | 60K-542.09 | Đồng Nai | 3446 | 62A-445.83 | Long An | 4696 | 60K-532.44 | Đồng Nai |
| 947 | 60K-541.38 | Đồng Nai | 2197 | 60K-542.38 | Đồng Nai | 3447 | 62A-446.25 | Long An | 4697 | 60K-534.77 | Đồng Nai |
| 948 | 60K-544.19 | Đồng Nai | 2198 | 60K-542.55 | Đồng Nai | 3448 | 62A-448.59 | Long An | 4698 | 60K-537.25 | Đồng Nai |
| 949 | 61C-573.77 | Bình Dương | 2199 | 60K-543.65 | Đồng Nai | 3449 | 62B-028.19 | Long An | 4699 | 60K-537.36 | Đồng Nai |
| 950 | 61C-579.22 | Bình Dương | 2200 | 61C-573.56 | Bình Dương | 3450 | 62C-203.44 | Long An | 4700 | 60K-539.38 | Đồng Nai |
| 951 | 61C-582.35 | Bình Dương | 2201 | 61C-581.38 | Bình Dương | 3451 | 62C-204.08 | Long An | 4701 | 60K-541.00 | Đồng Nai |
| 952 | 61C-584.33 | Bình Dương | 2202 | 61C-582.08 | Bình Dương | 3452 | 62C-205.22 | Long An | 4702 | 60K-542.26 | Đồng Nai |
| 953 | 61K-409.26 | Bình Dương | 2203 | 61C-583.95 | Bình Dương | 3453 | 63A-299.20 | Tiền Giang | 4703 | 61C-574.18 | Bình Dương |
| 954 | 61K-410.28 | Bình Dương | 2204 | 61K-403.83 | Bình Dương | 3454 | 63A-301.58 | Tiền Giang | 4704 | 61C-579.33 | Bình Dương |
| 955 | 61K-411.83 | Bình Dương | 2205 | 61K-411.26 | Bình Dương | 3455 | 63A-304.11 | Tiền Giang | 4705 | 61C-583.16 | Bình Dương |
| 956 | 61K-413.00 | Bình Dương | 2206 | 61K-413.36 | Bình Dương | 3456 | 63A-304.96 | Tiền Giang | 4706 | 61C-584.56 | Bình Dương |
| 957 | 61K-413.58 | Bình Dương | 2207 | 61K-414.00 | Bình Dương | 3457 | 63A-304.98 | Tiền Giang | 4707 | 61C-585.44 | Bình Dương |
| 958 | 61K-414.59 | Bình Dương | 2208 | 61K-416.59 | Bình Dương | 3458 | 63C-215.08 | Tiền Giang | 4708 | 61C-586.77 | Bình Dương |
| 959 | 61K-418.58 | Bình Dương | 2209 | 61K-417.22 | Bình Dương | 3459 | 63C-216.58 | Tiền Giang | 4709 | 61C-587.11 | Bình Dương |
| 960 | 61K-419.22 | Bình Dương | 2210 | 61K-417.98 | Bình Dương | 3460 | 63C-218.29 | Tiền Giang | 4710 | 61D-018.85 | Bình Dương |
| 961 | 61K-422.15 | Bình Dương | 2211 | 61K-423.15 | Bình Dương | 3461 | 63D-008.96 | Tiền Giang | 4711 | 61K-399.15 | Bình Dương |
| 962 | 61K-422.56 | Bình Dương | 2212 | 61K-426.25 | Bình Dương | 3462 | 64A-188.09 | Vĩnh Long | 4712 | 61K-402.35 | Bình Dương |
| 963 | 61K-423.19 | Bình Dương | 2213 | 61K-427.06 | Bình Dương | 3463 | 64A-190.15 | Vĩnh Long | 4713 | 61K-404.15 | Bình Dương |
| 964 | 61K-424.26 | Bình Dương | 2214 | 61K-431.44 | Bình Dương | 3464 | 64A-190.32 | Vĩnh Long | 4714 | 61K-408.15 | Bình Dương |
| 965 | 61K-426.55 | Bình Dương | 2215 | 61K-432.65 | Bình Dương | 3465 | 64A-193.00 | Vĩnh Long | 4715 | 61K-409.38 | Bình Dương |
| 966 | 61K-430.55 | Bình Dương | 2216 | 61K-433.15 | Bình Dương | 3466 | 65A-438.09 | Cần Thơ | 4716 | 61K-410.83 | Bình Dương |
| 967 | 61K-431.77 | Bình Dương | 2217 | 61K-439.38 | Bình Dương | 3467 | 65A-450.59 | Cần Thơ | 4717 | 61K-411.18 | Bình Dương |
| 968 | 61K-434.98 | Bình Dương | 2218 | 62A-433.09 | Long An | 3468 | 65A-457.36 | Cần Thơ | 4718 | 61K-412.08 | Bình Dương |
| 969 | 61K-436.00 | Bình Dương | 2219 | 62A-433.58 | Long An | 3469 | 65A-457.58 | Cần Thơ | 4719 | 61K-412.19 | Bình Dương |
| 970 | 61K-437.35 | Bình Dương | 2220 | 62A-435.44 | Long An | 3470 | 65A-458.11 | Cần Thơ | 4720 | 61K-414.38 | Bình Dương |
| 971 | 61K-438.44 | Bình Dương | 2221 | 62A-435.56 | Long An | 3471 | 65A-472.00 | Cần Thơ | 4721 | 61K-424.16 | Bình Dương |
| 972 | 61K-440.25 | Bình Dương | 2222 | 62A-437.09 | Long An | 3472 | 65A-472.38 | Cần Thơ | 4722 | 61K-425.59 | Bình Dương |
| 973 | 62A-423.00 | Long An | 2223 | 62A-438.96 | Long An | 3473 | 65A-473.58 | Cần Thơ | 4723 | 61K-430.16 | Bình Dương |
| 974 | 62A-426.77 | Long An | 2224 | 62A-443.00 | Long An | 3474 | 65A-476.36 | Cần Thơ | 4724 | 61K-431.25 | Bình Dương |
| 975 | 62A-431.36 | Long An | 2225 | 62A-445.33 | Long An | 3475 | 65A-481.08 | Cần Thơ | 4725 | 61K-432.06 | Bình Dương |
| 976 | 62A-439.83 | Long An | 2226 | 62A-446.16 | Long An | 3476 | 65A-482.58 | Cần Thơ | 4726 | 61K-433.38 | Bình Dương |
| 977 | 62A-441.36 | Long An | 2227 | 62B-028.18 | Long An | 3477 | 65A-489.22 | Cần Thơ | 4727 | 61K-438.95 | Bình Dương |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 978 | 62A-442.00 | Long An | 2228 | 62C-204.38 | Long An | 3478 | 65D-006.08 | Cần Thơ | 4728 | 61K-439.35 | Bình Dương |
| 979 | 62A-443.25 | Long An | 2229 | 62C-205.38 | Long An | 3479 | 66A-267.06 | Đồng Tháp | 4729 | 61K-439.58 | Bình Dương |
| 980 | 62A-445.46 | Long An | 2230 | 62C-206.44 | Long An | 3480 | 66A-269.16 | Đồng Tháp | 4730 | 62A-432.08 | Long An |
| 981 | 62A-445.56 | Long An | 2231 | 62C-207.08 | Long An | 3481 | 66A-273.55 | Đồng Tháp | 4731 | 62A-446.77 | Long An |
| 982 | 62A-447.33 | Long An | 2232 | 62C-207.19 | Long An | 3482 | 66A-281.08 | Đồng Tháp | 4732 | 62C-198.08 | Long An |
| 983 | 62A-449.08 | Long An | 2233 | 62C-208.44 | Long An | 3483 | 66A-281.58 | Đồng Tháp | 4733 | 62C-203.56 | Long An |
| 984 | 62B-027.96 | Long An | 2234 | 63A-295.22 | Tiền Giang | 3484 | 66A-282.85 | Đồng Tháp | 4734 | 62C-204.16 | Long An |
| 985 | 62C-205.09 | Long An | 2235 | 63A-301.96 | Tiền Giang | 3485 | 66A-283.25 | Đồng Tháp | 4735 | 62C-204.36 | Long An |
| 986 | 62C-209.58 | Long An | 2236 | 63A-302.25 | Tiền Giang | 3486 | 66A-284.58 | Đồng Tháp | 4736 | 62C-210.28 | Long An |
| 987 | 63A-296.33 | Tiền Giang | 2237 | 63A-305.28 | Tiền Giang | 3487 | 66A-284.83 | Đồng Tháp | 4737 | 63A-299.51 | Tiền Giang |
| 988 | 63A-301.28 | Tiền Giang | 2238 | 63C-212.19 | Tiền Giang | 3488 | 66C-173.36 | Đồng Tháp | 4738 | 63A-300.36 | Tiền Giang |
| 989 | 63A-304.59 | Tiền Giang | 2239 | 63C-216.09 | Tiền Giang | 3489 | 66C-175.33 | Đồng Tháp | 4739 | 63A-303.55 | Tiền Giang |
| 990 | 63C-213.09 | Tiền Giang | 2240 | 63C-219.11 | Tiền Giang | 3490 | 67A-305.65 | An Giang | 4740 | 63A-303.98 | Tiền Giang |
| 991 | 63C-213.85 | Tiền Giang | 2241 | 64A-186.08 | Vĩnh Long | 3491 | 67A-307.33 | An Giang | 4741 | 63A-304.05 | Tiền Giang |
| 992 | 63C-217.06 | Tiền Giang | 2242 | 64A-187.08 | Vĩnh Long | 3492 | 67A-308.56 | An Giang | 4742 | 63A-304.33 | Tiền Giang |
| 993 | 63C-218.65 | Tiền Giang | 2243 | 64A-189.00 | Vĩnh Long | 3493 | 67A-309.38 | An Giang | 4743 | 63C-211.38 | Tiền Giang |
| 994 | 64A-189.44 | Vĩnh Long | 2244 | 64A-189.29 | Vĩnh Long | 3494 | 67A-311.36 | An Giang | 4744 | 63C-212.26 | Tiền Giang |
| 995 | 64A-194.18 | Vĩnh Long | 2245 | 64A-189.40 | Vĩnh Long | 3495 | 67A-311.58 | An Giang | 4745 | 63C-216.95 | Tiền Giang |
| 996 | 65A-465.06 | Cần Thơ | 2246 | 65A-435.22 | Cần Thơ | 3496 | 67A-312.65 | An Giang | 4746 | 64A-186.09 | Vĩnh Long |
| 997 | 65A-465.11 | Cần Thơ | 2247 | 65A-452.18 | Cần Thơ | 3497 | 67A-313.36 | An Giang | 4747 | 64A-190.18 | Vĩnh Long |
| 998 | 65A-467.55 | Cần Thơ | 2248 | 65A-454.19 | Cần Thơ | 3498 | 67A-314.25 | An Giang | 4748 | 65A-437.33 | Cần Thơ |
| 999 | 65A-473.36 | Cần Thơ | 2249 | 65A-457.00 | Cần Thơ | 3499 | 67A-314.35 | An Giang | 4749 | 65A-442.11 | Cần Thơ |
| 1000 | 65A-473.44 | Cần Thơ | 2250 | 65A-464.00 | Cần Thơ | 3500 | 67C-177.38 | An Giang | 4750 | 65A-452.36 | Cần Thơ |
| 1001 | 65A-479.33 | Cần Thơ | 2251 | 65A-468.22 | Cần Thơ | 3501 | 67C-182.59 | An Giang | 4751 | 65A-461.58 | Cần Thơ |
| 1002 | 65A-479.59 | Cần Thơ | 2252 | 65A-470.08 | Cần Thơ | 3502 | 68A-332.36 | Kiên Giang | 4752 | 65A-471.55 | Cần Thơ |
| 1003 | 65A-481.16 | Cần Thơ | 2253 | 65A-470.22 | Cần Thơ | 3503 | 68A-342.08 | Kiên Giang | 4753 | 65A-472.08 | Cần Thơ |
| 1004 | 65A-483.08 | Cần Thơ | 2254 | 65A-474.00 | Cần Thơ | 3504 | 68A-343.00 | Kiên Giang | 4754 | 65A-472.77 | Cần Thơ |
| 1005 | 65A-486.06 | Cần Thơ | 2255 | 65A-476.77 | Cần Thơ | 3505 | 68A-344.18 | Kiên Giang | 4755 | 65C-215.16 | Cần Thơ |
| 1006 | 65A-487.22 | Cần Thơ | 2256 | 65A-478.22 | Cần Thơ | 3506 | 68A-347.18 | Kiên Giang | 4756 | 65C-219.77 | Cần Thơ |
| 1007 | 65C-212.33 | Cần Thơ | 2257 | 65A-481.38 | Cần Thơ | 3507 | 68A-347.22 | Kiên Giang | 4757 | 65C-221.18 | Cần Thơ |
| 1008 | 65C-220.11 | Cần Thơ | 2258 | 65A-482.08 | Cần Thơ | 3508 | 68A-348.95 | Kiên Giang | 4758 | 65C-225.18 | Cần Thơ |
| 1009 | 65C-226.09 | Cần Thơ | 2259 | 65A-483.44 | Cần Thơ | 3509 | 68A-349.44 | Kiên Giang | 4759 | 66A-266.36 | Đồng Tháp |
| 1010 | 66A-271.18 | Đồng Tháp | 2260 | 65A-490.36 | Cần Thơ | 3510 | 68A-351.00 | Kiên Giang | 4760 | 66A-270.44 | Đồng Tháp |
| 1011 | 66A-273.56 | Đồng Tháp | 2261 | 65C-213.59 | Cần Thơ | 3511 | 68D-003.77 | Kiên Giang | 4761 | 66A-271.36 | Đồng Tháp |
| 1012 | 66A-278.56 | Đồng Tháp | 2262 | 65C-215.00 | Cần Thơ | 3512 | 69A-157.58 | Cà Mau | 4762 | 66A-277.59 | Đồng Tháp |
| 1013 | 66A-279.36 | Đồng Tháp | 2263 | 65C-215.11 | Cần Thơ | 3513 | 69A-159.52 | Cà Mau | 4763 | 66A-281.85 | Đồng Tháp |
| 1014 | 66A-282.19 | Đồng Tháp | 2264 | 65C-215.44 | Cần Thơ | 3514 | 69A-160.19 | Cà Mau | 4764 | 66A-282.26 | Đồng Tháp |
| 1015 | 66A-284.26 | Đồng Tháp | 2265 | 65C-221.58 | Cần Thơ | 3515 | 69A-160.83 | Cà Mau | 4765 | 66A-285.16 | Đồng Tháp |
| 1016 | 66A-287.65 | Đồng Tháp | 2266 | 65C-226.58 | Cần Thơ | 3516 | 69A-161.56 | Cà Mau | 4766 | 66A-286.38 | Đồng Tháp |
| 1017 | 66B-020.28 | Đồng Tháp | 2267 | 66A-267.18 | Đồng Tháp | 3517 | 69C-098.55 | Cà Mau | 4767 | 66A-286.96 | Đồng Tháp |
| 1018 | 66C-170.36 | Đồng Tháp | 2268 | 66A-270.58 | Đồng Tháp | 3518 | 69C-101.02 | Cà Mau | 4768 | 66B-020.44 | Đồng Tháp |
| 1019 | 66C-175.11 | Đồng Tháp | 2269 | 66A-271.09 | Đồng Tháp | 3519 | 70A-547.58 | Tây Ninh | 4769 | 66C-177.15 | Đồng Tháp |
| 1020 | 66C-176.65 | Đồng Tháp | 2270 | 66A-271.85 | Đồng Tháp | 3520 | 70A-549.58 | Tây Ninh | 4770 | 67A-301.33 | An Giang |
| 1021 | 67A-302.83 | An Giang | 2271 | 66A-281.19 | Đồng Tháp | 3521 | 70A-549.85 | Tây Ninh | 4771 | 67A-302.56 | An Giang |
| 1022 | 67A-304.13 | An Giang | 2272 | 66A-281.36 | Đồng Tháp | 3522 | 70A-550.08 | Tây Ninh | 4772 | 67A-307.11 | An Giang |
| 1023 | 67A-304.98 | An Giang | 2273 | 66A-281.77 | Đồng Tháp | 3523 | 70A-550.22 | Tây Ninh | 4773 | 67A-310.44 | An Giang |
| 1024 | 67A-306.15 | An Giang | 2274 | 66A-285.18 | Đồng Tháp | 3524 | 70A-552.96 | Tây Ninh | 4774 | 67C-176.08 | An Giang |
| 1025 | 67A-312.35 | An Giang | 2275 | 66A-288.06 | Đồng Tháp | 3525 | 70A-553.29 | Tây Ninh | 4775 | 67C-181.85 | An Giang |
| 1026 | 67A-313.25 | An Giang | 2276 | 67A-301.83 | An Giang | 3526 | 70A-554.00 | Tây Ninh | 4776 | 68A-338.56 | Kiên Giang |
| 1027 | 67A-314.33 | An Giang | 2277 | 67A-304.80 | An Giang | 3527 | 70A-554.56 | Tây Ninh | 4777 | 68A-342.77 | Kiên Giang |
| 1028 | 68A-332.18 | Kiên Giang | 2278 | 67A-308.25 | An Giang | 3528 | 70A-554.98 | Tây Ninh | 4778 | 68A-346.65 | Kiên Giang |
| 1029 | 68A-336.06 | Kiên Giang | 2279 | 67A-313.95 | An Giang | 3529 | 70C-202.06 | Tây Ninh | 4779 | 68A-346.95 | Kiên Giang |
| 1030 | 68A-342.36 | Kiên Giang | 2280 | 67C-178.55 | An Giang | 3530 | 70C-203.59 | Tây Ninh | 4780 | 68A-347.00 | Kiên Giang |
| 1031 | 68A-344.28 | Kiên Giang | 2281 | 67C-182.38 | An Giang | 3531 | 70C-204.36 | Tây Ninh | 4781 | 68A-347.56 | Kiên Giang |
| 1032 | 68A-346.98 | Kiên Giang | 2282 | 67C-182.95 | An Giang | 3532 | 70C-206.58 | Tây Ninh | 4782 | 68A-348.08 | Kiên Giang |
| 1033 | 68A-347.59 | Kiên Giang | 2283 | 68A-346.59 | Kiên Giang | 3533 | 70C-208.58 | Tây Ninh | 4783 | 68A-348.33 | Kiên Giang |
| 1034 | 68A-349.56 | Kiên Giang | 2284 | 68C-172.28 | Kiên Giang | 3534 | 71A-199.29 | Bến Tre | 4784 | 68A-348.35 | Kiên Giang |
| 1035 | 68C-168.36 | Kiên Giang | 2285 | 69A-158.08 | Cà Mau | 3535 | 71A-199.85 | Bến Tre | 4785 | 68A-348.77 | Kiên Giang |
| 1036 | 68C-171.33 | Kiên Giang | 2286 | 69A-158.25 | Cà Mau | 3536 | 71A-200.28 | Bến Tre | 4786 | 68A-348.98 | Kiên Giang |
| 1037 | 69A-159.93 | Cà Mau | 2287 | 70A-524.18 | Tây Ninh | 3537 | 71A-201.77 | Bến Tre | 4787 | 68A-351.19 | Kiên Giang |
| 1038 | 69A-161.36 | Cà Mau | 2288 | 70A-534.55 | Tây Ninh | 3538 | 71C-125.59 | Bến Tre | 4788 | 68C-168.18 | Kiên Giang |
| 1039 | 69C-099.18 | Cà Mau | 2289 | 70A-535.16 | Tây Ninh | 3539 | 71C-127.56 | Bến Tre | 4789 | 68C-168.26 | Kiên Giang |
| 1040 | 69C-100.29 | Cà Mau | 2290 | 70A-536.56 | Tây Ninh | 3540 | 71C-128.58 | Bến Tre | 4790 | 68C-169.33 | Kiên Giang |
| 1041 | 70A-525.16 | Tây Ninh | 2291 | 70A-541.00 | Tây Ninh | 3541 | 72A-788.58 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4791 | 68C-171.85 | Kiên Giang |
| 1042 | 70A-536.38 | Tây Ninh | 2292 | 70A-549.09 | Tây Ninh | 3542 | 72A-789.36 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4792 | 69A-159.22 | Cà Mau |
| 1043 | 70A-540.77 | Tây Ninh | 2293 | 70A-549.77 | Tây Ninh | 3543 | 72A-791.95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4793 | 69A-159.27 | Cà Mau |
| 1044 | 70A-545.65 | Tây Ninh | 2294 | 70A-552.38 | Tây Ninh | 3544 | 72A-797.25 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4794 | 69A-161.55 | Cà Mau |
| 1045 | 70A-548.56 | Tây Ninh | 2295 | 70C-203.09 | Tây Ninh | 3545 | 72A-799.16 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4795 | 69C-100.56 | Cà Mau |
| 1046 | 70A-554.08 | Tây Ninh | 2296 | 70C-204.11 | Tây Ninh | 3546 | 72A-800.35 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4796 | 70A-523.44 | Tây Ninh |
| 1047 | 70C-203.36 | Tây Ninh | 2297 | 70C-207.11 | Tây Ninh | 3547 | 72A-800.58 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 4797 | 70A-525.33 | Tây Ninh |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 1048 | 70C-207.38 | Tây Ninh | 2298 | 71A-194.76 | Bến Tre | 3548 | 73A-344.19 | Quảng Bình | 4798 | 70A-536.16 | Tây Ninh |
| 1049 | 70C-208.33 | Tây Ninh | 2299 | 71A-194.98 | Bến Tre | 3549 | 73A-346.36 | Quảng Bình | 4799 | 70A-538.56 | Tây Ninh |
| 1050 | 70D-007.95 | Tây Ninh | 2300 | 71A-197.08 | Bến Tre | 3550 | 73A-352.98 | Quảng Bình | 4800 | 70A-543.35 | Tây Ninh |
| 1051 | 71A-193.65 | Bến Tre | 2301 | 71A-197.22 | Bến Tre | 3551 | 73A-354.29 | Quảng Bình | 4801 | 70A-543.98 | Tây Ninh |
| 1052 | 71A-195.05 | Bến Tre | 2302 | 71A-199.98 | Bến Tre | 3552 | 73A-355.09 | Quảng Bình | 4802 | 70A-544.95 | Tây Ninh |
| 1053 | 71A-202.19 | Bến Tre | 2303 | 71A-200.35 | Bến Tre | 3553 | 73C-177.18 | Quảng Bình | 4803 | 70A-546.25 | Tây Ninh |
| 1054 | 71C-128.33 | Bến Tre | 2304 | 71C-130.06 | Bến Tre | 3554 | 73C-179.00 | Quảng Bình | 4804 | 70A-546.56 | Tây Ninh |
| 1055 | 72A-786.25 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2305 | 72A-785.28 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3555 | 73C-181.56 | Quảng Bình | 4805 | 70A-551.36 | Tây Ninh |
| 1056 | 72A-786.64 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2306 | 72A-786.13 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3556 | 73C-184.11 | Quảng Bình | 4806 | 70A-553.26 | Tây Ninh |
| 1057 | 72A-789.33 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2307 | 72A-788.06 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3557 | 73C-185.15 | Quảng Bình | 4807 | 70B-030.96 | Tây Ninh |
| 1058 | 72A-790.98 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2308 | 72A-789.35 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3558 | 73C-185.35 | Quảng Bình | 4808 | 70C-202.38 | Tây Ninh |
| 1059 | 72A-791.85 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2309 | 72A-793.77 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3559 | 74A-260.22 | Quảng Trị | 4809 | 70C-205.22 | Tây Ninh |
| 1060 | 72A-792.26 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2310 | 72A-793.95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3560 | 74A-264.65 | Quảng Trị | 4810 | 70C-206.16 | Tây Ninh |
| 1061 | 72A-794.56 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2311 | 72A-794.83 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3561 | 74A-265.09 | Quảng Trị | 4811 | 70C-207.36 | Tây Ninh |
| 1062 | 72A-795.16 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2312 | 72A-795.18 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3562 | 74A-266.98 | Quảng Trị | 4812 | 71A-199.38 | Bến Tre |
| 1063 | 72A-796.28 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2313 | 72A-795.36 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3563 | 74A-267.00 | Quảng Trị | 4813 | 71C-127.00 | Bến Tre |
| 1064 | 72A-798.58 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2314 | 72A-795.56 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3564 | 74C-134.59 | Quảng Trị | 4814 | 72A-786.31 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1065 | 72A-803.44 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2315 | 72A-799.36 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3565 | 75A-366.29 | Thừa Thiên Huế | 4815 | 72A-787.15 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1066 | 72A-804.36 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2316 | 72A-800.83 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3566 | 75A-367.08 | Thừa Thiên Huế | 4816 | 72A-790.85 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1067 | 72C-227.56 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2317 | 72A-801.44 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3567 | 75A-368.26 | Thừa Thiên Huế | 4817 | 72A-791.77 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1068 | 72C-228.44 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2318 | 72A-802.95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3568 | 75A-369.18 | Thừa Thiên Huế | 4818 | 72A-792.98 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1069 | 73A-343.38 | Quảng Bình | 2319 | 72A-803.18 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3569 | 75A-369.22 | Thừa Thiên Huế | 4819 | 72A-793.65 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1070 | 73A-346.11 | Quảng Bình | 2320 | 72C-227.15 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3570 | 75A-370.56 | Thừa Thiên Huế | 4820 | 72A-796.83 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1071 | 73A-347.55 | Quảng Bình | 2321 | 72C-228.98 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3571 | 75C-153.28 | Thừa Thiên Huế | 4821 | 72A-800.95 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1072 | 73A-349.09 | Quảng Bình | 2322 | 72C-229.85 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3572 | 76A-303.95 | Quảng Ngãi | 4822 | 72A-801.58 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1073 | 73A-349.59 | Quảng Bình | 2323 | 72D-007.09 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 3573 | 76A-307.56 | Quảng Ngãi | 4823 | 72A-801.98 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1074 | 73A-350.26 | Quảng Bình | 2324 | 73A-350.51 | Quảng Bình | 3574 | 76A-311.08 | Quảng Ngãi | 4824 | 72C-227.19 | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 1075 | 73A-354.36 | Quảng Bình | 2325 | 73A-350.59 | Quảng Bình | 3575 | 76A-311.15 | Quảng Ngãi | 4825 | 73A-344.08 | Quảng Bình |
| 1076 | 73A-355.06 | Quảng Bình | 2326 | 73A-350.85 | Quảng Bình | 3576 | 76C-173.96 | Quảng Ngãi | 4826 | 73A-344.58 | Quảng Bình |
| 1077 | 73A-355.26 | Quảng Bình | 2327 | 73A-351.19 | Quảng Bình | 3577 | 77A-335.16 | Bình Định | 4827 | 73A-346.22 | Quảng Bình |
| 1078 | 73C-174.22 | Quảng Bình | 2328 | 73A-352.18 | Quảng Bình | 3578 | 77A-336.28 | Bình Định | 4828 | 73A-349.16 | Quảng Bình |
| 1079 | 73C-174.33 | Quảng Bình | 2329 | 73A-353.29 | Quảng Bình | 3579 | 77A-338.16 | Bình Định | 4829 | 73A-351.07 | Quảng Bình |
| 1080 | 73C-177.56 | Quảng Bình | 2330 | 73A-356.16 | Quảng Bình | 3580 | 77A-340.06 | Bình Định | 4830 | 73A-354.09 | Quảng Bình |
| 1081 | 73C-178.77 | Quảng Bình | 2331 | 73C-185.22 | Quảng Bình | 3581 | 77A-340.35 | Bình Định | 4831 | 73C-175.33 | Quảng Bình |
| 1082 | 73C-185.83 | Quảng Bình | 2332 | 73C-185.25 | Quảng Bình | 3582 | 77A-341.35 | Bình Định | 4832 | 74A-259.00 | Quảng Trị |
| 1083 | 74A-263.09 | Quảng Trị | 2333 | 74A-257.19 | Quảng Trị | 3583 | 77C-250.19 | Bình Định | 4833 | 74A-261.28 | Quảng Trị |
| 1084 | 74A-266.06 | Quảng Trị | 2334 | 74A-263.06 | Quảng Trị | 3584 | 78A-198.49 | Phú Yên | 4834 | 74A-262.77 | Quảng Trị |
| 1085 | 74A-267.33 | Quảng Trị | 2335 | 74A-263.83 | Quảng Trị | 3585 | 78A-201.09 | Phú Yên | 4835 | 74A-263.29 | Quảng Trị |
| 1086 | 74D-008.35 | Quảng Trị | 2336 | 74A-264.55 | Quảng Trị | 3586 | 78A-201.29 | Phú Yên | 4836 | 74A-266.18 | Quảng Trị |
| 1087 | 75A-368.93 | Thừa Thiên Huế | 2337 | 74A-264.83 | Quảng Trị | 3587 | 78A-203.38 | Phú Yên | 4837 | 75A-368.19 | Thừa Thiên Huế |
| 1088 | 75C-153.54 | Thừa Thiên Huế | 2338 | 74A-265.28 | Quảng Trị | 3588 | 78A-203.95 | Phú Yên | 4838 | 75C-150.95 | Thừa Thiên Huế |
| 1089 | 75D-006.18 | Thừa Thiên Huế | 2339 | 74A-267.38 | Quảng Trị | 3589 | 78A-205.98 | Phú Yên | 4839 | 75C-153.00 | Thừa Thiên Huế |
| 1090 | 76A-308.44 | Quảng Ngãi | 2340 | 74C-133.16 | Quảng Trị | 3590 | 78A-206.25 | Phú Yên | 4840 | 76A-303.04 | Quảng Ngãi |
| 1091 | 76B-023.77 | Quảng Ngãi | 2341 | 75A-367.98 | Thừa Thiên Huế | 3591 | 78B-015.29 | Phú Yên | 4841 | 76A-303.06 | Quảng Ngãi |
| 1092 | 76C-174.36 | Quảng Ngãi | 2342 | 75A-370.98 | Thừa Thiên Huế | 3592 | 78C-121.59 | Phú Yên | 4842 | 76A-304.36 | Quảng Ngãi |
| 1093 | 76D-008.98 | Quảng Ngãi | 2343 | 75C-152.19 | Thừa Thiên Huế | 3593 | 79A-529.85 | Khánh Hòa | 4843 | 76A-309.44 | Quảng Ngãi |
| 1094 | 77A-337.95 | Bình Định | 2344 | 75C-152.98 | Thừa Thiên Huế | 3594 | 79A-530.22 | Khánh Hòa | 4844 | 76A-310.22 | Quảng Ngãi |
| 1095 | 77A-340.15 | Bình Định | 2345 | 75C-153.09 | Thừa Thiên Huế | 3595 | 79A-530.31 | Khánh Hòa | 4845 | 76A-310.95 | Quảng Ngãi |
| 1096 | 77C-249.00 | Bình Định | 2346 | 76A-306.49 | Quảng Ngãi | 3596 | 79A-532.00 | Khánh Hòa | 4846 | 77A-331.58 | Bình Định |
| 1097 | 77C-249.16 | Bình Định | 2347 | 76A-308.18 | Quảng Ngãi | 3597 | 79A-532.38 | Khánh Hòa | 4847 | 77A-331.59 | Bình Định |
| 1098 | 78A-203.56 | Phú Yên | 2348 | 76A-308.83 | Quảng Ngãi | 3598 | 79A-534.96 | Khánh Hòa | 4848 | 77A-332.95 | Bình Định |
| 1099 | 78A-205.16 | Phú Yên | 2349 | 76C-174.55 | Quảng Ngãi | 3599 | 79A-535.26 | Khánh Hòa | 4849 | 77A-338.19 | Bình Định |
| 1100 | 78A-206.08 | Phú Yên | 2350 | 77A-334.85 | Bình Định | 3600 | 79A-536.33 | Khánh Hòa | 4850 | 77B-034.38 | Bình Định |
| 1101 | 78B-015.28 | Phú Yên | 2351 | 77A-334.98 | Bình Định | 3601 | 79C-213.18 | Khánh Hòa | 4851 | 77C-247.55 | Bình Định |
| 1102 | 78C-121.55 | Phú Yên | 2352 | 77A-340.26 | Bình Định | 3602 | 79C-215.77 | Khánh Hòa | 4852 | 77C-249.11 | Bình Định |
| 1103 | 79A-527.02 | Khánh Hòa | 2353 | 78A-197.55 | Phú Yên | 3603 | 79C-216.06 | Khánh Hòa | 4853 | 77C-249.15 | Bình Định |
| 1104 | 79A-527.32 | Khánh Hòa | 2354 | 78A-201.55 | Phú Yên | 3604 | 79C-220.59 | Khánh Hòa | 4854 | 77C-250.77 | Bình Định |
| 1105 | 79A-530.06 | Khánh Hòa | 2355 | 78A-201.65 | Phú Yên | 3605 | 79C-220.85 | Khánh Hòa | 4855 | 77C-251.28 | Bình Định |
| 1106 | 79A-531.15 | Khánh Hòa | 2356 | 78A-203.18 | Phú Yên | 3606 | 81A-408.55 | Gia Lai | 4856 | 78A-200.95 | Phú Yên |
| 1107 | 79A-532.26 | Khánh Hòa | 2357 | 78A-204.11 | Phú Yên | 3607 | 81A-411.19 | Gia Lai | 4857 | 78A-205.00 | Phú Yên |
| 1108 | 79A-534.29 | Khánh Hòa | 2358 | 78B-015.35 | Phú Yên | 3608 | 81A-414.16 | Gia Lai | 4858 | 78A-205.22 | Phú Yên |
| 1109 | 79A-541.44 | Khánh Hòa | 2359 | 79A-527.04 | Khánh Hòa | 3609 | 81A-414.35 | Gia Lai | 4859 | 79A-535.58 | Khánh Hòa |
| 1110 | 79C-213.09 | Khánh Hòa | 2360 | 79A-529.22 | Khánh Hòa | 3610 | 81A-418.35 | Gia Lai | 4860 | 79A-538.59 | Khánh Hòa |
| 1111 | 79C-214.85 | Khánh Hòa | 2361 | 79A-531.36 | Khánh Hòa | 3611 | 81A-419.26 | Gia Lai | 4861 | 79A-539.95 | Khánh Hòa |
| 1112 | 79C-217.16 | Khánh Hòa | 2362 | 79A-532.33 | Khánh Hòa | 3612 | 81A-420.09 | Gia Lai | 4862 | 79A-541.06 | Khánh Hòa |
| 1113 | 79C-217.55 | Khánh Hòa | 2363 | 79A-538.85 | Khánh Hòa | 3613 | 81C-261.19 | Gia Lai | 4863 | 79C-214.58 | Khánh Hòa |
| 1114 | 81A-403.77 | Gia Lai | 2364 | 79C-220.56 | Khánh Hòa | 3614 | 81C-263.55 | Gia Lai | 4864 | 81A-415.08 | Gia Lai |
| 1115 | 81A-406.36 | Gia Lai | 2365 | 81A-407.16 | Gia Lai | 3615 | 81C-263.85 | Gia Lai | 4865 | 81A-417.26 | Gia Lai |
| 1116 | 81A-413.18 | Gia Lai | 2366 | 81A-413.65 | Gia Lai | 3616 | 81C-266.09 | Gia Lai | 4866 | 81A-420.33 | Gia Lai |
| 1117 | 81A-416.56 | Gia Lai | 2367 | 81A-416.08 | Gia Lai | 3617 | 81C-267.36 | Gia Lai | 4867 | 81A-421.44 | Gia Lai |

| Ca đấu buổi sáng | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 1118 | 81A-416.95 | Gia Lai | 2368 | 81A-416.36 | Gia Lai | 3618 | 82A-146.06 | Kon Tum | 4868 | 81A-424.11 | Gia Lai |
| 1119 | 81A-422.85 | Gia Lai | 2369 | 81A-417.25 | Gia Lai | 3619 | 82A-147.05 | Kon Tum | 4869 | 81A-425.16 | Gia Lai |
| 1120 | 81A-424.25 | Gia Lai | 2370 | 81A-419.77 | Gia Lai | 3620 | 82C-091.18 | Kon Tum | 4870 | 81B-025.00 | Gia Lai |
| 1121 | 81C-261.55 | Gia Lai | 2371 | 81A-420.56 | Gia Lai | 3621 | 82C-091.59 | Kon Tum | 4871 | 81C-263.18 | Gia Lai |
| 1122 | 81C-263.22 | Gia Lai | 2372 | 81A-421.18 | Gia Lai | 3622 | 83A-181.26 | Sóc Trăng | 4872 | 81C-265.08 | Gia Lai |
| 1123 | 81C-264.96 | Gia Lai | 2373 | 81A-421.35 | Gia Lai | 3623 | 83A-182.60 | Sóc Trăng | 4873 | 81C-266.18 | Gia Lai |
| 1124 | 81C-266.25 | Gia Lai | 2374 | 81A-422.15 | Gia Lai | 3624 | 83C-126.95 | Sóc Trăng | 4874 | 81C-266.58 | Gia Lai |
| 1125 | 82A-146.47 | Kon Tum | 2375 | 81A-425.11 | Gia Lai | 3625 | 83C-128.35 | Sóc Trăng | 4875 | 81C-267.06 | Gia Lai |
| 1126 | 82A-149.11 | Kon Tum | 2376 | 81C-261.98 | Gia Lai | 3626 | 84A-139.15 | Trà Vinh | 4876 | 81C-269.15 | Gia Lai |
| 1127 | 82A-149.26 | Kon Tum | 2377 | 81C-262.36 | Gia Lai | 3627 | 84D-002.09 | Trà Vinh | 4877 | 82A-148.22 | Kon Tum |
| 1128 | 82A-150.83 | Kon Tum | 2378 | 81C-265.15 | Gia Lai | 3628 | 85A-139.38 | Ninh Thuận | 4878 | 82A-148.85 | Kon Tum |
| 1129 | 83A-180.76 | Sóc Trăng | 2379 | 81C-269.29 | Gia Lai | 3629 | 85C-081.33 | Ninh Thuận | 4879 | 82C-091.58 | Kon Tum |
| 1130 | 83A-181.90 | Sóc Trăng | 2380 | 82A-146.58 | Kon Tum | 3630 | 86A-297.08 | Bình Thuận | 4880 | 83A-181.33 | Sóc Trăng |
| 1131 | 83A-182.35 | Sóc Trăng | 2381 | 82C-090.25 | Kon Tum | 3631 | 86A-304.25 | Bình Thuận | 4881 | 83A-182.12 | Sóc Trăng |
| 1132 | 83B-019.85 | Sóc Trăng | 2382 | 83A-184.28 | Sóc Trăng | 3632 | 86A-308.06 | Bình Thuận | 4882 | 83A-183.77 | Sóc Trăng |
| 1133 | 84A-136.00 | Trà Vinh | 2383 | 83C-127.08 | Sóc Trăng | 3633 | 86C-199.06 | Bình Thuận | 4883 | 84A-135.19 | Trà Vinh |
| 1134 | 84A-136.38 | Trà Vinh | 2384 | 84A-136.57 | Trà Vinh | 3634 | 86C-200.65 | Bình Thuận | 4884 | 84A-137.17 | Trà Vinh |
| 1135 | 84C-119.77 | Trà Vinh | 2385 | 84A-137.09 | Trà Vinh | 3635 | 86C-201.98 | Bình Thuận | 4885 | 84B-016.22 | Trà Vinh |
| 1136 | 84C-120.26 | Trà Vinh | 2386 | 84A-139.36 | Trà Vinh | 3636 | 86C-202.09 | Bình Thuận | 4886 | 84C-120.98 | Trà Vinh |
| 1137 | 85A-139.83 | Ninh Thuận | 2387 | 84C-120.29 | Trà Vinh | 3637 | 88A-712.00 | Vĩnh Phúc | 4887 | 85A-138.22 | Ninh Thuận |
| 1138 | 85A-140.44 | Ninh Thuận | 2388 | 84D-002.08 | Trà Vinh | 3638 | 88A-718.22 | Vĩnh Phúc | 4888 | 86A-297.38 | Bình Thuận |
| 1139 | 85C-080.25 | Ninh Thuận | 2389 | 85A-136.00 | Ninh Thuận | 3639 | 88A-718.33 | Vĩnh Phúc | 4889 | 86A-298.16 | Bình Thuận |
| 1140 | 86A-297.16 | Bình Thuận | 2390 | 85A-139.33 | Ninh Thuận | 3640 | 88A-718.56 | Vĩnh Phúc | 4890 | 86A-299.58 | Bình Thuận |
| 1141 | 86A-297.73 | Bình Thuận | 2391 | 85A-140.65 | Ninh Thuận | 3641 | 88A-720.28 | Vĩnh Phúc | 4891 | 86A-300.06 | Bình Thuận |
| 1142 | 86A-298.27 | Bình Thuận | 2392 | 85C-081.65 | Ninh Thuận | 3642 | 88A-726.44 | Vĩnh Phúc | 4892 | 86A-303.38 | Bình Thuận |
| 1143 | 86A-300.16 | Bình Thuận | 2393 | 86A-300.65 | Bình Thuận | 3643 | 88A-726.83 | Vĩnh Phúc | 4893 | 86A-303.85 | Bình Thuận |
| 1144 | 86A-303.35 | Bình Thuận | 2394 | 86A-301.16 | Bình Thuận | 3644 | 88A-727.29 | Vĩnh Phúc | 4894 | 86A-306.16 | Bình Thuận |
| 1145 | 86A-304.28 | Bình Thuận | 2395 | 86A-301.25 | Bình Thuận | 3645 | 88A-731.08 | Vĩnh Phúc | 4895 | 88A-710.09 | Vĩnh Phúc |
| 1146 | 86A-305.28 | Bình Thuận | 2396 | 86A-301.38 | Bình Thuận | 3646 | 88A-731.25 | Vĩnh Phúc | 4896 | 88A-717.11 | Vĩnh Phúc |
| 1147 | 86A-305.33 | Bình Thuận | 2397 | 86A-301.85 | Bình Thuận | 3647 | 88A-732.58 | Vĩnh Phúc | 4897 | 88A-720.03 | Vĩnh Phúc |
| 1148 | 86A-306.56 | Bình Thuận | 2398 | 86A-304.83 | Bình Thuận | 3648 | 88A-733.26 | Vĩnh Phúc | 4898 | 88A-720.19 | Vĩnh Phúc |
| 1149 | 86A-307.18 | Bình Thuận | 2399 | 86C-200.19 | Bình Thuận | 3649 | 88A-738.56 | Vĩnh Phúc | 4899 | 88A-720.40 | Vĩnh Phúc |
| 1150 | 86C-203.35 | Bình Thuận | 2400 | 86C-201.35 | Bình Thuận | 3650 | 88A-739.95 | Vĩnh Phúc | 4900 | 88A-726.16 | Vĩnh Phúc |
| 1151 | 88A-706.56 | Vĩnh Phúc | 2401 | 88A-719.53 | Vĩnh Phúc | 3651 | 88A-742.43 | Vĩnh Phúc | 4901 | 88A-726.35 | Vĩnh Phúc |
| 1152 | 88A-707.44 | Vĩnh Phúc | 2402 | 88A-719.95 | Vĩnh Phúc | 3652 | 88C-283.00 | Vĩnh Phúc | 4902 | 88A-729.26 | Vĩnh Phúc |
| 1153 | 88A-708.06 | Vĩnh Phúc | 2403 | 88A-720.25 | Vĩnh Phúc | 3653 | 88C-290.38 | Vĩnh Phúc | 4903 | 88A-729.83 | Vĩnh Phúc |
| 1154 | 88A-716.58 | Vĩnh Phúc | 2404 | 88A-726.96 | Vĩnh Phúc | 3654 | 89A-482.35 | Hưng Yên | 4904 | 88A-730.18 | Vĩnh Phúc |
| 1155 | 88A-718.58 | Vĩnh Phúc | 2405 | 88A-728.19 | Vĩnh Phúc | 3655 | 89A-487.33 | Hưng Yên | 4905 | 88A-730.58 | Vĩnh Phúc |
| 1156 | 88A-722.15 | Vĩnh Phúc | 2406 | 88A-731.55 | Vĩnh Phúc | 3656 | 89A-487.98 | Hưng Yên | 4906 | 88A-731.33 | Vĩnh Phúc |
| 1157 | 88A-724.16 | Vĩnh Phúc | 2407 | 88A-733.16 | Vĩnh Phúc | 3657 | 89A-489.29 | Hưng Yên | 4907 | 88A-734.55 | Vĩnh Phúc |
| 1158 | 88A-727.83 | Vĩnh Phúc | 2408 | 88A-735.29 | Vĩnh Phúc | 3658 | 89A-492.16 | Hưng Yên | 4908 | 88A-735.15 | Vĩnh Phúc |
| 1159 | 88A-730.15 | Vĩnh Phúc | 2409 | 88A-739.36 | Vĩnh Phúc | 3659 | 89A-492.36 | Hưng Yên | 4909 | 88A-735.85 | Vĩnh Phúc |
| 1160 | 88A-733.09 | Vĩnh Phúc | 2410 | 88A-742.16 | Vĩnh Phúc | 3660 | 89A-494.38 | Hưng Yên | 4910 | 88A-736.44 | Vĩnh Phúc |
| 1161 | 88A-733.65 | Vĩnh Phúc | 2411 | 88C-282.16 | Vĩnh Phúc | 3661 | 89A-496.08 | Hưng Yên | 4911 | 88A-741.18 | Vĩnh Phúc |
| 1162 | 88A-735.38 | Vĩnh Phúc | 2412 | 88C-288.58 | Vĩnh Phúc | 3662 | 89A-496.55 | Hưng Yên | 4912 | 88C-283.06 | Vĩnh Phúc |
| 1163 | 88A-738.22 | Vĩnh Phúc | 2413 | 88C-294.85 | Vĩnh Phúc | 3663 | 89C-331.22 | Hưng Yên | 4913 | 88C-285.19 | Vĩnh Phúc |
| 1164 | 88A-741.58 | Vĩnh Phúc | 2414 | 88C-295.09 | Vĩnh Phúc | 3664 | 90A-263.43 | Hà Nam | 4914 | 88C-290.36 | Vĩnh Phúc |
| 1165 | 88C-280.22 | Vĩnh Phúc | 2415 | 88C-295.36 | Vĩnh Phúc | 3665 | 90A-268.29 | Hà Nam | 4915 | 88C-291.55 | Vĩnh Phúc |
| 1166 | 88C-287.33 | Vĩnh Phúc | 2416 | 89A-470.56 | Hưng Yên | 3666 | 90A-271.28 | Hà Nam | 4916 | 88C-294.65 | Vĩnh Phúc |
| 1167 | 88C-291.36 | Vĩnh Phúc | 2417 | 89A-475.19 | Hưng Yên | 3667 | 90C-141.44 | Hà Nam | 4917 | 89A-468.11 | Hưng Yên |
| 1168 | 88C-292.98 | Vĩnh Phúc | 2418 | 89A-481.08 | Hưng Yên | 3668 | 90C-144.19 | Hà Nam | 4918 | 89A-475.22 | Hưng Yên |
| 1169 | 88C-293.94 | Vĩnh Phúc | 2419 | 89A-484.09 | Hưng Yên | 3669 | 92A-397.09 | Quảng Nam | 4919 | 89A-480.02 | Hưng Yên |
| 1170 | 89A-468.85 | Hưng Yên | 2420 | 89A-484.95 | Hưng Yên | 3670 | 92A-408.00 | Quảng Nam | 4920 | 89A-489.06 | Hưng Yên |
| 1171 | 89A-470.59 | Hưng Yên | 2421 | 89A-484.96 | Hưng Yên | 3671 | 92A-410.77 | Quảng Nam | 4921 | 89A-490.58 | Hưng Yên |
| 1172 | 89A-487.16 | Hưng Yên | 2422 | 89A-484.98 | Hưng Yên | 3672 | 92A-411.19 | Quảng Nam | 4922 | 89A-494.26 | Hưng Yên |
| 1173 | 89A-487.55 | Hưng Yên | 2423 | 89A-486.06 | Hưng Yên | 3673 | 92A-411.98 | Quảng Nam | 4923 | 89A-496.85 | Hưng Yên |
| 1174 | 89A-490.59 | Hưng Yên | 2424 | 89A-487.29 | Hưng Yên | 3674 | 92A-412.56 | Quảng Nam | 4924 | 89C-331.00 | Hưng Yên |
| 1175 | 89A-493.16 | Hưng Yên | 2425 | 89A-489.55 | Hưng Yên | 3675 | 92A-413.26 | Quảng Nam | 4925 | 90A-264.55 | Hà Nam |
| 1176 | 89A-493.56 | Hưng Yên | 2426 | 89A-491.16 | Hưng Yên | 3676 | 92A-415.00 | Quảng Nam | 4926 | 90A-264.96 | Hà Nam |
| 1177 | 89A-494.08 | Hưng Yên | 2427 | 89C-327.36 | Hưng Yên | 3677 | 92C-243.00 | Quảng Nam | 4927 | 90A-267.15 | Hà Nam |
| 1178 | 89A-494.19 | Hưng Yên | 2428 | 89C-327.55 | Hưng Yên | 3678 | 92C-244.19 | Quảng Nam | 4928 | 90A-273.18 | Hà Nam |
| 1179 | 89A-494.28 | Hưng Yên | 2429 | 89C-327.65 | Hưng Yên | 3679 | 93A-463.22 | Bình Phước | 4929 | 90C-144.36 | Hà Nam |
| 1180 | 89A-495.58 | Hưng Yên | 2430 | 89C-331.58 | Hưng Yên | 3680 | 93A-471.08 | Bình Phước | 4930 | 90C-146.44 | Hà Nam |
| 1181 | 89A-495.77 | Hưng Yên | 2431 | 89C-331.96 | Hưng Yên | 3681 | 93A-474.36 | Bình Phước | 4931 | 92A-397.33 | Quảng Nam |
| 1182 | 89C-326.11 | Hưng Yên | 2432 | 90A-261.65 | Hà Nam | 3682 | 93A-474.58 | Bình Phước | 4932 | 92A-408.96 | Quảng Nam |
| 1183 | 89C-331.09 | Hưng Yên | 2433 | 90A-268.59 | Hà Nam | 3683 | 93A-476.06 | Bình Phước | 4933 | 92A-409.29 | Quảng Nam |
| 1184 | 89C-332.18 | Hưng Yên | 2434 | 90A-269.85 | Hà Nam | 3684 | 93A-477.08 | Bình Phước | 4934 | 92A-410.11 | Quảng Nam |
| 1185 | 89C-332.44 | Hưng Yên | 2435 | 90A-273.22 | Hà Nam | 3685 | 93A-478.08 | Bình Phước | 4935 | 92A-415.16 | Quảng Nam |
| 1186 | 89C-332.58 | Hưng Yên | 2436 | 90C-148.98 | Hà Nam | 3686 | 93A-479.77 | Bình Phước | 4936 | 92A-415.22 | Quảng Nam |
| 1187 | 89D-019.26 | Hưng Yên | 2437 | 92A-408.11 | Quảng Nam | 3687 | 93A-485.22 | Bình Phước | 4937 | 92C-239.59 | Quảng Nam |

## Ca đấu buổi sáng

| Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55' | | | Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40' | | | Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25' | | | Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10' | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố | STT | Biển số | Tỉnh/ Thành phố |
| 1188 | 90A-273.58 | Hà Nam | 2438 | 92A-408.38 | Quảng Nam | 3688 | 93A-485.77 | Bình Phước | 4938 | 92C-249.56 | Quảng Nam |
| 1189 | 92A-396.59 | Quảng Nam | 2439 | 92A-412.83 | Quảng Nam | 3689 | 93B-018.28 | Bình Phước | 4939 | 93A-471.59 | Bình Phước |
| 1190 | 92A-403.16 | Quảng Nam | 2440 | 92B-032.09 | Quảng Nam | 3690 | 93B-018.35 | Bình Phước | 4940 | 93A-472.00 | Bình Phước |
| 1191 | 92A-406.25 | Quảng Nam | 2441 | 92C-247.18 | Quảng Nam | 3691 | 93C-187.09 | Bình Phước | 4941 | 93A-475.00 | Bình Phước |
| 1192 | 92A-406.85 | Quảng Nam | 2442 | 92C-247.33 | Quảng Nam | 3692 | 93C-192.85 | Bình Phước | 4942 | 93A-479.35 | Bình Phước |
| 1193 | 92A-413.56 | Quảng Nam | 2443 | 93A-479.55 | Bình Phước | 3693 | 93C-195.38 | Bình Phước | 4943 | 93A-480.06 | Bình Phước |
| 1194 | 92A-413.95 | Quảng Nam | 2444 | 93A-481.35 | Bình Phước | 3694 | 94A-103.16 | Bạc Liêu | 4944 | 93A-481.25 | Bình Phước |
| 1195 | 92C-241.55 | Quảng Nam | 2445 | 93A-481.65 | Bình Phước | 3695 | 94A-104.45 | Bạc Liêu | 4945 | 93C-187.36 | Bình Phước |
| 1196 | 92C-246.44 | Quảng Nam | 2446 | 93A-483.55 | Bình Phước | 3696 | 94A-104.94 | Bạc Liêu | 4946 | 93C-192.77 | Bình Phước |
| 1197 | 92C-249.55 | Quảng Nam | 2447 | 93C-184.58 | Bình Phước | 3697 | 94C-078.09 | Bạc Liêu | 4947 | 93C-194.06 | Bình Phước |
| 1198 | 92D-005.19 | Quảng Nam | 2448 | 93C-186.33 | Bình Phước | 3698 | 95A-121.19 | Hậu Giang | 4948 | 93C-195.58 | Bình Phước |
| 1199 | 93A-464.38 | Bình Phước | 2449 | 93C-187.19 | Bình Phước | 3699 | 95A-124.09 | Hậu Giang | 4949 | 94A-105.75 | Bạc Liêu |
| 1200 | 93A-477.06 | Bình Phước | 2450 | 93C-192.38 | Bình Phước | 3700 | 95A-128.38 | Hậu Giang | 4950 | 94C-079.38 | Bạc Liêu |
| 1201 | 93A-478.56 | Bình Phước | 2451 | 93C-192.56 | Bình Phước | 3701 | 95B-010.22 | Hậu Giang | 4951 | 95A-121.00 | Hậu Giang |
| 1202 | 93A-481.08 | Bình Phước | 2452 | 93C-193.44 | Bình Phước | 3702 | 95B-010.58 | Hậu Giang | 4952 | 95A-126.55 | Hậu Giang |
| 1203 | 93A-483.19 | Bình Phước | 2453 | 94A-103.59 | Bạc Liêu | 3703 | 95C-085.56 | Hậu Giang | 4953 | 95A-128.74 | Hậu Giang |
| 1204 | 93A-483.28 | Bình Phước | 2454 | 94A-104.59 | Bạc Liêu | 3704 | 95D-020.36 | Hậu Giang | 4954 | 95A-130.06 | Hậu Giang |
| 1205 | 93C-191.09 | Bình Phước | 2455 | 94A-105.32 | Bạc Liêu | 3705 | 97A-090.32 | Bắc Kạn | 4955 | 95C-081.44 | Hậu Giang |
| 1206 | 93C-193.56 | Bình Phước | 2456 | 95A-129.22 | Hậu Giang | 3706 | 97C-040.33 | Bắc Kạn | 4956 | 95C-085.18 | Hậu Giang |
| 1207 | 93C-194.09 | Bình Phước | 2457 | 95A-129.34 | Hậu Giang | 3707 | 97C-041.16 | Bắc Kạn | 4957 | 97A-085.18 | Bắc Kạn |
| 1208 | 94A-103.18 | Bạc Liêu | 2458 | 95B-010.09 | Hậu Giang | 3708 | 97C-041.38 | Bắc Kạn | 4958 | 97A-090.33 | Bắc Kạn |
| 1209 | 95A-121.58 | Hậu Giang | 2459 | 95C-084.09 | Hậu Giang | 3709 | 98A-738.56 | Bắc Giang | 4959 | 97C-039.22 | Bắc Kạn |
| 1210 | 95A-122.09 | Hậu Giang | 2460 | 97C-040.55 | Bắc Kạn | 3710 | 98A-741.59 | Bắc Giang | 4960 | 97C-043.18 | Bắc Kạn |
| 1211 | 95A-128.57 | Hậu Giang | 2461 | 98A-758.11 | Bắc Giang | 3711 | 98A-746.38 | Bắc Giang | 4961 | 97C-043.77 | Bắc Kạn |
| 1212 | 95B-010.18 | Hậu Giang | 2462 | 98A-764.78 | Bắc Giang | 3712 | 98A-761.09 | Bắc Giang | 4962 | 98A-742.06 | Bắc Giang |
| 1213 | 95C-083.19 | Hậu Giang | 2463 | 98A-766.65 | Bắc Giang | 3713 | 98A-761.19 | Bắc Giang | 4963 | 98A-759.77 | Bắc Giang |
| 1214 | 95C-084.58 | Hậu Giang | 2464 | 98A-768.85 | Bắc Giang | 3714 | 98A-764.18 | Bắc Giang | 4964 | 98A-761.38 | Bắc Giang |
| 1215 | 97C-041.33 | Bắc Kạn | 2465 | 98A-769.55 | Bắc Giang | 3715 | 98A-768.08 | Bắc Giang | 4965 | 98A-767.19 | Bắc Giang |
| 1216 | 98A-743.56 | Bắc Giang | 2466 | 98A-770.35 | Bắc Giang | 3716 | 98A-772.00 | Bắc Giang | 4966 | 98A-768.29 | Bắc Giang |
| 1217 | 98A-749.22 | Bắc Giang | 2467 | 98A-771.98 | Bắc Giang | 3717 | 98A-773.09 | Bắc Giang | 4967 | 98A-773.29 | Bắc Giang |
| 1218 | 98A-758.59 | Bắc Giang | 2468 | 98A-772.59 | Bắc Giang | 3718 | 98A-774.36 | Bắc Giang | 4968 | 98A-774.29 | Bắc Giang |
| 1219 | 98A-771.33 | Bắc Giang | 2469 | 98A-773.65 | Bắc Giang | 3719 | 98A-776.96 | Bắc Giang | 4969 | 98A-777.83 | Bắc Giang |
| 1220 | 98A-772.15 | Bắc Giang | 2470 | 98A-775.35 | Bắc Giang | 3720 | 98A-778.16 | Bắc Giang | 4970 | 98A-780.38 | Bắc Giang |
| 1221 | 98A-775.36 | Bắc Giang | 2471 | 98A-775.98 | Bắc Giang | 3721 | 98A-779.08 | Bắc Giang | 4971 | 98A-786.35 | Bắc Giang |
| 1222 | 98A-779.83 | Bắc Giang | 2472 | 98A-777.85 | Bắc Giang | 3722 | 98A-781.85 | Bắc Giang | 4972 | 98A-792.59 | Bắc Giang |
| 1223 | 98A-780.16 | Bắc Giang | 2473 | 98A-781.83 | Bắc Giang | 3723 | 98A-786.15 | Bắc Giang | 4973 | 98A-794.96 | Bắc Giang |
| 1224 | 98A-784.36 | Bắc Giang | 2474 | 98A-782.16 | Bắc Giang | 3724 | 98A-790.55 | Bắc Giang | 4974 | 98A-795.56 | Bắc Giang |
| 1225 | 98A-785.33 | Bắc Giang | 2475 | 98A-787.15 | Bắc Giang | 3725 | 98A-791.00 | Bắc Giang | 4975 | 98A-795.77 | Bắc Giang |
| 1226 | 98A-790.96 | Bắc Giang | 2476 | 98A-795.58 | Bắc Giang | 3726 | 98A-791.56 | Bắc Giang | 4976 | 98A-797.11 | Bắc Giang |
| 1227 | 98A-794.98 | Bắc Giang | 2477 | 98A-796.16 | Bắc Giang | 3727 | 98A-792.11 | Bắc Giang | 4977 | 98C-339.09 | Bắc Giang |
| 1228 | 98A-797.38 | Bắc Giang | 2478 | 98A-796.38 | Bắc Giang | 3728 | 98A-794.38 | Bắc Giang | 4978 | 98C-346.55 | Bắc Giang |
| 1229 | 98B-040.98 | Bắc Giang | 2479 | 98C-339.77 | Bắc Giang | 3729 | 98A-796.18 | Bắc Giang | 4979 | 98C-351.26 | Bắc Giang |
| 1230 | 98C-346.16 | Bắc Giang | 2480 | 98C-345.22 | Bắc Giang | 3730 | 98A-796.85 | Bắc Giang | 4980 | 98C-354.85 | Bắc Giang |
| 1231 | 98C-349.06 | Bắc Giang | 2481 | 98C-347.56 | Bắc Giang | 3731 | 98C-349.36 | Bắc Giang | 4981 | 99A-770.78 | Bắc Ninh |
| 1232 | 98C-352.59 | Bắc Giang | 2482 | 98C-347.58 | Bắc Giang | 3732 | 98D-015.09 | Bắc Giang | 4982 | 99A-771.96 | Bắc Ninh |
| 1233 | 98C-353.95 | Bắc Giang | 2483 | 98C-355.08 | Bắc Giang | 3733 | 99A-770.85 | Bắc Ninh | 4983 | 99A-778.96 | Bắc Ninh |
| 1234 | 99A-770.41 | Bắc Ninh | 2484 | 99A-767.83 | Bắc Ninh | 3734 | 99A-773.44 | Bắc Ninh | 4984 | 99A-779.06 | Bắc Ninh |
| 1235 | 99A-773.85 | Bắc Ninh | 2485 | 99A-767.98 | Bắc Ninh | 3735 | 99A-774.00 | Bắc Ninh | 4985 | 99A-780.28 | Bắc Ninh |
| 1236 | 99A-776.19 | Bắc Ninh | 2486 | 99A-771.58 | Bắc Ninh | 3736 | 99A-776.15 | Bắc Ninh | 4986 | 99A-788.96 | Bắc Ninh |
| 1237 | 99A-779.08 | Bắc Ninh | 2487 | 99A-773.16 | Bắc Ninh | 3737 | 99A-776.58 | Bắc Ninh | 4987 | 99A-793.56 | Bắc Ninh |
| 1238 | 99A-783.44 | Bắc Ninh | 2488 | 99A-782.00 | Bắc Ninh | 3738 | 99A-776.65 | Bắc Ninh | 4988 | 99A-794.06 | Bắc Ninh |
| 1239 | 99A-784.08 | Bắc Ninh | 2489 | 99A-783.96 | Bắc Ninh | 3739 | 99A-776.83 | Bắc Ninh | 4989 | 99A-797.00 | Bắc Ninh |
| 1240 | 99A-786.11 | Bắc Ninh | 2490 | 99A-788.16 | Bắc Ninh | 3740 | 99A-780.98 | Bắc Ninh | 4990 | 99A-798.44 | Bắc Ninh |
| 1241 | 99A-787.06 | Bắc Ninh | 2491 | 99A-788.19 | Bắc Ninh | 3741 | 99A-783.56 | Bắc Ninh | 4991 | 99C-309.58 | Bắc Ninh |
| 1242 | 99A-789.29 | Bắc Ninh | 2492 | 99A-793.18 | Bắc Ninh | 3742 | 99A-784.26 | Bắc Ninh | 4992 | 99C-309.59 | Bắc Ninh |
| 1243 | 99A-790.22 | Bắc Ninh | 2493 | 99A-795.08 | Bắc Ninh | 3743 | 99A-785.00 | Bắc Ninh | 4993 | 99C-312.96 | Bắc Ninh |
| 1244 | 99A-792.28 | Bắc Ninh | 2494 | 99A-795.09 | Bắc Ninh | 3744 | 99A-786.95 | Bắc Ninh | 4994 | 99C-312.98 | Bắc Ninh |
| 1245 | 99A-796.33 | Bắc Ninh | 2495 | 99A-795.33 | Bắc Ninh | 3745 | 99A-787.16 | Bắc Ninh | 4995 | 99C-313.16 | Bắc Ninh |
| 1246 | 99A-797.22 | Bắc Ninh | 2496 | 99A-798.00 | Bắc Ninh | 3746 | 99A-795.83 | Bắc Ninh | 4996 | 99C-314.58 | Bắc Ninh |
| 1247 | 99A-797.59 | Bắc Ninh | 2497 | 99A-798.55 | Bắc Ninh | 3747 | 99A-798.28 | Bắc Ninh | 4997 | 99C-315.25 | Bắc Ninh |
| 1248 | 99C-312.85 | Bắc Ninh | 2498 | 99A-800.38 | Bắc Ninh | 3748 | 99C-314.28 | Bắc Ninh | 4998 | 99C-315.56 | Bắc Ninh |
| 1249 | 99C-313.22 | Bắc Ninh | 2499 | 99C-310.19 | Bắc Ninh | 3749 | 99C-314.33 | Bắc Ninh | 4999 | 99C-316.25 | Bắc Ninh |
| 1250 | 99C-315.18 | Bắc Ninh | 2500 | 99C-315.08 | Bắc Ninh | 3750 | 99C-315.95 | Bắc Ninh | 5000 | 99D-019.59 | Bắc Ninh |